

Cách dùng, liều lượng:

Quả Xoan nguyên vẹn rang giòn tán thô, ngâm vào cồn 90° trong 5 - 7 ngày.

Gạn lấy dung dịch cồn dùng. Nạo sạch lỗ thủng ở răng (theo quy định của chuyên khoa) sát khuẩn chỗ nạo bằng nước Oxy già hoặc Ether, rồi đặt bông tẩm cồn quả Xoan hàn tạm lại.

Sau 5 - 7 ngày tháo bỏ bông cồn nếu không thấy hơi thì hàn vĩnh viễn.

Chú ý:

Thuốc có độc dùng cẩn thận. Không được nuốt.

10. NƯỚC SẮC SAO ĐEN

Vỏ cây Sao đen
(cạo sạch vỏ ngoài) 100g

Chủ trị:

Viêm quanh răng, viêm tuỷ răng, hoại tử tuỷ răng, viêm lợi chảy máu, túi viêm răng khôn, viêm ổ răng sau mổ, viêm niêm mạc miệng không đặc hiệu (Apto), áp xe hoại tử lợi.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Sao đen cho vào 500ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chắt lọc trong, thêm 10ml cồn 70° để bảo quản.

Lấy sạch cao răng, rửa miệng bằng nước Oxy già. Chấm hoặc đắp bông tẩm nước sắc Sao đen vào nơi có bệnh để nguyên trong 20 - 30 phút rồi nhổ bỏ đi.

Ngày chấm và đắp bông 2 - 3 lần. Làm như vậy trong 5 - 7 ngày.

11. NƯỚC SẮC THÔNG

Vỏ và thân cây Thông 100ml

Chủ trị:

Viêm quanh cuống răng, viêm quanh răng, chảy máu lợi mồm hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ và thân cây Thông cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, ngâm súc miệng, ngày 3 - 4 lần. Mỗi lần ngâm trong 10 - 15 phút nhổ đi.

Có thể dùng rượu Thông 20% (20g vỏ thân cây Thông + 100ml rượu trắng 40°.

Ngâm trong 5 - 7 ngày, ngâm súc miệng như nước sắc Thông.

12. CỐN THÔNG

Vỏ và thân cây Thông 50g
Cồn 70° 100ml

Chủ trị:

Viêm quanh cuống răng, viêm quanh răng, răng khôn mọc lệch có biến chứng, chảy máu lợi mồm hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ và thân cây Thông cho vào cồn 70° ngâm trong 7 ngày. Rửa sạch miệng bằng nước Oxy già, chấm cồn thuốc vào lợi và răng đau.

Kết hợp ngâm và súc miệng bằng rượu Thông.

13. CỐN MẮT THÔNG

Vỏ mắt cây thông 250g
Cồn 70° 500ml

Chủ trị:

Viêm quanh cuống răng kể cả 3 thể: Mủ, khô, hỗn hợp. (Răng hết lung lay, lợi hết viêm và hết chảy máu, chân răng sạch mủ).

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ mắt cây Thông cạo sạch vỏ ngoài, sao vàng hạ thổ ngâm trong cồn 70° từ 5 - 7 ngày.

Cạo sạch cao răng và súc miệng nước muối, sau đó ngâm dung dịch cồn mắt Thông.

Ngày ngâm 2 lần, mỗi lần ngâm 10 - 15 phút.

Mỗi liệu trình từ 15 - 20 ngày.

14. CỐN VỎ CÂY ĐẠI

Vỏ cây Đại 20g
Cồn 70° 100ml

Chủ trị:

Viêm quanh răng, viêm lợi chảy máu mủ, viêm nhiễm lợi mạn tính.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Đại sậy khô ngâm trong cồn 5-7 ngày.
Mỗi ngày ngâm 3 - 4 lần, mỗi lần ngâm 10 -15 phút.

Mỗi liệu trình điều trị 5 ngày. Điều trị 4 - 5 đợt.
Có thể dùng cồn thuốc 50% để chấm vào vùng lợi viêm nhiễm.

15. RƯỢU THẠCH LỰU

Búp lá cây Thạch lựu tía 300g
Rượu trắng 45° 300ml

Chủ trị:

Chân răng đau nhức hoặc hàm răng đau nhức.

Cách dùng, liều lượng:

Búp lá Thạch lựu rửa sạch, thái nhỏ, cho vào siêu đất cho rượu trộn đều đầy vùng kín, đun sôi nhẹ, để nguội, gạn lấy nước rượu.

Ngày ngâm 2-3 lần, mỗi lần ngâm 10-15 phút.

16. NƯỚC SẮC HOÀNG OANH DIỆP

Hoàng oanh diệp (lá Duối) 200g

Chủ trị:

Đau nhức răng.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Duối cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia ngâm 3 - 4 lần trong ngày.

**17. TƯ ÂM THANH NHIỆT
SẮT KHUẨN THANG**

Sinh địa 20g
Thạch cao 15g
Thanh bì 15g
Đan bì 15g
Kính giới 15g
Phòng phong 10g
Cam thảo 15g

Chủ trị:

Răng đau nhức, lung lay, chảy máu, sưng bọng răng phát sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, người lớn chia uống 2 lần trong ngày.

Trẻ em tùy tuổi giảm liều.

Chú ý gia vị:

Nếu đau 4 răng cửa hàm trên gia thêm:

Hoàng liên 8g

Nếu đau 4 răng cửa hàm dưới gia thêm:

Hoàng bá 8g

Nếu đau 3 răng nanh hàm trên gia thêm:

Xuyên khung 10g

Chỉ xác 10g

Nếu đau 2 răng lớn hàm trên bên phải gia thêm:

Hoàng cầm 10g

Chỉ xác 10g

Nếu đau 3 răng lớn hàm dưới bên phải gia thêm:

Hoàng cầm 10g

Cát cánh 10g

Nếu đau 3 răng lớn hàm trên bên trái gia thêm:

Khương hoạt 10g

Long đởm thảo 10g

Nếu đau 3 răng lớn hàm dưới bên trái gia thêm:

Sài hồ 10g

Chi tử 10g

Kết hợp dùng thuốc bột sau chấm xia vào răng đau.

Thanh đại 5g

Hoàng liên 5g

Ngũ bội tử 15g

Kê nội kim (sao cháy xém) 3 cái

Hoàng bá (sao) 5g

Lá Cam sành (sao) 5g

Hùng hoàng 3g

Long não (để riêng) 2g

Tất cả các vị tán bột mịn, cho Long não vào nghiền trộn đều. Khi đau răng lấy đầu que tăm chấm thuốc bột xia vào.

Kiêng kỵ:

Kiêng thịt gà và các chất cay nóng.

18. RƯỢU LỘC VÙNG TẮM XOỌNG

Vỏ cây Lộc vùng	50g
Rễ cây Tầm xoọng (Mền tên)	50g
Xương bồ	50g
Quả Cà gai	50g

Chủ trị:

Sâu răng, đau nhức răng, chảy máu chân răng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, nghiền nhỏ ngâm vào 300ml rượu trắng 45°. Dùng tăm bông chấm rượu thuốc vào nơi đau hoặc đặt bông rượu thuốc tại chỗ đau. Ngày đặt nhiều lần.

19. THUỐC XÚC MIỆNG TRẦU KHÔNG BÚP BÀNG NGHỆ VÀNG

Trầu không tươi	50g
Búp Bàng (cây Bàng) tươi	50g
Nghệ vàng tươi	50g
Rượu trắng 40 - 45°	đủ dùng

Chủ trị:

Viêm lợi, sưng bọng răng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch để ráo nước, giã thật nhỏ cho vào chai đổ ngập rượu, đun cách thủy sôi 30 phút, để nguội ngâm súc miệng ngày 2-3 lần, mỗi lần ngâm 10-15 phút nhỏ đi.

20. THANG THẠCH MÔN HUYẾN

Thạch cao sống (giã dập)	20g
Mạch môn	16g
Huyền sâm	16g
Sinh địa	16g
Thục địa	16g
Tri mẫu	16g
Ngưu tất	20g
Đương quy	12g

Chủ trị:

Nha chu viêm, chảy máu chân răng, lở loét chân răng, răng lung lay, miệng hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 5 ngày.

21. CỐN HOÀNG OANH HƯƠNG PHỤ

Hoàng oanh bì (vỏ cây Duối)	50g
Hương phụ	50g
Cồn 70°	100ml

Chủ trị:

Đau nhức răng.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ Duối cạo sạch vỏ ngoài, củ Gấu loại bỏ hết lông.

Cả hai vị giã hoặc nghiền nát, cho vào cồn ngâm 7 ngày.

Dùng tăm bông nhúng cồn thuốc nhét vào chỗ răng bị đau, ngâm trong 15 - 20 phút.

Ngày ngâm 2 - 4 lần.

22. NHA CAM TẤU MÃ TÁN

Thanh đại	20g
Nhân trung bạch	
(cặn nước Tiểu)	20g
Hoàng liên	12g
Đinh hương	8g
Hoàng bá	8g
Bạch phàn	8g
Sạ hương	4g
Đại hồi	4g

Chủ trị:

Cam tẩu mã (ung sử): Đầu tiên loét ở phần mềm miệng (môi, má) sau đó lan dần vào lợi và xương hàm làm răng lung lay, lan rất nhanh có thể 1 - 2 ngày ăn lan đến môi, mũi, phá huỷ các phần mềm và xương bị hoại tử trơ ra.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị tán bột mịn.

Rửa sạch chỗ răng lợi bị loét bằng nước Oxy già, đắp bột thuốc vào chỗ loét ngày 3-4 lần.

23. THẠCH ĐẠN
HƯƠNG BIỂN XÍCH THANG

Thạch hộc	9g
Đan bì	9g
Hương nhu	6g
Bạch biển đậu	9g
Xích thước	9g
Chỉ xác	6g
Phục linh	9g

Quất bì	6g
Cam thảo	3g

Chủ trị:

Loét miệng, sưng viêm quanh chân răng, sốt sau khi lên sởi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH TAI

1. BỘT HÙNG ĐƠN

Hùng hoàng	4g
Hùng đơn	8g
Băng sa	8g
Băng phiến	4g
Khô phàn	20g

Chủ trị:

Viêm tai giữa có mủ, thối.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, trộn đều.

Mỗi buổi tối và sáng lau sạch mủ và chất nhầy bằng nước muối loãng, lau khô.

Dùng giấy sạch cuộn thành 1 ống nhỏ (đầu to, đầu bé như miệng phễu) cho 1 ít bột thuốc bằng hạt ngô thổi vào tai.

2. CAO LÔNG PH3

Phèn phi (Khô phàn)	50g
Lá Hẹ tươi	100g
Hồng hoa	100g
Nước	2000ml

Chủ trị:

Viêm tai có mủ (chưa có biến chứng viêm tai xương chũm).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào nước đun sôi kỹ trong 2 giờ, gạn ép lấy nước, lọc trong, cô lại còn 100ml.

Rửa và lau sạch tai bằng nước Oxy già.

Sau đó nhỏ thuốc cao vào tai.

Ngày nhỏ 2 lần.

3. CỬU THÁI TRẤP

Lá Hẹ tươi (Cửu thái)	20g
-----------------------	-----

Chủ trị:

Lỗ tai sưng, đau nhức, có khi ra mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Hẹ tươi, rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước cốt nhỏ vào lỗ tai.

Ngày nhỏ 3-4 lần. Nhỏ đến khi hết sưng đau.

4. BẠCH PHÀN XÀ THOẠI TÁN

Bột Phèn phi	
(Bạch phàn phi)	2 phần
Bột than xác Rắn (Xà thoại)	1 phần
Bột than xác Ve sầu	
(Thuyền thoại)	1 phần

Chủ trị:

Viêm tai giữa chảy mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Xác Rắn, xác Ve sầu đốt tồn tính, Phèn chua phi khô.

Các vị trộn đều, tán bột mịn.

Rửa sạch tai, lau khô, rắc 1 lượng thuốc bột bằng hạt đậu xanh vào lỗ tai.

Ngày rắc 1 - 2 lần.

5. THANG CỬU THÁI KHÔ PHÀN

Nước ép lá Hẹ tươi.
Bột Khô phàn tán mịn.

Chủ trị:

Viêm tai giữa chảy mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Nước ép lá Hẹ để riêng.

Bột Khô phàn để riêng.

Rửa sạch tai, lau khô, thổi 1 lượng bột Phèn phi bằng hạt đậu xanh vào trong lỗ tai, sau đó nhỏ vào lỗ tai 1 - 2 giọt nước ép lá Hẹ tươi.

Ngày nhỏ 1 - 2 lần.

6. THƯƠNG MA NHĨ THẢO XƯƠNG BỔ THANG

Thương ma
(cây Cối xay Trung Quốc) 20g
Hổ nhĩ thảo (cỏ Tai hổ) 20g
Thạch xương bồ 10g
Vương bất lưu hành (cây Mua) 12g

Chủ trị:

Tai ù, tai nghe như tiếng ve kêu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Không có cây Cối xay Trung Quốc thay bằng cây Cối xay Việt Nam cùng họ.

7. TANG DIỆP CHI MA HOÀN

Tang diệp 250g
Hắc chi ma (Vừng đen) 60g

Chủ trị:

Ù tai, hoa mắt, nhức đầu, huyết áp tăng do can thận suy yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao nhẹ, tán bột mịn, luyện mật ong làm hoàn 1 - 2g.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g. Uống với nước chín hay nước muối nhạt. Uống xa bữa ăn.

PHẦN NĂM

NGOẠI THƯƠNG KHOA

CÁC BÀI THUỐC CHỮA CHOÁNG, NGẤT, CHẤN THƯƠNG, BONG GÂN, SAI KHỚP, VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM, BÓ GỠ XƯƠNG, CHẢY MÁU, BỎNG, VIÊM CƠ, UNG NHỌT

1. BỘT SÂM ĐẠI HÀNH

Củ Sâm đại hành (Tỏi lã) lượng tùy ý

Chủ trị:

Choáng (Hư khắc) do bị thương nặng

Cách dùng, liều lượng:

Thái nhỏ tẩm nước gừng sao khô tán bột mịn, trộn đều.

Người lớn ngày uống 3 lần, mỗi lần 20g.

Trẻ em dưới 10 tuổi 1/2 liều người lớn, chia 3 lần.

Hoà thuốc vào nước sôi, thêm chút đường, vừa ngọt, cách 3 - 4 giờ uống 1 lần.

Người lớn ngày uống 3 lần mỗi lần 15 - 20g.

Trẻ em dưới 10 tuổi, uống 1/2 liều người lớn chia 3 lần.

Hoà thuốc vào nước sôi uống, cách 3 - 4 giờ uống 1 lần.

Chú ý:

Nếu không có Nhân sâm có thể dùng Sâm cát lã của Trung Quốc hoặc Bồ chính sâm.

2. BỘT SÂM TÔ LIÊN THẢO

Nhân sâm (tẩm gừng sao) 100g

Tô mộc 100g

Hạn liên thảo (cỏ Mực) khô 50g

Chủ trị:

Choáng do vết thương quá đau, mất máu nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy khô, tán bột mịn, trộn đều.

3. RƯỢU ĐỒNG TIỆN

Nước tiểu trẻ em 50ml

Rượu trắng 40° 30ml

Chủ trị:

Choáng do bị thương dập nát, huyết ứ sưng tím, đau nhức hoặc bị bỏng nặng đau rất sinh choáng.

Cách dùng, liều lượng:

Dùng nước tiểu trẻ em 2 - 7 tuổi khoẻ mạnh, đái bỏ nước tiểu đầu, hứng lấy đoạn giữa, hoà với rượu uống 1 lần.

Cách 3 - 4 giờ uống tiếp 1 liều như trên.

Ngày uống 3 lần (uống lúc nào lấy nước tiểu mới uống ngay lúc đó).

Chú ý:

Trẻ em hoặc người lớn không uống được rượu thì dùng bài sau:

Nước tiểu trẻ em	20ml
Rượu trắng 40°	20ml
Đường kính	20g
Nước chín nguội	40ml

Các thứ hoà đều, khuấy tan đường uống 1 lần.

Ngày uống 3 lần, cách 3 - 4 giờ uống 1 lần.

4. SÂM KHƯƠNG MẪU LỆ TÁN

Nhân sâm hoặc Bồ chính sâm 40g (tẩm gừng sao)	
Can khương (đốt cháy xém)	10g
Mẫu lệ nướng	20g
Ô mai (để riêng)	3 quả

Chủ trị:

Nạn nhân vốn người yếu xanh lại bị thương nặng, mất máu nhiều, choáng người rét run, tay chân lạnh, mồ hôi vã ra, mạch tế yếu (chìm nhỏ), biểu hiện chứng "hư thoát".

Cách dùng, liều lượng:

Sâm, Gừng, Mẫu lệ tán bột mịn trộn đều.

Ô mai cho vào 200ml nước, đun kỹ lấy nước hoà thuốc bột vào, chia uống 2 lần. Uống lúc thuốc còn nóng.

5. BỘT THÔNG QUAN

Bồ kết (bỏ hạt sao vàng)	40g
Bán hạ (sấy khô)	20g

Chủ trị:

Cấp cứu ngất (vùng quyết). Ban đầu nạn nhân thoáng cảm thấy toàn thân bủn rủn (mất sức) mắt tối sầm, mồ hôi vã ra hoặc không có mồ hôi, đột nhiên gục ngã, ngất sùi hôn mê không biết gì, mặt tái nhợt, tay chân giá lạnh, mạch đập chậm nhỏ và yếu, huyết áp xuống thấp, thở chậm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy khô, tán bột mịn, trộn đều.

Làm một ống nhỏ như chiếc đũa dài độ 15 - 20cm (bằng giấy cuộn lại hay ống sậy nhỏ).

Cho một ít thuốc bột vào đầu ống (lượng thuốc bằng hạt đậu đen), nhẹ nhàng đưa đầu ống có thuốc vào lỗ mũi nạn nhân, rồi thổi rất nhẹ để thuốc bột bay toả vào trong xoang mũi (nếu thổi mạnh thuốc sẽ bay bật trở ra ngoài mũi không có tác dụng). Thuốc gây kích thích, nạn nhân hắt hơi hồi tỉnh. Nếu nạn nhân chưa tỉnh lại thổi tiếp vào lỗ mũi bên chưa thổi thuốc.

6. BỔ KẾT XƯƠNG BỔ TÁN

Bổ kết (bỏ hạt sao vàng)	40g
Thạch xương bồ (sấy khô)	20g

Chủ trị:

Cấp cứu ngất thuộc bế chứng (người khỏe, không có mồ hôi, tay chân ấm).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy tán bột mịn, trộn đều.

Dùng một ít bột thổi vào mũi (cách thổi như bài trên).

7. BỘT ĐÌNH LĂNG HOÀI SƠN

Củ cây Đình lăng (lá nhỏ)	60g
Hoài sơn	40g

Chủ trị:

Nạn nhân bị thương nặng, vết thương đã được xử trí cấp cứu đã hồi tỉnh, có biểu hiện người mệt lả, lo âu hoặc có hiện tượng ngất.

Cách dùng, liều lượng:

Củ Đình lăng rửa sạch, đồ chín, thái mỏng sao giòn tán bột mịn. Hoài sơn ủ mềm thái mỏng sao giòn tán bột mịn, trộn đều hai thứ bột.

Người lớn ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 25g.

Trẻ em tùy tuổi giảm liều lượng thích hợp.

Hoà thuốc bột vào nước sôi, cho thêm ít đường uống.

8. BỘT LẠC TIỀN DẦU TẮM ĐẬU XANH

Lá Lạc tiên (phơi hoặc sấy khô)	500g
Lá Đậu tằm (phơi hoặc sấy khô)	500g
Đậu xanh (sao vàng)	300g

Chủ trị:

Nạn nhân bị thương nặng, lo âu, quá sợ hãi xuất hiện ngất hoặc bị ngất đã cấp cứu hồi tỉnh, người rất mệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy khô, tán bột mịn, trộn đều.

Người lớn ngày uống 3 lần, mỗi lần 30g.

Trẻ em uống 1/2 liều người lớn.

Hoà thuốc bột với nước, đun sôi 10 phút, để lắng, gạn lấy nước trong thêm chút đường quấy tan uống.

9. NƯỚC TRẦU KHÔNG KHÔ PHÀN

Lá Trầu không tươi 100g

Khô phàn

(Phèn chua phi khô) 20g

Chủ trị:

Rửa vết thương do bỏng.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Trầu không rửa sạch thái nhỏ cho vào 4000ml nước, đun sôi 15 phút, để nước còn hơi nóng, cho Khô phàn vào quấy tan. Lọc lấy nước trong đóng vào chai dùng trong 48 giờ. Khi rửa vết thương cầm chai thuốc rót nước chảy từ từ vào vết thương, đồng thời dùng tăm bông gạt rửa sạch bụi bẩn trên vết thương, rồi thấm khô bằng thuốc.

10. NƯỚC HOÀNG OANH DIỆP

Hoàng oanh diệp (lá Duối) tươi 50g

Lá Trầu không tươi 30g

Chủ trị:

Rửa vết thương do bỏng.

Cách dùng, liều lượng:

Các lá rửa sạch cho vào 2000ml nước, đun sôi 15 phút lọc lấy nước trong, rửa vết thương như bài trên.

11. NƯỚC TÔ PHÙ BẠCH

Tô mộc (gỗ Vang) 60%

Phù lưu diệp (Trầu không) 25%

Bạch phàn (Phèn chua) 15%

Chủ trị:

Rửa vết thương, vết bỏng.

Cách dùng, liều lượng:

Gỗ vang, lá Trầu không rửa sạch cùng với Phèn chua cho vào thùng thêm nước theo tỷ lệ cứ 1000g thuốc cho 10 lít nước đun sôi trong 30 phút. Khi nước thuốc còn ấm lọc trong đóng chai dùng dần.

Cách rửa vết thương như hướng dẫn trong bài trên.

12. NƯỚC BẠCH ĐỒNG NỮ

Bạch đồng nữ (Bán trắng) 1000g

Thực diêm (Muối ăn) 90g

Nước 10 lít

Chủ trị:

Rửa ngâm vết thương phần mềm, vết bỏng nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Bạch đồng nữ rửa sạch thêm muối, nước, đun sôi trong 60 phút, lọc lấy nước thuốc trong dùng trong 24 - 36 giờ.

(Mùa hè dùng nước để nguội, mùa đông dùng nước còn ấm). Đóng nước thuốc vào chai có ống dẫn như chai dịch tiêm truyền nút kín treo ngược chai cho nước thuốc chảy nhỏ giọt xuống vết thương.

Khi rửa cho nước chảy to, vết thương đã sạch điều chỉnh cho chảy nhỏ giọt đều đều liên tục xuống vết thương, thời gian nhỏ 2 - 3 giờ tùy theo vết thương. Sau đó lấy một lớp gạc vô khuẩn phủ kín vết thương, dùng băng dải băng nhẹ.

Mỗi ngày ngâm rửa vết thương 1 lần.

13. NƯỚC MUỐI SÀI ĐẤT

Thực diêm (Muối ăn) 10g

Lá Sài đất tươi 100g

Chủ trị:

Rửa vết thương vết bỏng.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Sài đất (rửa sạch) cho Muối ăn thêm 2 lít nước đun sôi 30 phút, để ấm, lọc lấy nước trong rửa vết thương. Khi rửa bớt nước thuốc chảy từ từ vào vết thương, đồng thời dùng tăm bông gạt rửa sạch vết thương, thấm khô, bằng thuốc.

14. THUỐC BÔI TRÀ NGHỆ

Lá Chè xanh 100g

Nghệ vàng già 50g

(lượng thuốc tăng ít hay nhiều tùy theo vết bỏng hẹp hay rộng).

Chủ trị:

Các vết bỏng da chưa bị rộp bọc nước, hoặc đã bị rộp nước vỡ loét.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị trên rửa sạch để riêng đem giã nhỏ từng thứ vắt ép lấy nước nguyên chất, trộn đều 2 nước với nhau. Dùng bông thấm chấm nước thuốc bôi lên vết bỏng bôi liên tục, hoặc có thể tẩm thuốc vào bông đắp lên vết bỏng, đắp 15 - 20 phút bông nóng thay miếng bông thuốc khác.

Khi đau giảm, nóng rát đã bớt thì 30 - 40 phút thay đổi miếng bông thuốc 1 lần.

15. CAO XOAN NHỪ

Vỏ cây Xoan nhừ (Xoan trà) tươi

Chủ trị:

Các vết bỏng mới, bỏng độ II - III, các vết thương nông, rộng chưa nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Lượng dùng tùy ý, gọt bỏ lớp vỏ thô ngoài, rửa sạch thái nhỏ cho nước ngập thuốc 5cm nấu sôi trong 2 giờ gạn lấy nước thuốc lọc trong, cô thành cao lỏng sền sệt.

Rửa sạch vết bỏng, nếu có bọc nước chọc cho chảy hết nước, lấy bông sạch thấm khô. Dùng tăm bông chấm cao phết kín vết thương, để ngỏ không cần đắp bông băng, một lúc khi thuốc se sẽ tạo thành lớp màng

khô bảo vệ vết thương. Hôm sau thấy chỗ nào thuốc bị nứt có nước tiết ra lấy bông sạch thấm khô, tiếp tục bôi thuốc cao phủ kín. Hai ngày rửa lại vết thương bằng các nước thuốc rửa vết thương, vết bỏng, thấm khô và bôi thuốc cao mới phủ kín lên vết thương như trên.

16. CAO VỎ SUNG

Vỏ cây Sung (Ưu đàm thụ) tươi

Chủ trị:

Bỏng mới, chưa nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Ưu đàm thụ lượng dùng tùy ý, rửa cạo bỏ lớp vỏ ngoài, thái nhỏ cho nước ngập thuốc 5cm nấu sôi trong 2 giờ, gạn lấy nước thuốc lọc trong, cô thành cao lỏng sền sệt.

Rửa sạch vết bỏng, nếu có bọc nước chọc cho chảy hết nước lấy bông sạch thấm khô, dùng tăm bông chấm cao thuốc bôi phủ kín vết bỏng, phủ một lớp gạc mỏng không cần băng.

Ngày bôi thuốc 3 - 4 lần.

17. CAO ĐÀO KIM KHƯƠNG HOÀNG

Lá Đào kim nương (Lá sim) tươi 5kg

Khương hoàng già tươi 700g

Chủ trị:

Các vết bỏng đã bị loét hoặc các vết thương phần mềm đang sưng đau, hoặc đã bị nhiễm khuẩn, có mùi hôi thối.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Sim tươi rửa sạch cho vào thùng inox đổ ngập nước khoảng 10cm, nấu sôi khoảng 4 - 5 giờ cạn còn khoảng hơn 1 lít, gạn lọc lấy nước thuốc.

Nghệ rửa sạch cắt bỏ rễ con, thái mỏng giã ép lấy nước cốt Nghệ cho vào nước lá Sim, khuấy đều cô thành cao lỏng sền sệt.

Khi dùng rửa sạch vết thương, thấm khô, lấy bông thấm sạch chấm cao lá Sim Nghệ bôi phủ lên vết thương.

Ngày bôi 2 - 3 lần.

18. THUỐC ĐẮP DIỆP SINH CĂN TƯƠI

Diệp sinh căn tươi (Cây thuốc bỏng)

Chủ trị:

Các vết bỏng độ II và các vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Hái lá tươi liều lượng tùy ý, rửa sạch, thái nhỏ, giã nát nhuyễn..

Rửa sạch vết thương, đắp lá Bông giã nhuyễn phủ kín, băng lại.

Ngày thay thuốc 1 lần.

Chú ý:

Nếu vết bỏng nặng, đau rất khó chịu thì cho nạn nhân uống thêm nước lá Bông cách làm như sau:

Lá Bông	10g
---------	-----

Rửa sạch, giã nhuyễn, hoà vào 200ml nước chín nguội, khuấy đều, uống cả bã.

Ngày uống 2 liều như trên.

19. CAO KHƯƠNG HOÀNG NGƯU THIỆT THẢO

Khương hoàng khô	500g
Ngưu thiệt thảo	
(cây Chút chít) khô	500g
Dầu thực vật	3kg
Tùng hương (colophan)	đủ dùng
Sáp ong	

Chủ trị:

Các vết bỏng sâu, các vết thương phần mềm rộng, sâu mới bị hoặc đã bị nhiễm khuẩn viêm tấy có mùi hôi thối.

Cách dùng, liều lượng:

Nghệ, Chút chít rửa sạch thái nhỏ mỏng, phơi khô, cho vào xoong nhôm, đổ dầu vào đun sôi kỹ 3 - 4 giờ, xác thuốc nổi lên có màu đen thì tắt lửa, để dầu bớt nóng lọc qua vải bỏ bã. Đem cân dầu thuốc để tính tỷ lệ cho Sáp ong và Tùng hương như sau.

Cứ 1 kg Dầu thuốc thì cho 180g Sáp ong và 150g Tùng hương. Đem nấu lại cho sôi tan hết sáp ong và tùng hương. Lọc lại đổ vào lọ thủy tinh hay bát rộng miệng dùng dần.

Khi dùng rửa sạch vết thương, dùng bông thấm khô, lấy gạc sạch phết một lớp cao mỏng lên mặt gạc, dán kín lên vết thương.

Ngày thay thuốc 2 lần. Vết thương nhiều mủ thay thuốc 3 lần. Không nên bôi cao dày kém tác dụng.

20. NƯỚC TÔ MỘC VỎI VỎI KINH GIỚI TRẦU KHÔNG PHÈN CHUA

Tô mộc khô	200g
Cây Vòi voi khô (Đại vĩ đao)	100g
Kinh giới khô	100g
Lá Trầu không tươi	100g
Phèn chua tán nhỏ	20g

Chủ trị:

Các vết bỏng nhẹ, đỏ quầng hoặc đã phỏng rộp nước, đau rát.

Cách dùng, liều lượng:

Bột Phèn chua để riêng.

Các vị khác rửa sạch thái nhỏ cho vào 2 lít nước sắc lấy 500ml nước thuốc cho bột phèn chua vào đun sôi, khuấy tan hết phèn, lọc trong.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, bôi thuốc hoặc đắp bông gạc thuốc kín vết bỏng.

Ngày bôi đắp 4 - 5 lần.

21. BỘT XUYÊN SƠN GIÁP

Xuyên sơn giáp	
(vẩy con Tê tê)	200g
Gạo nếp cẩm	200g

Chủ trị:

Các vết bỏng bị lở loét, chảy nhiều nước vàng.

Cách dùng, liều lượng:

Vẩy Tê tê sao cát phồng đều.

Gạo nếp cẩm sao tẩm, hai vị trộn lẫn, tán bột mịn.

Khi dùng rửa sạch vết thương, thấm khô, rắc bột thuốc kín vết bỏng, đợi một lúc sau vết thương chỗ nào rò rỉ nước vàng, dùng bông thấm khô, rắc tiếp thuốc phủ cho kín. Dùng băng dãi băng lại.

22. BỘT KHANG TỖ ƯU ĐÀM THỤ

Ưu đàm thụ	1000g
Khang tỳ	1000g
Rượu trắng 40 - 45°	đủ dùng.

Chủ trị:

Vừa mới bị bỏng, da chưa nổi bọng nước, hoặc bị bỏng napan.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Sung tật (loại lá bánh tẻ, xanh không có sâu) rửa sạch phơi khô sao đen (vừa đen tới).

Gạo tẻ giã rồi đem giã lại lần nữa, sàng lấy cám, sao kỹ cho đến khi vừa đen tới.

Hai vị trộn lẫn tán bột mịn.

Dùng rượu trắng tắm vào bông hoặc gạc đắp kín vết bỏng (bông gạc hơi khô lại tắm rượu cho ướt đắp tiếp). 20 - 30 phút sau mới rắc thuốc bột kín vết bỏng chỗ nào rò rỉ nước vàng dùng bông thấm khô rắc tiếp thuốc phủ cho kín.

Chú ý:

- Trường hợp bỏng nặng, có sốt cao, buồn bực khát nước đòi uống nước mát, nói mê sảng, đại tiện táo bón, nước tiểu vàng hoặc đỏ đó là hiện tượng hoả độc lẫn vào trong phải kịp thời cho uống ngay bài thuốc sau:

THANH HOẢ GIẢI ĐỘC

Kim ngân hoa	40g
Kim cúc hoa (hoa cúc vàng)	20g
Bồ công anh	40g
Sinh thạch cao (tán bột)	40g
Cát căn	20g
Chi tử	20g
Hoàng liên	10g
Hoàng cầm	10g
Ngưu thiệt thảo (chút chút)	10g

Các vị cho vào 1200ml nước, sắc lấy 600ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày. Uống lúc thuốc đã nguội.

Ngày uống 1 thang. Uống liền mấy thang.

- Trường hợp bị bỏng nặng, sốt đã kéo dài mấy ngày, sốt cao, buồn bực, vật vã khát

nước, tiểu tiện ít và đỏ, đại tiện táo bón, môi miệng khô se. Đó là hiện tượng hoả thịnh hãm ở trong làm thương tổn tân dịch phải cho uống ngay bài thuốc sau:

THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC DƯỠNG ÂM SINH TÂN DỊCH

Kim ngân hoa	40g
Kim cúc hoa	20g
Sinh địa	40g
Huyền sâm	20g
Quạ lâu căn	20g
Hạ khô thảo	20g
Xa tiền tử	20g
Mạch môn	20g
Cốt khí củ	20g
Quyết minh tử	20g

Các vị cho vào 1200ml nước, sắc lấy 600ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày, uống lúc thuốc đã nguội.

Ngày uống 1 thang. Uống liền mấy thang.

23. BỘT SÂM ĐẠI HÀNH

Sâm đại hành liều lượng tùy ý

Chủ trị:

Cầm máu, các vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Sâm đại hành rửa sạch, thái nhỏ sấy khô giòn tán bột mịn. Dùng khi vết thương đã được xử lý, rắc thuốc bột Sâm đại hành kín vết thương, đặt gạc hoặc bông vô khuẩn lên trên vết thương băng ép chặt.

Vết thương thông thường ngày thay băng 1 lần.

Vết thương nặng, sâu sau khi băng thuốc cầm máu xong chuyển ngay nạn nhân lên tuyến điều trị trên.

24. BỘT CÁN KHƯƠNG MÃ ANH ĐƠN

Lá hoa Mã anh đơn (cây Tứ quý)	200g
Cán khương	80g

Chủ trị:

Cầm máu, tiêu sưng, giảm đau, điều trị các vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Lá và hoa Tứ quý rửa sạch phơi sấy khô giòn. Can khương sấy giòn, trộn lẫn tán bột mịn.

Dùng khi vết thương đã được xử lý, rắc thuốc bột Can khương Mã anh đan kín vết thương, đặt gạc hoặc bông vô khuẩn lên trên vết thương, băng ép chặt. Vết thương thông thường ngày thay băng 1 lần.

25. BỘT VÔI LÁ GAI

Vôi tôi để hủ	100g
Trữ ma diệp	60g
Ô long vĩ	20g
Ô tặc cốt	
(nướng cháy lớp vỏ cứng)	20g

Chủ trị:

Cầm máu, tiêu sưng, giảm đau, sát khuẩn, điều trị các vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Vôi tôi đã 2 - 3 tuần, cho vào lá Gai (đã rửa sạch) giã nhuyễn đem sấy khô giòn trộn lẫn với Ô tặc cốt, Ô long vĩ (bỏ hóng bếp) lấy loại bỏ hóng đun bằng rơm, rạ, cỏ, củi gỗ tán bột mịn.

Khi dùng điều trị làm như các bài 23 - 24.

26. BỘT LỆ CHI HẠCH

Lệ chi hạch (hạt Vải)	100g
Tóc rối (đốt ra than)	50g
Bách thảo sương	
(muội tròn nổi)	50g

Chủ trị:

Cầm máu vết thương và điều trị các vết thương phần mềm (tiêu sưng, giảm đau, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Lệ Chi hạch rửa sạch giã dập nát, sao đen tồn tính.

Tóc rối rửa sạch bằng nước Bồ hòn hoặc Bồ kết, đốt cháy ra than. Muội tròn nổi (nổi đun rơm, rạ, cỏ, củi) sao lại cho cháy.

Trộn lẫn cả 3 vị, tán bột mịn.

Khi dùng điều trị làm như các bài 23-24-25.

Chú ý:

Không có hạt Vải dùng hạt Nhãn thay thế, lượng dùng như hạt Vải.

27. BỘT HẠN LIÊN THẢO

Hạn liên thảo	100g
Lá Ba tiêu (chuối hột) khô	100g
Huyết dư thán (tro tóc người)	100g

Chủ trị:

Cầm máu vết thương, các vết thương phần mềm (tiêu sưng lên da non).

Cách dùng, liều lượng:

Hạn liên thảo, lá Ba tiêu sao cháy đen. Tóc người rửa nước Bồ kết đốt cháy tồn tính.

Các vị sao chế xong trộn lẫn tán bột mịn.

Khi dùng điều trị làm như các bài 23-24-25-26.

28. BỘT BẠCH THẠCH

Bạch cập (sấy giòn)	100g
Thạch cao	
(nung trên than 10 phút)	100g

Chủ trị:

Cầm máu vết thương động mạch, tĩnh mạch, các vết thương phần mềm (cầm máu giải độc, giảm đau, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị trộn lẫn tán bột mịn.

Rắc thuốc và băng như các bài 23-24-25-26-27.

Đối với các vết thương phần mềm nếu bị nhiễm khuẩn thì mỗi ngày thay thuốc và rửa 1 lần cho đến khi khỏi.

29. BỘT NAM LĨNH NGUYÊN HOA

Lá Nam lĩnh nguyên hoa (lá Niết gió) tươi
liều lượng dùng tùy ý

Chủ trị:

Cầm máu và chữa các vết thương phần mềm (cầm máu, thanh nhiệt, sát khuẩn, giải độc, tiêu viêm).

Cách dùng, liều lượng:

Hái lá tươi non, rửa sạch, giã nhỏ mịn, đắp vào vết thương nơi chảy máu, băng chặt lại.

30. BỘT BA CHẠC CỎ NHỌ NỔI

Lá Ba chạc tươi (Bí bái) 1 phần

Cỏ Nhọ nổi tươi 2 phần

Chủ trị:

Cầm máu vết thương động mạch, tĩnh mạch và chữa các vết thương phần mềm (tiêu viêm, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị rửa sạch giã nhuyễn, đắp vào nơi chảy máu và vết thương băng ép chặt.

Khi máu đã cầm tiếp tục dùng bài thuốc trên để điều trị tiếp vết thương phần mềm nhưng liều lượng thay đổi như sau:

Lá Ba chạc tươi 2 phần

Cỏ Nhọ nổi tươi 1 phần

Hai vị rửa sạch giã nhuyễn đắp lên vết thương, băng chặt lại.

Ngày thay thuốc 1 lần.

31. BỘT ĐÀN SÁT THUỶ DUNG

Vỏ Trứng gà (Đàn sát) 100g

Vỏ cây Vối nhà (Thuỷ dung) 100g

Chủ trị:

Các vết thương mới hay đã nhiễm khuẩn (tiêu viêm, giảm đau, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ Trứng gà, rửa sạch, bóp nát sao cháy tồn tinh.

Vỏ cây Vối nhà cạo bỏ vỏ thô ngoài rửa sạch thái nhỏ phơi khô sao cháy tồn tinh. Trộn lẫn tán bột mịn.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, rắc bột thuốc kín lên.

Ngày rắc thuốc 1 lần.

Chú ý:

- Nếu vết thương nông, nhỏ thì sau khi rắc thuốc để hở cho vết thương mau khô.

- Nếu vết thương sâu, rộng sau khi rắc thuốc đặt gạc lên trên băng lại

**32. BỘT KHƯƠNG HOÀNG
LIÊN TIỀN THẢO**

Rau Má 60 phần

Khương hoàng già 35 phần

Khô phàn 5 phần

Chủ trị:

Các vết thương đã nhiễm khuẩn; viêm tấy có mùi hôi thối (tiêu viêm, sát khuẩn, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Rau má rửa sạch phơi khô hoặc sấy giòn.

Nghệ vàng thái mỏng sấy giòn.

Trộn lẫn cả 3 vị tán bột mịn.

Rửa sạch vết thương, thấm khô rắc bột thuốc kín vết thương. Vết thương nông nhỏ sau khi rắc thuốc để hở.

Vết thương sâu, rộng sau khi rắc thuốc đặt gạc lên trên băng lại.

Ngày rắc thuốc 1 lần.

33. BỘT LÁ SẴN THUYỀN

Lá Sắn thuyền liều lượng tùy ý

Chủ trị:

Các vết thương mới hoặc các vết thương đã nhiễm khuẩn. (tan ứ huyết, tiêu viêm, sát khuẩn, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Lá Sắn thuyền bánh tẻ rửa sạch, sấy giòn, tán bột mịn.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, rắc thuốc kín vết thương.

Ngày thay thuốc 1 lần.

Có thể dùng lá Sắn thuyền tươi bỏ cuống, rửa sạch giã nát đắp kín vết thương băng lại.

Ngày thay thuốc 1 lần.

34. BỘT BẠCH HOA THẢO

Bạch hoa thảo	
(cây hoa Cứt lợn)	8 phần
Thuốc lào sợi	2 phần

Chủ trị:

Các vết thương phần mềm mới hoặc đã nhiễm khuẩn (giải độc, tiêu sưng, giảm đau, cầm máu, sát khuẩn).

Cách dùng, liều lượng:

Bạch hoa thảo, Thuốc lào sợi phơi sấy giòn tán bột mịn trộn đều.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, dùng thuốc bột đã cho thêm một ít nước sôi khuấy đều thành khối bột dẻo, dát mỏng đắp lên vết thương bằng lại.

Vết thương mới 2 ngày thay thuốc 1 lần.

Vết thương đã nhiễm khuẩn ngày thay thuốc 1 hoặc 2 lần.

35. THUỐC ĐẮP XUYÊN PHÁ THẠCH

Lá Xuyên phá thạch (lá Mỏ quạ) tươi

Chủ trị:

Các vết thương mới hoặc đã nhiễm khuẩn hôi thối (tán ứ huyết, giảm đau, sát khuẩn, trừ hôi thối, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Lá Mỏ quạ tươi liều lượng tùy ý, cắt bỏ hết cuống và gân lá, thái nhỏ giã nát đắp nát đắp lên vết thương đã rửa sạch, băng lại.

Ngày rửa và thay thuốc 1 lần.

Chú ý:

Trường hợp vết thương bị nhiễm khuẩn nặng, hôi thối, đắp lá Mỏ quạ 1 - 2 ngày. Sau đó dùng phối hợp thêm 2 vị sau:

Thạch vi dây (dây Bông bong)

Tam điểm kim thảo (Cỏ Hàn the)

Cả va vị lượng bằng nhau, rửa sạch, giã nhỏ đắp lên vết thương đã rửa sạch, băng lại.

Ngày rửa và thay thuốc 1 hoặc 2 lần.

36. THUỐC ĐẮP SÀN CỎ THỤ

Lá Sàn cỏ thụ tươi (lá Bời lời nhót)

Chủ trị:

Các vết thương mới hoặc đã nhiễm khuẩn (tiêu sưng, trừ hôi thối, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Lá Bời lời liều lượng tùy ý, cắt bỏ cuống, sống lá, rửa sạch, thái nhỏ, giã nát, đắp lên vết thương đã rửa sạch bằng lại.

Ngày rửa và thay bằng một lần.

37. BỘT BÓ THỊ LƯƠNG

Bột Thị lương (bột Củ Nấu) 1 kg

Cơ nẹp đủ bó vết thương

Chủ trị:

Bó gãy xương kín, gãy xương hở đã được xử trí vô khuẩn, bằng thuốc điều trị vết thương phần mềm, và xương đã được đưa vào đúng vị trí (hành huyết, tiêu sưng, giảm đau, liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Củ Nấu gọt vỏ thái mỏng sấy khô tán bột mịn.

Khi dùng: nấu cơ nẹp hơi nát, trộn bột củ Nấu theo công thức:

Cơ nẹp nát	100g
Bột củ Nấu	20g

Hai thứ giã nát đều. Khi cơ còn đang nóng dát thành một bánh dài đủ bó chỗ xương gãy, đặt thuốc lên vải gạc hoặc lá chuối, dàn đều bó vào xung quanh chỗ gãy, đặt nẹp bằng cố định cho chặt.

Hai ngày thay thuốc 1 lần.

38. THUỐC CAO BÓ GỠ XƯƠNG

Quế chi	400g
Lá Cúc tần	200g
Lá Ngải cứu	100g
Đại hồi	20g
Dầu thầu dầu (dầu Ve)	500g
Sáp ong	100g

Chủ trị:

Bó gãy xương (hành huyết, tiêu sưng, giảm đau, liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Bốn vị thuốc đầu, sấy khô giòn trộn lẫn, tán bột mịn.

Sáp ong cho vào dầu Ve đun quấy cho tan hết, bắc ra để giảm bớt nóng cho dẫn thuốc bột vào dung dịch Sáp ong dầu Ve đánh đều thành thứ cao đặc như bánh dày. Sau đó đem dàn thuốc lên giấy dầu dày 3mm vừa đủ bó quanh chỗ xương gãy, bó vào xung quang chỗ gãy, đặt nẹp, băng cố định cho chặt. Khi nơi gãy đã ổn định, ba ngày thay thuốc 1 lần.

39. BỘT DUNG THỤ KÊ ĐẢN BẠCH

Lá Dung thụ (lá Si)	1kg
Thiên niên kiện	200g
Kê đản bạch (lòng trắng trứng gà) đủ dùng	

Chủ trị:

Bó gãy xương (hành huyết, tiêu sưng, giảm đau).

Cách dùng, liều lượng:

Lá Si, Thiên niên kiện, sấy khô tán bột mịn.

Khi dùng theo công thức sau:

Thuốc bột	100g
Lòng trắng trứng gà	2 quả

Lòng trắng trứng đánh kỹ thành bọt như kem mới cho bột thuốc vào nhào thật đều (nếu khô thêm 1 ít rượu trắng cho vừa đủ dẻo). Tùy theo độ lớn vết thương to nhỏ mà dùng thuốc nhiều hay ít cho vừa đủ bó.

Dàn thuốc lên vải gạc hay giấy dầu dày 3mm bó xung quanh nơi gãy, đặt nẹp, băng cố định cho chặt.

Khi nơi xương gãy đã ổn định, 3 ngày thay thuốc 1 lần.

40. THUỐC BÓ THANH TÁO

Lá Thanh táo (Tiếp cốt thảo) tươi

Chủ trị:

Bó gãy xương (tiêu viêm, hành huyết, giảm đau, liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Hái lá và ngọn non liều lượng vừa đủ dùng cho vết thương, rửa sạch giã nhỏ, bó thuốc vào nơi gãy, đặt nẹp, băng cố định cho chặt.

Khi nơi xương gãy đã ổn định, mỗi ngày thay thuốc 1 lần.

41. THUỐC BÓ MỘC MIÊN NÚC NÁC

Mộc miên bì tươi	
(vỏ cây Gạo)	6 phần
Nam hoàng bá	
(vỏ cây Núc nác) tươi	4 phần

Chủ trị:

Bó gãy xương (giảm đau, tiêu viêm, hành huyết).

Cách dùng, liều lượng:

Hai thứ vỏ cây trên cạo bỏ vỏ thô ngoài, rửa sạch, thái mỏng giã thật mịn, bó vào nơi gãy, đặt nẹp, băng cố định chặt.

Khi nơi xương gãy đã ổn định 2 ngày thay thuốc 1 lần.

**42. THUỐC BÓ XƯƠNG RỒNG
XẠ CAN CỬ KHỞI**

Cành Xương rồng leo	
(Xương rồng ông) tươi	40%
Vỏ rễ cây Cử khởi	
(Địa cốt bì) tươi	20%
Lá cây Rẻ quạt tươi	20%
Gừng tươi	15%
Muối ăn (để riêng)	5%

Chủ trị:

Bó gãy xương (hành huyết, tiêu ứ, giảm đau, liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Xương rồng bỏ lõi cùng các vị khác rửa sạch, thái mỏng, giã qua cho muối vào giã tiếp cho nhỏ, bó vào nơi xương gãy, đặt nẹp, băng cố định chặt.

Khi nơi xương gãy đã ổn định ngày thay thuốc 1 lần.

43. BỘT BÓ DUNG THỤ GIÁNG HƯƠNG

Dung thụ điệp tươi (Lá Si)
Giáng hương điệp (cây Bái) tươi
Hương tiêu điệp (Lá chuối tiêu) tươi
Lá Mua lùn (Lá Mua nước) tươi
Lá hoa Giẻ thơm (lá cây giẻ dẻ) tươi
5 thứ lượng bằng nhau.

Chủ trị:

Bó gãy xương (hành khí, hoạt huyết, thư cân hoạt lạc, tiêu viêm, giảm đau, liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Các thứ lá cắt bỏ hết cuống và sống lá, rửa sạch thái nhỏ, phơi âm can 3 ngày đêm, sấy khô giòn, tán bột mịn.

Khi dùng hoà bột thuốc vào rượu và nước đun sôi (50% rượu, 50% nước) vừa đủ quánh dẻo (nếu pha nát quá đa sẽ bị bông rộp), đắp thuốc bó vào nơi xương gãy đặt nẹp băng cố định chặt.

Khi nơi xương gãy đã ổn định 3 ngày thay thuốc 1 lần.

Chú ý:

Nếu phía trên và phía dưới nơi xương gãy sưng nề thì dùng 30g thuốc bột trên ngâm với 150ml rượu trắng, xoa vào nơi sưng (không bóp) ngày xoa 5 lần, đêm xoa 2 lần.

44. THUỐC BÓ KHOAN CÂN ĐẲNG

Lá và dây Khoan cân đẳng tươi
(Dây đau xương)

Chủ trị:

Bó gãy xương (Hành huyết, tiêu sưng, giảm đau, thư cân hoạt lạc, liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Lá và Dây đau xương liều lượng đủ dùng, rửa sạch, thái nhỏ, giã nát, bó vào nơi xương gãy, đặt nẹp, băng cố định chặt.

Sau khi bó được 6 ngày chuyển dùng thuốc bó bột: Thự lương (củ Nẫu).

Thự lương gọt bỏ vỏ thô, thái mỏng giã nát nhừ, bó vào nơi xương gãy, đặt nẹp, băng cố định chặt.

3 ngày thay thuốc 1 lần, bó đến khi khỏi.

45. THUỐC BÓ BIỂN ĐẬU TỖ MA TANG DIỆP

Biển đậu điệp
(lá Đậu ván trắng) tươi 100g
Tỳ ma điệp
(lá Thấu dầu tía) tươi 100g
Tang điệp (lá Dầu) tươi 100g

Chủ trị:

Bó gãy, xương, bong gân, sai khớp, chấn thương tụ máu sưng nóng đỏ đau (thanh nhiệt, hành huyết, tiêu sưng, giảm đau, mau liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Ba thứ lá rửa sạch, giã nhỏ, trộn thêm Giấm thanh đủ ướt bó vào nơi xương gãy, bong gân, sai khớp chấn thương, băng cố định chặt.

Mỗi ngày thay thuốc 1 lần.

46. THUỐC BÓ MỘC MIỀN TANG DIỆP MUA BÀ

Mộc miền bì (vỏ cây Gạo) tươi 200g
Lá Mua bà tươi 100g
Lá Dầu tươi (Tang điệp) 50g
Đại hồi (để riêng) 10g
Quế chi tiêm (để riêng) 10g

Chủ trị:

Bó gãy xương, bong gân, sai khớp, chấn thương tụ máu sưng đau (hành huyết, tiêu sưng, giảm đau, mau liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Quế, Hồi sấy khô tán bột mịn để riêng.

Vỏ Gạo gọt bỏ vỏ thô, lá Mua, lá Dầu, rửa sạch, thái nhỏ giã thật nhừ, trộn đều với bột Quế, Hồi bó vào nơi bị thương băng cố định chặt.

Ba ngày thay thuốc 1 lần.

47. RƯỢU NHỰA DUNG THỤ

Nhựa Dung thụ (nhựa cây Si) 50ml
Rượu trắng 40° 150ml

Chủ trị:

Chấn thương, gãy xương, sai khớp, tụ máu, sưng đau (thông kinh hoạt lạc, tiêu sưng, giảm đau).

Cách dùng, liều lượng:

Hoà nhựa Si vào rượu, khuấy tan đều.

Người lớn chia uống 3 lần. Ngày uống 1 liều trên.

Trẻ em 15 tuổi uống 1/2 liều trên. Chia uống 3 lần.

Chú ý:

Trường hợp không có Nhựa Si thì dùng Tụ Si (Dụng thụ tu): Tụ si (cắt tụ còn non ở trên cành rủ xuống) 100g cho nước sắc kỹ, hoà thêm rượu trắng, chia uống 2 - 3 lần trong ngày. Uống lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 lần.

48. MỘC MIÊN KHƯƠNG HOÀNG THANG

Mộc miên bì

(cạo vỏ thô thái mỏng sao qua) 20g

Khương hoàng (sao qua) 20g

Rễ cỏ Xước 15g

Rễ cây Lá lốt (Tất bát) 15g

Chủ trị:

Tổn thương gãy xương, bong gân, sai khớp, sưng đau chủ yếu tổn thương hai chi dưới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày. Khi uống có thể pha thêm ít rượu.

Ngày uống 1 thang.

49. THUỐC HÂM DIỆP SINH CĂN

Lá Diệp sinh căn

(lá Cây thuốc bỏng) tươi 10 lá

Chủ trị:

Bỏng, chấn thương, bong gân, sai khớp, tụ máu, gãy xương, sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, giã nhỏ cho vào bát tô thêm 250ml nước sôi khuấy đều. Để nguội chia uống 2 lần, uống cả bã thuốc.

Chú ý:

Người tạng hàn hay đi ỉa lỏng dùng thận trọng.

**50. HUYẾT GIÁC TÔ MỘC CHỈ
GIÁP HOA THANG**

Huyết giác 24g

Tô mộc 20g

Chỉ giáp hoa

(lá Móng tay) khô 20g

Ngải cứu 24g

Khương hoàng 16g

Chủ trị:

Chấn thương, bong gân, sai khớp, gãy xương, tụ máu, sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2 lần, uống lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang

**51. THANH NHIỆT TIÊU VIÊM
CHỈ THỐNG THANG**

Sài đất 20g

Vòi voi 10g

Lá Tre 10g

Kim ngân (dây lá) 10g

Lá Lốt 10g

Cà Gai leo (cà Vành) 10g

Rễ Dứa dại (sao qua) 10g

Chủ trị:

Chấn thương sai khớp, bong gân, gãy xương sưng tím, đau nhức, đại tiện táo bón, tiểu tiện vàng đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang

Trẻ em uống 1/2 liều lượng trên.

52. ĐỒNG TIỆN TỬ THANG

Nước tiểu trẻ em (Đồng tiện) 100g

Rượu trắng 40°

Chủ trị:

Chấn thương bong gân, sai khớp, gãy xương tụ máu, sưng tím, đau nhức muốn choáng.

Cách dùng, liều lượng:

Lấy nước tiểu trẻ em trai khoẻ mạnh bỏ đoạn đầu, đoạn cuối hoà rượu uống ngay (không nên để lâu).

Người lớn uống cả liều.

Trẻ em trên 10 tuổi uống 1/2 liều.

Sáng uống 1 liều, chiều uống 1 liều.

53. LÁ QUÝT RỪNG THANG

Lá Quýt rừng (Tầm xoọng) tươi 40g

Chủ trị:

Chấn thương, bong gân, sai khớp, gãy xương, sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Hái lá rửa sạch, ngâm nước muối loãng 10 phút, vớt ra giã nhỏ, cho vào 250ml nước chín nguội khuấy đều, lọc lấy nước uống, mỗi lần uống một bát.

Chú ý:

Trước khi nắn xương, chỉnh khớp, nên cho uống trước 1 giờ sẽ giảm đau rất nhiều.

54. BỘT BẠCH CẬP

Bạch cập sấy khô giòn

liều lượng tùy ý

Chủ trị:

Chấn thương vùng phổi, ho khạc ra máu, gãy xương, tụ máu, sưng đau lồng ngực.

Cách dùng, liều lượng:

Bạch cập thái mỏng sấy khô giòn, tán bột mịn.

Mỗi lần uống 10 - 20g, hoà vào 100ml nước vo gạo mới vo (nước vo gạo nếp càng tốt) uống 1 lần.

Ngày uống 2 lần.

55. HÀNH HUYẾT CHỈ HUYẾT CHỈ THỐNG THANG

Cốt toái bổ 40g

Hà thủ ô đồ
(để sống không chế) 40g

Rễ cỏ xước 20g

Rễ cây Thấu dầu tía 8g

Chủ trị:

Chấn thương, gãy xương chảy máu, bong gân, sai khớp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

56. THANH NHIỆT HÀNH HUYẾT CHỈ THỐNG TIÊU SÙNG THANG

Địa đóm thảo
(cây Chỉ thiên) tươi 40g

Thạch vi dây
(Dây Bòng bong) tươi 40g

Tam điểm kim thảo
(cỏ Hàn the) tươi 40g

Chủ trị:

Chấn thương, bong gân, sai khớp, gãy xương tụ máu, sưng tím, đau nhức.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch thái nhỏ, cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

57. LẠC TIỀN DÂY THANG

Lá, dây Lạc tiên tươi 120g

Chủ trị:

Chấn thương mất máu, lo sợ hồi hộp, không ngủ được.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, thái ngắn, phơi tái, sao vàng cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

**58. HÀNH HUYẾT TÁN Ứ NHUẬN TRĂNG
TIÊU SÙNG CHỈ THỐNG THANG**

Củ Chút chít (khô)	15g
Chỉ xác (sao qua)	15g
Hậu phác (tẩm gừng sao)	10g
Nghệ đen (Nga truật)	15g
Mấn tươi (Trạch lan)	10g
Gỗ vang (Tò mộc)	10g
Cam thảo dây	10g
Mộc thông	10g
Vỏ quýt (Trần bì)	10g

Chủ trị:

Chấn thương, nội tạng ứ huyết, đau nhói ở một điểm, đại tiện táo hoặc bí, tiểu tiện vàng; bong gân, sai khớp, gãy xương.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Uống hết 1 thang mà vẫn còn táo bón thì gia thêm:

Phác tiêu	5g
-----------	----

Cùng sắc với các vị trên uống tiếp thang thứ 2.

59. RƯỢU MẬT MÍA

Mật mía	50g
Rượu trắng 40 - 45°	50ml
Nước chín nguội	50ml

Chủ trị:

Đề phòng choáng do chấn thương bong gân, gãy xương, sai khớp, đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị hoà đều, chia uống 3 lần, mỗi lần uống cách nhau 3 - 4 giờ.

60. TRÀ XANH MẬT MÍA THANG

Mật mía 50ml

Nước trà xanh đặc nóng 100ml

Chủ trị:

Phòng choáng do chấn thương mất máu, bong gân, sai khớp, gãy xương hở, khát nước.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị hoà đều, uống 1 lần.

Ngày uống 2 - 3 lần. Mỗi lần uống cách nhau 3 - 4 giờ.

61. DÃ VÔ HOA THANG

Lá hoặc quả Dã vô hoa

(lá quả cây Ngái) tươi

liều lượng đủ dùng.

Chủ trị:

Chấn thương sai khớp, bong gân, tụ máu, sưng nóng đỏ đau.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, giã nhỏ, cho vào ít rượu trắng, sao chín, đổ ra vải xô túm lại chườm vào chỗ đau, khi nguội sao lại tiếp tục chườm. Chườm đi chườm lại vài ba lần. Sau cùng khi bã thuốc còn nóng, đem dàn mỏng bó vào chỗ sưng, băng cố định chặt.

Ngày thay thuốc 1 lần.

Chú ý:

Khi chườm cần chườm nhanh tay để tránh bỏng da.

62. CỎ LÀO THANG

Cây cỏ Lào (cỏ Cọng sản)

liều lượng đủ dùng

Chủ trị:

Chấn thương ứ huyết, sưng tím, nóng đỏ đau.

Cách dùng, liều lượng:

Dùng ngọn non và lá rửa sạch giã nhỏ, sao chín, đổ ra vải xô (gạc) túm lại chườm vào nơi đau sưng. Khi nguội sao lại tiếp tục chườm. Chườm đi chườm lại 2 - 3 lần.

Sau cùng khi thuốc còn nóng dần mỏng bỏ vào nơi đau sưng, băng cố định cho chặt.

Ngày chườm thay bằng 1 lần.

63. HÀNH HUYẾT TIÊU SƯNG GIẢM ĐAU THANG

Lá Đinh lăng lá nhỏ (tươi)	30g
Củ Nghệ già (tươi)	40g
Lá Cúc tần (tươi)	24g
Lá Trầu không (tươi)	24g
Lá Rẻ quạt (tươi)	24g
Giấm thanh	đủ dùng

Chủ trị:

Chấn thương tụ máu, sưng tím đau nhức, nóng đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, giã nhỏ, cho giấm vào trộn đều, sao chín, chườm và đổ bỏ vào nơi đau sưng, băng cố định cho chặt.

Ngày thay thuốc 1 lần.

64. DUNG THỤ NGẢI CỨU LÁ LỐT THANG

Dung thụ điệp (lá Si) tươi	50g
Lá Ngải cứu tươi	25g
Lá Lốt tươi	12g
Giấm thanh	đủ dùng

Chủ trị:

Chấn thương, tụ máu, sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, giã nhỏ, trộn thêm Giấm, sao chín, bọc vào vải gạc chườm vào nơi chấn thương. Chườm đi chườm lại vài ba lần. Khi thuốc còn nóng, dần mỏng ra bỏ vào nơi chấn thương. Băng cố định chặt.

Ngày thay thuốc 1 lần.

65. CÁT BỐI THANG

Cát bối điệp (lá Bưởi bung) tươi	40g
Bã lá Chè tươi	40g

Chủ trị:

Chấn thương bong gân, sai khớp, sưng nóng đỏ đau.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Bưởi bung, rửa sạch, trộn với bã lá Chè tươi, giã nhỏ cho thêm ít rượu trắng, sao nóng, chườm vào nơi bị chấn thương. Khi nguội sao lại tiếp tục chườm, chườm đi chườm lại 2 - 3 lần. Sau cùng khi thuốc chườm còn nóng dần mỏng ra bỏ vào nơi chấn thương, băng cố định chặt.

Ngày thay thuốc 1 lần.

66. LÊ MÔNG NGẢI CỨU HỐI HƯƠNG LONG NÃO THANG

Lê mông điệp (lá Chanh) tươi	80g
Lá Ngải cứu tươi	80g
Đại hồi (tán bột để riêng)	20g
Long não (để riêng)	5g

Chủ trị:

Chấn thương sai khớp, bong gân, sưng tím, đau nhức.

Cách dùng, liều lượng:

Bột Long não, Đại hồi trộn đều để riêng.

Lá Chanh, Ngải cứu rửa sạch giã nhỏ cho bột Long não, Đại hồi vào, thêm chút rượu trắng, trộn đều, dần mỏng ra vải gạc bỏ vào nơi chấn thương, băng cố định chặt.

Ngày thay thuốc 1 lần.

Chú ý:

Trường hợp gãy xương, nơi gãy bị sưng phù to, dùng thuốc này sào nóng chườm. 12 giờ sau sẽ nắn bó và băng cố định chặt.

67. THUỐC BÓ CHÙM GỬI

Chùm gửi (Tầm gửi) tươi	100g
Lá Gấc tươi	30g
Gạch non	20g
Giấm thanh	đủ dùng

Chủ trị:

Chấn thương sai khớp, bong gân, tụ máu sưng đau, tấy đỏ, cử động khó khăn.

Cách dùng, liều lượng:

Gạch non tán bột mịn thêm Giấm sào nóng trộn lẫn với lá Gấc, lá Tầm gửi đã rửa sạch giã nhỏ dàn mỏng thuốc lên vải gạc khi thuốc còn ẩm, bó xung quanh vết thương; băng cố định chặt.

2 ngày thay thuốc 1 lần.

**68. RƯỢU ÔN KINH HÀNH HUYẾT
TÁN Ứ TIÊU SÙNG**

Đại hồi (tán mịn)	40g
Quế chi (tán mịn)	20g
Huyết giác (tán mịn)	20g
Tô mộc (tán mịn)	20g
Rượu trắng 45°	500ml

Chủ trị:

Chấn thương bong gân, sưng đau nhức.

Cách dùng, liều lượng:

Bột các vị cho vào rượu lắc đều, ngâm trong 24 giờ, chắt lấy rượu trong, tắm bông xoa bóp nhẹ nhàng vào vùng chấn thương.

Ngày xoa 3 - 5 lần. Có thể tắm rượu vừa ướt bông, đắp vào chỗ sưng đau bằng lại.

69. TIÊU ĐỘC THANG

Rung rúc	
(Rễ, dây, lá) sao vàng	20g
Ké hoa vàng	
(Ké đồng tiền) sao vàng	20g
Cây Vòi voi (sao vàng)	20g
Cây Xấu hổ (sao vàng)	20g
Cải hoang	
(Hân thái, Cải đại) sao vàng	20g
Rễ cỏ xước (sao vàng)	20g
Cây Chỉ thiên (sao vàng)	20g

Chủ trị:

Các chứng viêm nhiễm, đinh nhọt, viêm cơ, lở loét.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 3 - 5 thang.

70. LƯƠNG HUYẾT TIÊU ĐỘC THANG

Kim ngân hoa	10g
Thổ phục linh (củ Khúc khắc)	10g
Liên kiều	10g
Hoa Kinh giới	10g
Huyền sâm	10g
Cải trời (Nam hạ khô thảo)	10g
Sinh địa	10g
Thương nhĩ tử (sao cháy gai)	10g
Cam thảo dây (dây Chi chi)	10g

Chủ trị:

Các chứng viêm nhiễm, chốc nhọt, viêm cơ, mày đay, dị ứng lở ngứa khắp người.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 4 - 5 thang.

Chú ý gia giảm:

- Bệnh nhân ngứa nhiều gia thêm:

Bạch tật lê	10g
Thuyền thoái (bỏ đầu, chân)	10g
Ngưu bàng tử	10g

- Bệnh nhân đau nhức, mủ nhiều gia thêm:

Xuyên sơn giáp (sao phồng)	10g
Gai Bồ kết	
(bỏ đầu nhọn sao vàng)	10g

71. BỘT LÁ SẴN THUYỀN NGHỆ

Lá Sắn thuyền	80%
Nghệ vàng	15%
Phèn chua (phi)	5%

Chủ trị:

Vết thương phần mềm nhiễm khuẩn mùi hôi thối.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô, trộn lẫn tán bột mịn.

Rửa sạch vết thương, thấm khô rắc bột thuốc phủ kín vết thương. Dùng gạc vô trùng che lên vết thương, không cần băng. Một hoặc hai ngày rửa vết thương, rắc bột thuốc mới tùy theo tình trạng vết thương.

72. CAO DÂY ĐUÔI PHƯỢNG

Dây Đuôi phượng (Lân tư uyn)

Liều lượng đủ dùng.

Chủ trị:

Vết thương phần mềm, vết thương mổ do áp xe (abcès) sau tiêm quinin, vết bỏng do bom napan và phosphor.

Cách dùng, liều lượng:

Dây Đuôi phượng bỏ lá rễ, rửa sạch thái nhỏ phơi khô nấu cao đặc. Khi dùng pha loãng cao theo tỷ lệ 5%.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, tẩm dung dịch cao đã pha loãng vào gạc đắp phủ kín lên vết thương.

Mỗi tuần thay gạc thuốc 2 - 3 lần.

73. CAO GIẢI PHÓNG K71B

Nhựa cây Chai 50%

Dầu lạc trung tính 50%

Chủ trị:

Vết thương phần mềm nhiễm khuẩn, hoại tử, hôi thối.

Cách dùng, liều lượng:

Đun nhựa cây Chai cho chảy ra đổ dầu lạc vào, đun nhỏ lửa, khuấy đều đến khi thành một hỗn hợp đồng đều, đem phết lên vải mỏng để khô.

Rửa sạch vết thương, cắt vải đã phết cao dán lên vết thương 3 ngày thay 1 lần.

74. BỘT RAU MÁ NGHỆ VÀNG PHÈN CHUA

Rau Má
(sấy khô tán bột mịn) 65%

Nghệ vàng
(sấy khô tán bột mịn) 30%

Phèn chua phi 5%

Chủ trị:

Vết thương phần mềm nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, trộn đều.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, rắc bột thuốc kín vết thương, nếu có chỗ nứt tiếp tục rắc bột thuốc bổ sung phủ kín. Để nguyên vẩy thuốc cho đến khi bong vẩy, liền sẹo. Nếu vẩy thuốc bị cong lên, hoặc dịch tiết nhiều thì bóc vẩy rửa sạch thấm khô rắc bột thuốc mới kín vết thương tạo vẩy mới.

Nếu vết thương ở vị trí cọ sát nhiều thì dùng băng 4 giải băng để bảo vệ.

Chú ý:

- Khi rắc bột thuốc yêu cầu người bệnh nằm nghỉ tại chỗ để tạo cho vẩy khô và giảm tiết dịch.

- Rắc bột lần đầu có gây xót nhẹ.

75. CAO HT1

Củ Ráy dại

Nón Dứa dại

Quả Đu đủ xanh

Số lượng mỗi thứ bằng nhau

Chủ trị:

Vết thương phần mềm nông, bỏng độ I, độ II.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho nấu cao lỏng theo tỷ lệ 4/1.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, dùng gạc tẩm cao đắp lên vết thương.

Tuỳ theo tình trạng nhiễm khuẩn mà thay băng hàng ngày hoặc cách nhật và thay thưa dần.

76. BỘT C.Ỏ.N

Lá Chanh (Ninh móng diệp)

Lá Ổi (Phan thạch lựu diệp)

Lá Na (lá Măng cầu ta)

Số lượng mỗi thứ bằng nhau.

Chủ trị:

Vết thương phần mềm nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, phơi sấy khô tán bột mịn, trộn đều.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, rắc bột thuốc thành một lớp mỏng lên vết thương, nếu dịch tiết nhiều phủ thêm lớp gạc rồi băng lại.

2 - 3 ngày thay băng 1 lần.

77. BỘT NGƯ TINH THẢO

Lá Ngư tinh thảo non	
(lá Giấp cá)	90%
Phèn chua phi khô	10%

Chủ trị:

Vết thương phần mềm nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Giấp sấy khô tán bột mịn.

Phèn chua phi khô tán bột mịn.

Trộn đều 2 thứ bột với nhau.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, rắc bột thuốc mỏng đều lên vết thương, phủ kín gạc.

Ngày thay băng 1 lần.

78. NƯỚC SẮC BẠCH ĐỒNG NỮ

Bạch đồng nữ (cành, lá)	1000g
Muối ăn (Thực diêm) khô sạch	90g

Chủ trị:

Vết thương phần mềm, vết thương phần mềm kèm theo tổn thương xương, vết thương mồm cụt, vết thương chàm khớp, vết thương mất da rộng (20 - 300cm²).

Cách dùng, liều lượng:

Bạch đồng nữ, Muối ăn cho vào 10 lít nước, đun sôi trong 30 phút, để nguội gạn lấy nước thuốc trong (hoặc lọc) đóng vào chai huyết thanh vô khuẩn.

Dùng phương pháp nhỏ giọt liên tục nước thuốc Bạch đồng nữ lên vết thương.

- Nếu vết thương có nhiều mủ, dịch hôi thối, đặt chai nước thuốc cao 50 - 60cm để vòi xối nước thuốc thành tia trực tiếp vào vết thương từ 5 - 10 phút. Sau đó hạ thấp độ cao xuống còn 20cm để nhỏ giọt liên tục với tốc độ 60 - 80 giọt phút.

- Nếu vết thương biểu mô đã phát triển cho hạ thấp vòi nước thấp sát vết thương để nước thuốc tràn trên vết thương trong thời gian ngắn 2 - 3 phút. Sau đó nhỏ giọt cách quãng để biểu mô phát triển nhanh.

Vết thương chỉ cần che gạc không cần băng, không cần dùng thuốc kháng sinh.

79. NƯỚC SẮC HOÀNG ĐẰNG

Hoàng đằng	1000g
Nước	1500ml

Chủ trị:

Vết thương phần mềm lâu liền, nhiều ngô ngách.

Cách dùng, liều lượng:

Hoàng đằng chẻ nhỏ cho vào nước đun sôi trong 3 giờ, để nguội, gạn lấy nước thuốc trong, rửa vết thương bằng phương pháp nhỏ giọt (nếu là vết thương có nhiều ngô ngách). Các vết thương khô có ngô ngách thì tắm nước thuốc vào gạc đắp lên vết thương.

80. CAO LÁ MỎ QUẠ

Lá Mỏ quạ (Xuyên phá thạch)	
Lượng đủ dùng	

Chủ trị:

Vết thương phần mềm lâu liền có cốt tuỷ viêm lỗ dò nông, vết thương nhiễm trực khuẩn mủ xanh.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Mỏ quạ nấu thành cao mềm sền sệt.

Rửa sạch vết thương bằng nước Muối loãng hoặc nước lá Trầu không, cắt bỏ tổ chức hạt xấu cho rớm máu.

Bôi cao Mỏ quạ lên miệng vết thương, nếu có lỗ dò bơm trực tiếp cao vào lỗ dò bằng bơm tiêm.

Chú ý:

Thuốc gây đau sót khi sử dụng.

81. THUỐC MỠ MÃ ĐẾ

Bột lá Mã đề	30g
Mỡ Vaselin trung tính	100g

Chủ trị:

Vết loét nhiễm trùng sau mổ, các ổ viêm khu trú như: Chín mé, viêm cơ, nhọt.

Cách dùng, liều lượng:

Trộn đều bột lá Mã đề với vaselin.

Rửa sạch vết thương, phết mỡ thuốc vào gạc đắp lên vết thương.

Tuỳ theo tình trạng vết thương mà ấn định bôi thuốc hay thay băng hàng ngày hoặc 2 - 3 ngày thay 1 lần.

82. SINH CƠ TÁN

Khinh phấn	8g
Băng phiến	
(Mai hoa băng phiến)	8g
Lộ cam thạch chế	
(Đá kềm chế)	100g

Chủ trị:

Vết thương phần mềm, lâu liền, loét vùng mồm cụt, vết mổ lâu liền, dò kéo dài.

Cách dùng, liều lượng:

Lộ Cam thạch nung chín, tán bột mịn.

Khinh phấn tán mịn.

Băng phiến tán mịn.

Trộn đều cả 3 vị với nhau.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, rắc bột thuốc thành một lớp mỏng lên mặt vết thương, phủ gạc băng lại.

Tuỳ theo vết thương tiết dịch nhiều hay ít mà thay băng hàng ngày hoặc 2 - 3 ngày thay 1 lần.

83. NƯỚC ÉP KHƯƠNG HOÀNG

Khương hoàng tươi	
(Nghệ vàng) lượng đủ dùng	
hoặc	
Khương hoàng tươi	100g
Tỏi tươi	5g

Chủ trị:

Vết thương phần mềm có nhiều ngõ ngách, loét vùng mồm, mồm cụt, vết thương vùng bụng, cột sống viêm mủ, chảy máu bàng quang, loét da đầu...

Cách dùng, liều lượng:

Nghệ tươi, tỏi tươi ép lấy nước trong đem ly tam hấp diệt khuẩn.

Rửa sạch vết thương, bơm dung dịch thuốc vào các ngõ ngách của vết loét, đặt gạc băng lại.

Nếu rửa bàng quang pha dung dịch nghệ như sau:

Nước ép Nghệ	30 - 50ml
Nước cất vừa đủ	1000ml

Bơm vào bàng quang đã được rửa sạch. Giữ nước thuốc trong bàng quang 3 - 5 phút rồi tháo bỏ.

84. DUNG DỊCH BẠCH PHÀN 5%

Bạch phàn (Phèn chua)	5g
Nước chín lọc trong	100g

Chủ trị:

Vết thương nhiễm khuẩn mủ xanh.

Cách dùng, liều lượng:

Bạch phàn cho vào nước khuấy tan, lọc đóng chai hấp diệt khuẩn.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, dùng gạc (gấp dày) tẩm dung dịch Phèn chua đắp lên vết thương.

Tuỳ theo vết thương tiết dịch nhiều hay ít mà thay băng hàng ngày hay cách nhật.

85. KHƯƠNG HOÀNG TÁN

Khương hoàng	
(Nghệ) khô tán mịn	1 phần
Nước muối 10%	2 phần

Chủ trị:

Vết thương phù nề đau do đụng dập, giảm đau sau kết xương trong ngoại khoa chấn thương, vết thương sau phẫu thuật chi.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị trộn khuấy đều, trải dàn lên gạc dày độ 5mm đắp vào chỗ phù nề đau nhất.

Với vết mổ đã khâu đặt gạc thuốc cách xa vết khâu từ 1 - 1,5 cm.

Với vết thương hở đặt 1 lớp gạc vô trùng phủ lên vết thương rồi mới đặt gạc Nghệ lên.

86. BỘT ST.5

Lá Sắn thuyền (sấy khô tán bột mịn)	
Dầu parafin	đủ dùng

Chủ trị:

Bỏng nước sôi độ 2, 3, 4 mới, chưa nhiễm khuẩn hay đã nhiễm khuẩn hoặc bỏng do lửa, bỏng do vôi.

Cách dùng, liều lượng:

Liều dùng cho 1% diện tích bỏng như sau:

Bột lá Sắn thuyền	5g
Dầu parafin	6ml

Trộn đều hai vị với nhau, bôi lên vết bỏng một lớp mỏng 2 - 3 mm. Sau 2 giờ bột se lại, nếu có khe nứt dịch tiết chảy ra thì rắc thêm bột Sắn thuyền khô vào khe nứt đó.

87. CAO SẺ LẺ

Vỏ Sẻ lẻ tươi	1 kg
Lá Sim tươi	0,5 kg

Chủ trị:

Bỏng nước sôi độ 2 và 3, các vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị rửa sạch cho nấu cao sền sệt.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, bôi cao lên vết thương tạo thành một lớp màng mỏng không cần băng.

Tuỳ theo tình trạng vết thương hàng ngày hay 2 - 3 ngày rửa vết thương bôi thuốc 1 lần.

88. BỘT BỎNG BB 195

Vỏ cây Sẻ lẻ tươi	10kg
Lá Sim tươi	5kg
Nghệ vàng (sấy khô giòn)	300g
Xuyên tâm liên (sấy khô giòn)	300g
Xương chó (đốt tồn tính)	300g

Chủ trị:

Bỏng độ 2 và 3, các vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Sẻ lẻ, lá Sim, nấu cao sền sệt sấy được 1 kg cao khô, hợp cùng các vị khác tán bột mịn. Cho thêm bột natri carbonat trộn đều để có độ pH 6,8.

Rửa sạch vết thương hoặc vết bỏng thấm khô, rắc bột BB195 tạo thành một màng mỏng không cần băng.

Hàng ngày hay 3 - 4 ngày rửa vết thương thay thuốc một lần tuỳ theo tình trạng vết thương.

89. CAO SỎ LẺ

Vỏ cây Sẻ lẻ tươi	5 kg
Lá Ổi tươi	5 kg

Chủ trị:

Bỏng độ 2 và 3 chưa nhiễm khuẩn hay đã nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Sẻ lẻ và lá Ổi đem nấu riêng thành cao lỏng theo tỷ lệ 5/1 sau đó cô đặc lại sánh như mật ong, trộn lẫn hai thứ cao lại với nhau thành một hỗn dịch cao có màu đen.

Rửa sạch vết bỏng (phá hết các nốt phỏng nước, cắt bỏ hoại tử) bôi cao lên vết bỏng thành một lớp màng mỏng.

Chú ý:

- Nếu dùng dạng thuốc bột thì đem cao lỏng của từng dược liệu sấy khô tán bột mịn. Sau đó trộn hai bột với nhau.

- Nếu dùng dạng dung dịch, để nhỏ giọt vào vết thương hoặc vết bỏng thì pha theo công thức sau:

Cao khô Sẻ lẻ	50g
Cao khô lá Ổi	25g
Nước sôi lọc kỹ	5 lít

- Nếu dùng dạng thuốc mỡ 10% thì pha theo công thức sau:

Cao khô sẻ lẻ	5g
Cao khô lá Ổi	5g
Vaselin trung tính	100g

90. CAO BỎ - I

Vỏ cây Kháo nhậm (Rẻ vàng)
lượng đủ dùng

Chủ trị:

Bỏng độ 2, độ 3, độ 4 diện tích bỏng từ 3 - 30%. Vết thương phần mềm, viêm tai giữa, phụ nữ khí hư.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Kháo nhậm nấu cao lỏng theo tỷ lệ 10/1.

Rửa sạch vết bỏng, vết thương, thấm khô, dùng 5 lần gạc thấm thuốc, đắp lên vết bỏng, vết thương bằng lại. 2 - 3 ngày thay bằng 1 lần cho đến khi hết tiết dịch, hết các chất hoại tử thì bôi trực tiếp cao thuốc lên vết bỏng 3 - 5 lần trong ngày. Tiếp tục bôi cho đến khi bong vảy. Vẩy bong đến đâu bôi nước nghệ tươi ép tới đó.

91. CAO HU ĐAY

Vỏ tươi Hu đay (Mạ hu)

lượng dùng tùy ý

Chủ trị:

Bỏng độ 2 - 3 - 4, diện tích bỏng từ 10 - 37%

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Hu đay cạo bỏ phần vỏ ngoài, rửa sạch cho nấu cao lỏng theo tỷ lệ 10/1.

Rửa sạch vết bỏng, phá hết các nốt phỏng nước, lấy hết dị vật, da chết... thấm khô, bôi cao thành một lớp mỏng bám chặt vào vết thương không cần băng.

92. TẮM PHÒNG THANG

Dây Tắm phỏng (Xoan leo) 50 -60g

Chủ trị:

Bong gân

Cách dùng, liều lượng:

Dây Tắm phỏng sao vàng hạ thổ cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc thuốc còn nóng, đồng thời bắt động nơi bong gân bằng nẹp tre.

Ngày uống 1 thang. Uống 3 thang.

93. CAO SIM NGHỆ

Lá Sim tươi 1500g

Nghệ vàng tươi 200g

Chủ trị:

Vết bỏng, vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Nghệ rửa sạch cắt bỏ rễ con, giã nát ép lấy nước để riêng. Lá Sim rửa sạch nấu cao lỏng, khi gần được vớt bỏ bã cho nước ép nghệ vào khuấy đều cô tiếp đến dạng cao lỏng tỷ lệ 1,5/1 lúc cao đang nóng, lọc qua vải.

Rửa sạch vết bỏng, vết thương, thấm khô dùng bông tẩm thuốc bôi lên một lớp mỏng phủ kín vết thương, vết bỏng.

94. CỐN NGÔ CÔNG

Rết lớn (3 - 5g một con) 5 con

Cồn 90° 100ml

Chủ trị:

Nhọt độc, áp xe, viêm cơ.

Cách dùng, liều lượng:

Rết cho vào nước nóng già 70 - 80°C rửa sạch cho vào ngâm với cồn 90° trong 10 ngày thì dùng được (ngâm càng lâu càng tốt). Dùng bông tẩm cồn rết bôi vào chỗ sưng tấy.

Ngày bôi 2 - 3 lần.

95. CỐN MỘC MIẾT TỬ

Mộc miết tử (bỏ vỏ cứng) 200g

Cồn 60° 500ml

Chủ trị:

Chấn thương đụng dập đau nhức, sưng tấy, viêm cơ, áp xe nhọt độc...

Cách dùng, liều lượng:

Hạt Gấc đã đồ xôi, tách bỏ vỏ cứng, lấy nhân giã dập, cho vào cồn ngâm trong 5 - 7 ngày.

Dùng bông tẩm cồn thuốc thoa lên vết thương, áp xe, mụn nhọt.

Ngày bôi thoa 2 - 3 lần.

96. CAO DÁN THIÊM THỪ

Củ Ráy dại (tươi) 100g

Nghệ vàng (tươi) 50g

Cóc vàng (đốt tồn tinh) 1 con

Nhựa thông 30g

Sáp ong
(tùy theo mùa nóng lạnh) 30 - 50g
Dầu Vừng 500ml

Chủ trị:

Nhọt độc chưa vỡ mủ hay đã vỡ mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Cóc bọc vào đất sét dày 1cm cho vào lò than trấu hay mùn cưa đốt, khi đất đỏ hồng bỏ ra đập vỡ cạo lấy than cóc, tán bột mịn...

Ráy đại, Nghệ thái mỏng, cho vào dầu Vừng đun sôi rán đến khi thấy Ráy và Nghệ quần lại, sắc sẫm thì bắc xuống vớt bỏ hết bã; cho bột than cóc, Nhựa thông, Sáp ong vào khuấy đều cho đến khi tất cả tan hết (lấy 1 giọt cao nhỏ vào 1 cái đĩa, giọt cao không nhoe ra là được).

Rửa sạch mụn nhọt, lấy một miếng giấy vừa bằng nốt mụn nhọt phết cao vào dán lên mụn nhọt.

Đối với mụn nhọt mới sưng tấy chưa vỡ mủ 2 ngày thay cao 1 lần.

Đối với mụn nhọt đã vỡ mủ, mỗi ngày thay cao 1 lần.

97. CAO NGÔ CÔNG

Ngô công (con Rết) 24g
Dầu Lạc 32g
Nhựa thông 200g
Vôi bột (cũ) 15g

Chủ trị:

Các loại ung nhọt, trẻ em mạch (mà) lươn.

Cách dùng, liều lượng:

Rết đốt cháy tồn tính, tán bột mịn.

Nhựa thông nấu chảy, cho dầu Lạc và bột Rết vào khuấy đều đem ra để nguội cho vôi bột vào khuấy đều thành cao.

Rửa sạch mụn nhọt, mạch lươn. Cắt một miếng giấy vừa bằng ung nhọt, mạch lươn, phết cao thuốc dán lên ung nhọt, mạch lươn.

Đối với ung nhọt chưa vỡ mủ 2 ngày thay cao 1 lần.

Đối với ung nhọt đã vỡ mủ, hàng ngày thay cao 1 lần.

98. BỘT BÓ GỠ XƯƠNG

Huyết giác 10g
Đại hồi 5g
Quế chi 4g
Thương truật 6g
Dây Đau xương tươi 20g
Lá Cúc tần tươi 5g
Lá Đòn kẻ cắp (Đòn gánh) tươi 5g
Vỏ Riệt tươi (?) 4g
Vỏ cây Gạo (Mộc miên bì) tươi 4g
Lá khoai lang tươi đủ dùng

Chủ trị:

Trẹo gãy xương, trật khớp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị Huyết giác, Đại hồi, Quế chi, Thương truật sấy khô tán bột mịn để riêng.

Các vị khác rửa sạch, thái nhỏ giã nhuyễn, trộn lẫn với bột Huyết giác, Đại hồi, Quế chi, Thương truật. Thêm lá khoai lang giã thật nhuyễn.

Chỉnh lại xương gãy, khớp trật trở lại vị trí cũ ngay ngắn đúng khít (nếu xương gãy chỉnh hình không tốt, xương can lệch khó nắn lại như cũ). Sau đó đặt một lần gạc bao khắp vết thương (tránh phồng da do sức nóng của thuốc), xong đắp thuốc lên, phủ ngoài thuốc bằng một lần gạc, dùng nẹp tre buộc cố định (nếu gãy xương đùi phải nẹp cố định từ nách đến bàn chân).

Một tuần lễ thay thuốc một lần. Thường là dùng ba miếng thuốc.

Chú ý:

1. Khi bó miếng thứ 2:

- Để đảm bảo nơi gãy đúng khít khi đắp miếng thuốc thứ 2 cần kiểm tra lại vết thương, nếu thấy vị trí xương chưa tốt lắm phải nắn sửa lại ngay không nên để chậm.

- Khi đặt nẹp cần tránh những nơi có động mạch hoặc mạch máu lớn (tránh làm mạch máu không thông).

- Khi bệnh nhân có cảm giác tê lạnh, hoặc thấy phía dưới tay chân sưng tím là do buộc quá chặt cần nới lỏng nút buộc ra.

- Sau khi buộc thuốc 3 - 4 ngày nếu thuốc khô quá nên nhỏ ít rượu vào để làm thuốc nhuận dẻo trong 1 tuần.

2. Trường hợp xương treo không gãy, sau khi nắn lại khớp nếu còn sưng đau nhiều, chỉ bó cố định trong vài ba ngày.

3. Trường hợp gãy, treo nặng dùng thêm thang thuốc uống trong sau:

Đại hồi	8g
Quế chi	8g
Huyết giác	20g
Thương truật	12g
Đào nhân	10g
Hồng hoa	4g
Tô mộc	10g

sắc uống, ngày 1 thang.

4. Trường hợp người bệnh bí tiểu tiện.

Dùng rễ Cỏ tranh 40g nấu nước uống trong ngày.

5. Trường hợp người bệnh bí đại tiện

Dùng Đại hoàng 15g nấu nước uống trong ngày.

99. MỘC MIÊN DUNG THỤ THANG

Mộc miên bì (Vỏ cây Gạo) 80g

Dung thụ tu (Tua rễ cây Si) 40g

Chủ trị:

Vết thương tụ máu, sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ Gạo sao vàng hạ thổ, tua rễ Si sao qua, cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống liền 2 - 3 thang.

Bên ngoài dùng vỏ Gạo và Nghệ già giã nát, sào với nước tiểu trẻ em chườm khi thuốc đang nóng.

100. CỐN XOA BÓP

Mã tiền (sống)	12g
Ô đầu (sống)	12g
Địa liên	12g
Can khương	12g
Huyết kiệt (Máu rồng)	12g
Quế tiêm	12g
Đinh hương	12g
Đại hồi	12g

Nhũ hương	12g
Một dược	12g
Long não	12g
Cồn 90° vừa đủ	1000ml

Chủ trị:

Chấn thương đụng dập sưng tấy, tím bầm, đau nhức, bong gân.

Cách dùng, liều lượng:

Mã tiền, Ô đầu ủ mềm thái mỏng, sấy khô tán đập. Các vị khác sấy khô tán đập, trộn lẫn với Mã tiền, Ô đầu cho cồn 90° ngâm chiết theo phương pháp nhỏ giọt.

Dùng bông gạc thấm cồn thuốc xoa vào các chỗ sưng tấy tím bầm, đau nhức hoặc bong gân, xoa nhẹ nhàng không bóp.

Ngày xoa 3 - 4 lần.

Chú ý:

Cồn thuốc có độc dùng phải cẩn thận không được uống.

101. THUỐC ĐỔ UNG ĐỘC

Đại hoàng	12g
Nhũ hương	12g
Một dược	12g
Nhân hạt Gấc (bỏ vỏ cứng)	3 - 4 hạt

Chủ trị:

Trên da thịt có chỗ sưng đau nhức, sắc đỏ, sờ vào nóng, phát rất nhanh, quảng sưng rộng tới trên dưới 10cm (hàng tấc), ấn tay vào thấy cứng và lõm nhấc tay lên không thấy phồng ngay chỗ đau chưa nóng lắm là chưa nung mủ.

Chỗ đau nóng nhiều, phát sốt nhức đầu là chỗ đau đã bắt đầu nung mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán nhỏ, hoà vào Giấm thanh hoặc nước ép Củ chuối hột, đắp lên nơi sưng đau. Khô lại đắp tiếp.

102. MỘC NGÔ Ô TỶ TÁN

Mộc miết tử	
(hạt Gấc) bỏ vỏ cứng	10 hạt
Ngô công (Rết) sao tồn tính	3 con

Ồ long vĩ (Bồ hồng bếp)	20g
Tỳ ma tử	
(hạt Thầu dầu tía) bỏ vỏ cứng 30 hạt	
Vôi tôi	20g

Chủ trị:

Ung nhọt độc chưa có mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Mộc miết tử, Tỳ ma tử bóc bỏ vỏ cứng, giã nhỏ.

Ngô công tổn tính,Ồ long vĩ tán mịn, trộn lẫn với Tỳ ma tử, Mộc miết tử và Vôi luyện đánh thật đều, phết vào miếng giấy, dán lên chỗ đau.

Ngày thay một lượt đêm thay một lượt thuốc.

Kiêng kỵ:

Các thứ tanh, cay, hăng, nóng.

103. THUỐC ĐỐ MỘC MIẾT MĂNG CẦU

Mộc miết tử	
(bỏ vỏ cứng)	5 nhân hạt
Lá Măng cầu ta tươi (lá Na)	30g

Chủ trị:

Đinh độc mọc ở tay: Lúc mới phát thường không có đầu, hay mọc ở khoang ngón tay, đốt ngón tay, chỗ 2 ngón tay giao nhau (càng cua) hoặc ở gan bàn tay; có đau hoặc không đau, ngứa hoặc không ngứa, dần dần mới tấy đỏ, nóng và đau nhức, đau kịch liệt, đau chói, khuỷu tay hoặc nách nổi hạch, có khi phát sốt, rét, ăn ngủ không yên.

Cách dùng, liều lượng:

Nhân hạt Gấc, lá Na tươi, rửa sạch, giã nát cho thêm ít rượu trắng vừa ướt đều. Đắp kín vào chỗ đinh đang sưng, lấy băng băng lại.

Nếu đắp 1 lần chưa tan, đắp lần thứ hai sẽ tan. (Nếu đinh đã có mủ thì đổ đắp không tan được).

104. CAO HÀNH NGHỆ

Củ Hành ta khô	100g
Củ Nghệ	100g

Chủ trị:

Mạch lươn: lúc đầu mọc nhọt lũng bùng, lúc vỡ mủ có những lỗ thông nhau như mà lươn. Nước vàng rỉ rả chảy ra lâu ngày không khỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Hành, Nghệ rửa sạch thái mỏng ngâm vào dầu Vừng (ngập kín thuốc), ngâm 3 ngày, 3 đêm, sau đó mang đun cho Hành và Nghệ cháy đen, vớt bã ép lấy hết dầu bỏ bã. Lọc kỹ dầu cho vào 15g Sáp ong, đun quấy cho tan hết sáp ong, dầu đặc sền sệt như cao là được.

Đun nước hoa hoè đặc rửa sạch vết mạch lươn thấm khô. Phết cao vào giấy dán lên chỗ đau, băng lại.

Ngày rửa và thay thuốc 1 lần vào buổi sáng hay chiều.

Kiêng kỵ:

Các thứ cay, nóng, tanh.

105. XUYỀN HOÀNG HÙNG TÁN

Xuyên hoàng liên	2 phần
Hùng hoàng	1 phần

Chủ trị:

Sâu quăng: Nốt mụn sâu, có bờ, trước nhỏ sau to dần, càng lan to ra thì càng sâu vào thịt và bờ càng cao, ngứa, đau nhức, có máu mủ. Nếu đóng vẩy bên ngoài thì bên trong vẫn cứ ăn ngấm vào xương và loét rộng ra.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị sấy khô tán bột mịn trộn đều.

Lấy một nắm lá Trầu không và một nắm lá Kinh giới đun với nước, sôi trong 5 phút, để ấm, rửa vết sâu quăng cho sạch máu mủ, lau khô, rắc bột thuốc vào băng lại.

Ngày rửa và rắc thuốc một lần.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất nếp, cay, hăng, tanh, nóng.

106. CAO TÂN

Củ Ráy dại (thái mỏng)	100g
Nghệ già (thái mỏng)	50g
Cóc vàng (đốt tổn tính tán bột) 1 con	
Dầu vừng	500ml
Sáp ong	30g
Nhựa thông	30g

Chủ trị:

Dán ung nhọt đỉnh độc. Mụn nhọt mới phát sinh thì cao này làm cho tan, chưa vỡ mủ thì làm cho vỡ, vỡ mủ rồi thì hút mủ ra làm cho lên da thịt.

Cách dùng, liều lượng:

Cho Nghệ, Ráy đại vào dầu vùng đun sôi khi Nghệ, Ráy quần teo lại, sẫm màu thì bắc ra vớt bỏ bã, cho sáp ong vào đun tiếp quấy tan sáp, bắc ra cho bột than cóc, Nhựa thông vào quấy đều. Khi các thứ đã tan đều, lấy 1 giọt nhỏ vào 1 cái đĩa thấy giọt cao không nhoe ra là được.

Rửa sạch nhọt bằng nước sắc lá Trầu không và lá Kinh giới, thấm khô. Lấy một miếng giấy đo bằng cái ung nhọt, cắt thủng ở giữa một lỗ nhỏ rồi phết cao lên, dán vào ung nhọt (lỗ thủng của giấy phết cao đúng đỉnh giữa ung nhọt để hút mủ ra).

Ngày thay cao thuốc 1 lần.

107. RƯỢU XOA BÓP

Huyết giác	40g
Đại hồi	12g
Quế chi	12g
Địa liên	20g
Thiên niên kiện	20g
Long não	15g
Rượu trắng 45°	1000ml

Chủ trị:

Chấn thương sưng tấy, đau nhức, bong gân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột cho vào rượu ngâm trong tuần lễ. Mỗi ngày lắc đều 1 lần.

Hàng ngày dùng bông thấm rượu thuốc đắp vào nơi đau, xoa bóp nhẹ.

Chú ý:

Chỉ dùng xoa bóp không được uống.

108. CAO CHẤN THƯƠNG THỐNG NHẤT

Lá Cúc tần	800g
Lá Ngải cứu	400g
Quế chi	160g

Đại hồi	80g
Sáp ong	200g
Dầu Thầu dầu (Dầu ve)	200g

Chủ trị:

Bong gân, sai khớp, gãy xương kín.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các dược liệu sấy khô tán bột mịn, trộn đều.

Dầu Thầu dầu đun thật sôi cho sáp ong vào quấy cho tan bắc ra để nguội bớt (độ 15 phút) cho bột thuốc từ từ vào dầu đánh thật kỹ cho đều.

Khi dùng phết cao lên miếng giấy bóng kính hay giấy polyetylen dán lên nơi bị tổn thương.

Ngày dán một lần.

Chú ý:

Nếu thiếu sáp ong có thể thay bằng parafin, glycerin.

Nếu dùng parafin và glycerin thì cho parafin vào dầu Thầu dầu trước quấy cho tan hết sau đó cho glycerin, bột thuốc cho vào sau cùng đánh đều.

109. THẠCH VI BA CHẠC THANG

Lá Thạch vi (lá Bòng bong)	20g
Lá Ba chạc	
(lá Chè đắng, lá Chạng ba)	20g
Lá Thượng bầy (?)	20g
Vỏ cây Quế lợn (Quế trên)	20g
Lá Xoan	20g
Lá Đơn tướng quân	30g

Chủ trị:

Trẹo xương, sai khớp.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị dùng tươi rửa sạch, giã nhỏ, sao nóng với nước tiểu, dàn mỏng đắp vào nơi sưng đau, sau khi đã nắn lại xương trở về vị trí cũ, băng ép cố định chặt.

Hai hay ba ngày tháo ra thay thuốc băng lại.

110. THUỐC BÓ NGHỆ VÀNG MẮN TƯƠI

Nghệ vàng (tươi)	20g
Lá Mắn tươi (tươi)	40g
Lá Ngải cứu (tươi)	40g
Lá Dâm bụt (tươi)	40g
Lá Cúc tần (tươi)	40g

Chủ trị:

Chấn thương gãy xương.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, giã nhuyễn đắp và bó quanh vết thương sau khi đã chỉnh cố định xương gãy, băng chặt lại.

111. TỤC CỐT TƯỚNG QUÂN THANG

Tục cốt đằng diệp	
(Lá dây Đau xương) tươi	50g
Lá Đơn tướng quân tươi	50g

Chủ trị:

Bong gân, sai khớp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, giã nhỏ đắp vào nơi bong gân, trật khớp (đã được nắn trở lại vị trí cũ).

Ngày đắp 1 thang.

112. THANG ĐU ĐỦ MĂNG CẦU

Quả Đu đủ xanh	1 quả
Lá Măng cầu ta (lá Na)	10g
Muối ăn	5g
Vôi tôi	5g

Chủ trị:

Sai khớp, bong gân.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả giã nhỏ đắp lên vết thương sau khi đã chỉnh hình, băng cố định.

Hai, ba ngày thay băng 1 lần.

113. THANG NGHỆ CÚC TẦN

Củ Nghệ già (tươi)	20g
Lá Cúc tần (tươi)	12g
Lá Trầu không (tươi)	12g
Lá Sả non (tươi)	12g

Chủ trị:

Bong gân, sai khớp.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị rửa sạch, giã nhỏ đắp lên chỗ sưng đau, sau khi đã chỉnh hình, băng cố định.

Hai, ba ngày thay băng 1 lần.

114. HUYẾT GIÁC KHƯƠNG HOÀNG TỬU

Huyết giác	40g
Khương hoàng	30g
Thiên niên kiện	20g
Địa liên	20g
Đại hồi	12g
Quế chi	12g
Long não	12g

Chủ trị:

Chấn thương viêm tấy, phù nề, sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán nhỏ cho vào một lít rượu trắng 45° ngâm một tuần lễ.

Khi dùng tắm rượu vào bông, gạc, xoa nhẹ nơi sưng đau sau khi đã cố định chỉnh hình.

Ngày xoa 2 - 3 lần.

Chú ý:

Chỉ dùng xoa, không được uống.

115. DUNG THỤ HOÀNG BÁ MIỀN BÌ TÁN

Dung thụ diệp tươi	
(Lá Si tươi)	20g
Nam hoàng bá	
(Vỏ Núc nác) tươi	20g
Mộc miên bì (vỏ Gạo) tươi	20g

Lá Gấc tươi 20g
Sáp ong đủ dùng

Chủ trị:

Bó gẫy xương kín

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị rửa sạch, giã nhuyễn, cho vào Sáp ong đã nấu lỏng, quấy đều thành cao mềm, đắp lên chung quanh vết thương sau khi đã cố định chỉnh hình, băng lại.

Hai, ba ngày thay bằng 1 lần.

116. CÀ GAI ĐU ĐỦ CHÌA VÔI THANG

Lá Cà gai leo tươi 50g
Lá Đu đủ tươi 50g
Lá Chia vôi tươi 50g

Chủ trị:

Viêm cơ, mụn nhọt, áp xe cơ.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả rửa sạch giã nhỏ đắp vào nơi viêm, áp xe cơ.

Ngày đắp 1 lần bằng lại.

117. THANH NHIỆT TIÊU ĐỘC THANG

Bồ công anh (sao vàng) 30g
Kim ngân hoa (sao qua) 20g
Thương nhĩ tử (sao cháy) 20g
Đậu đen 30g

Chủ trị:

Ung nhọt nhiễm trùng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

118. THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC THANG

Sài đất 100g
Bồ công anh 30g
Cỏ Mần chầu 15g
Cam thảo dây 15g

Chủ trị:

Ung nhọt mới phát.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

**119. LỤC BÌNH
HOÀNG OANH DIỆP THANG**

Bèo Lục bình (bèo Tây) 10g
Hoàng oanh điệp (Lá Duối) non 15g
Lá Đu đủ 15g
Lá Đám bụi 20g
Nghệ vàng 8g
Vôi tôi 10g

Chủ trị:

Viêm cơ giai đoạn chưa hoá mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị dùng tươi, rửa sạch để ráo nước, giã nhỏ.

Rửa sạch nơi viêm tấy, đắp thuốc xung quanh bằng lại.

Ngày thay đắp 2 lần.

120. NGÂN BỔ THANG

Kim ngân 20g
Bồ công anh 20g
Vòi voi 10g
Sài đất 10g
Xạ can 10g
Giấp cá 15g

Chủ trị:

Ung nhọt nhiệt độc.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang

121. THANG HÀNH TẮM MẬT ONG

Hành tằm	8g
Mật ong	5ml

Chủ trị:

Đỉnh nhọt, càn cưa.

Cách dùng, liều lượng:

Giã nhỏ Hành trộn đều với Mật ong đắp lên chỗ đau.

Ngày đắp 2 lần.

122. THỎ PHỤC NGŨ LIÊM TỬ THANG

Thỏ phục linh	40g
Ngũ liêm tử (Quả Khế)	20g

Chủ trị:

Ung nhọt độc nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

123. TIÊU VIÊM SÁT KHUẨN THANH NHIỆT THÔNG HUYẾT THANG

Lá Rau răm tươi	20g
Lá Chia vôi tươi	20g
Lá Bông tươi	20g
Lá Bạch đồng nữ	20g
Muối ăn	2g

Chủ trị:

Viêm cơ, áp xe, ung nhọt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, để ráo nước, giã nhỏ thêm muối trộn đều đắp vào nơi sưng đau, băng lại. Sau 4 giờ băng thuốc, tùy theo mức độ nặng nhẹ của bệnh mà đắp thêm miếng thuốc thứ 2.

Kiêng kỵ:

Không ăn các thứ cay, nóng, tôm, bún, bí xanh.

124. KHƯƠNG LANG THANG

Khương lang	
(Bọ Hung) đốt tồn tính	2 con
Mầm Tre non	
(giã vắt lấy nước)	2 cái
Lòng trắng trứng gà	1 quả

Chủ trị:

Rút chông gai, các vật bằng kim loại nhỏ cắm vào cơ thể.

Cách dùng, liều lượng:

Khương lang đốt tồn tính tán bột mịn, trộn đều với nước mầm tre non và lòng trắng trứng làm thành khối dẻo, đắp vào vết thương đã vô khuẩn sau đó lấy nhựa Cóc bôi chung quanh ngoài vết thương.

125. THUỐC ĐẮP PHÙ CHÌA KÉ

Lá Phù dung tươi	30g
Lá Chia vôi tươi	20g
Lá Ké hoa vàng hay hoa đỏ tươi	20g

Chủ trị:

Viêm cơ, ung nhọt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, để ráo nước, giã nhỏ thêm ít muối trộn đều đắp lên nơi đau sưng.

Ngày đắp 2 lần. Đắp 3 ngày liền.

126. ĐẠI THÔNG PHONG MẬT THANG

Hành khô (Đại thông khô)	2 củ
Phong mật (Mật ong)	5g

Chủ trị:

Rút chông gai, các vật bằng kim loại nhỏ cắm vào cơ thể.

Cách dùng, liều lượng:

Hành bóc bỏ vỏ khô, giã nhỏ với ít muối, trộn đều với Mật ong. Đắp vào nơi đâm phải chông gai, mảnh kim loại bằng chặt lại. Hôm sau gai hoặc mảnh kim loại sẽ lộ ra.

127. BẠCH KIM THIÊN HOA THANG

Bạch cập	4g
Kim ngân hoa	4g
Thiên hoa phấn	4g
Xuyên sơn giáp (nướng phồng)	3g
Tri mẫu	4g
Nhũ hương	3g
Tạo giác thích	2g
Bối mẫu	4g
Bán hạ chế	4g

Chủ trị:

Hậu bối, sưng vú, ung nhọt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, thêm ít rượu trắng chia uống 2 lần trong ngày.

Bã thuốc còn lại cho giã nát với lá Phù dung tươi, trộn thêm với ít Mật ong đắp vào nơi sưng đau bằng lại.

Ngày đắp và thay thuốc 1 lần.

128. BẠCH THANH ĐƯƠNG GIÁC DĨ XƯƠNG THANG

Bạch chỉ	3g
Thanh bì	3g
Đương quy	4g
Tạo giác thích	2g
Ý dĩ	6g
Xương truyệt	3g

Chủ trị:

Ung nhọt sưng tấy đau nhức nung mủ nhưng chưa vỡ mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang hoặc 2 thang tùy theo bệnh.

129. BỔ CÔNG THẤT DIỆP THANG

Bổ công anh	30g
Thất diệp nhất chi hoa	
(Tảo hươu)	6g

Chủ trị:

Ung nhọt, sưng vú, quai bị, tràng nhạc.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Kết hợp đồ bên ngoài dùng:

Tảo hươu	12g
Thiên hoa phấn	12g
Thiên tiêu tử	6g

Các vị sấy khô, tán bột thêm ít nước trộn đều dàn mỏng đắp vào nơi đau.

130. BỔ LIÊN THIÊN BỐI MẪU THANG

Bổ công anh	15g
Liên kiều	9g
Thiên hoa phấn	9g
Bối mẫu	9g
Đương quy	9g
Thanh bì	6g
Gạc hươu nai (chẻ nhỏ)	9g

Chủ trị:

Nhọt độc, áp xe vú mới sưng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

131. THUỐC BÓ GỠ XƯƠNG

Cốt toái bồ tươi	200g
Lá Sen tươi	100g
Lá Trắc bá tươi	100g
Quả Bồ kết tươi	50g

Chủ trị:

Bó gầy xương

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, nghiền nhỏ đắp bó vào nơi xương gãy sau khi đã chỉnh hình, nẹp bằng cố định chặt.

2 - 3 ngày thay thuốc 1 lần.

132. ĐƯƠNG ĐÀO KINH ĐẠI QUẾ BỔ THANG

Đương quy	10g
Đào nhân	10g
Kinh giới	10g
Đại hoàng	10g
Quế tâm	4g
Bổ hoàng	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Chấn thương đưng dập, đòn đánh, bầm tím sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

133. HỒNG HOA TÔ MỘC THANG

Hồng hoa	6g
Tô mộc	6g
Đương quy	4g
Mộc thông	4g
Cam thảo	4g
Trần bì	4g
Chỉ xác	4g
Phác tiêu	2g
Hậu phác	4g
Đại hoàng	4g

Chủ trị:

Chấn thương, ngã dập, bầm tím, sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, thêm 300ml rượu trắng, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

134. CAO BÓ GỖY

Huyết giác	200g
Đại hồi	40g
Thương truật	80g

Đại hoàng	60g
Nhũ hương	40g
Một dược	40g
Đinh hương	40g
Quế chi	40g
Thiên niên kiện	80g

Chủ trị:

Bó gãy xương

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn trộn đều.

Khi dùng nấu thành cao theo công thức sau:

Bột thuốc	200g
Nhựa thông (Tùng hương)	100g
Sáp ong	100g
Dầu Thấu dầu (Dầu ve)	400g

Dầu Thấu dầu đun sôi cho Sáp ong vào đun quấy tan, bắc ra cho Nhựa thông và bột thuốc vào quấy đều thành cao.

Phết lên giấy bóng kính hay giấy polyetylen bó kín chung quanh nơi xương gãy sau khi đã chỉnh đưa xương trở về vị trí cũ, đặt nẹp băng cố định.

Đắp, bó liên tục trong 3 - 4 tuần lễ không phải thay thuốc.

135. CAO HY THIÊM

Hy thiêm	
(toàn cây bỏ gốc rễ)	1000g

Chủ trị:

Các vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Hy thiêm rửa sạch, nấu cao đặc sền sệt hoặc cao lỏng tỷ lệ 5/1. Rửa sạch vết thương, thấm khô, bôi lên vết thương một lớp mỏng cao Hy thiêm (dịch chiết Hy thiêm để lại trên mặt da một màng dính, tựa như collodion). Không cần băng.

136. LONG NHA THẢO TÁN

Long nha thảo	500g
Gừng tươi	
(thái lát sao tồn tính)	200g

Chủ trị:

Chảy máu do chấn thương ngoài da.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, rắc vào nơi vết thương chảy máu băng lại.

Hồng hoa	4g
Ô dược	4g
Sinh địa	10g
Tam lăng	4g
Uy linh tiên	4g
Tục đoạn	4g

137. ĐƠN BÌ ĐÀO NHŨ XÍCH KHUNG THANG

Đơn bì	10g
Đào nhân	5g
Nhũ hương	5g
Xích thực	5g
Xuyên khung	5g
Đương quy	5g
Sinh địa	10g
Cốt toái bổ	5g
Tục đoạn	5g

Chủ trị:

Chấn thương ngã tụ máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chủ trị:

Chấn thương gãy xương, sưng đau, phù nề.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước và 400ml rượu trắng, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

140. ĐƠN BÌ XÍCH THỰC TÁN

Đơn bì	10g
Xích thực	10g
Sinh địa	10g
Huyết kiệt	6g
Nhũ hương	5g
Một dược	5g
Xuyên khung	5g
Cam thảo	3g

Chủ trị:

Các chấn thương do ngã, đòn đánh sưng đau, tụ máu tím bầm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, trộn đều.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 3g hoà vào rượu 30° hay nước tiểu trẻ em mới tiểu hay nước sôi còn nóng ấm uống.

138. MỘC QUA TÁN

Mộc qua	30g
Ngũ gia bì	30g
Uy linh tiên	15g

Chủ trị:

Thương tích do ngã, đòn đánh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, trộn đều.

Mỗi lần uống 10g hoà với rượu hay nước còn ấm ấm uống.

141. VIỄN CHÍ TỬU

Viễn chí	50g
Rượu trắng 40°	250ml

Chủ trị:

Các ung nhọt, hậu bối, viêm cơ, áp xe.

Cách dùng, liều lượng:

Viễn chí ủ mềm rút bỏ hết lõi, phơi khô tán vụn, cho vào rượu, ngâm, để lắng gạn uống.

Mỗi lần uống 20-30ml. Ngày uống 1-2 lần.

139. ĐÀO NGA QUY XÍCH THANG

Đào nhân	6g
Nga truyệt	6g
Quy vĩ	12g
Xích thực	4g
Cốt toái bổ	4g

MỘT SỐ BÀI THUỐC CHỮA RẼN, RẾT, CÔN TRÙNG ĐỘC CẢN, ĐỐT

A. RẼN ĐỘC CẢN

1. BỘT H.V.B

Hạt Hồng bì (Quất hồng bì) 100g

Hạt hoặc lá Vông vang 100g

Hoa hoặc lá Bông báo 100g

Chủ trị:

Rẻn độc cản.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô, tán bột mịn, trộn đều.

Khi bị rẻn độc cản hoà 25g bột thuốc vào 100ml cồn 70° hoặc rượu 45°, lắc đều. Dùng bông chấm thuốc bôi đốn từ quầng đỏ phía trên vết cản bôi đốn xoáy chôn ốc đến vết rẻn cản (không bôi lên vết rằn rẻn cản) cách 10 - 15 phút bôi một lần, khi quầng đỏ đã giảm thì 2 - 3 giờ bôi 1 lần.

Chú ý:

- Khi bị rẻn độc cản, trước khi bôi thuốc này cần phải buộc ngay ga rô ở phần trên của vết rẻn cản khoảng từ cách 5 - 10 cm nhằm làm chậm sự nhiễm độc nọc rẻn theo máu về tim. Buộc lâu chừng 10 - 15 phút lại nới lỏng ga rô 1 lần khoảng 1 phút lại buộc lại.

Rửa sạch vết cản bằng nước muối ấm hoặc nước phèn chua Trầu không và nặn cho máu và dịch độc chảy ra.

2. ĐẬU NỘC THANG

Đậu nọc hay

Đậu độc, Đậu rừng, Đậu mèo lớn 1 hạt

Chủ trị:

Rẻn độc cản.

Cách dùng, liều lượng:

Khi bị rẻn độc cản buộc ga rô nặn máu, rửa sạch vết cản diệt khuẩn vết thương lấy hạt Đậu nọc bổ đôi theo đường sống hạt đậu,

dùng nửa hạt đậu đắp mặt trong vào vết rẻn cản bằng lại. Hết nọc độc hạt tự bong ra. Sau khi đắp 10 - 12 giờ vẫn còn sưng thì đắp tiếp nửa hạt đậu khác.

3. HOA XÀ THIẾT THẢO THANG

Bạch hoa xà thiết thảo

(cỏ Lưỡi rẻn) tươi 150 - 300g

Chủ trị:

Rẻn độc cản.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, giã nhỏ hoà vào 250ml nước, gạn ép lấy nước uống, sau khi đã nới ga rô và rửa sạch vết cản, lấy bã thuốc đắp lên vết thương. 5 - 6 giờ sau lại làm 1 liều nữa như trên.

Bệnh nặng ngày đêm uống và đắp 3 lần.

Chú ý:

Người lớn trúng độc nặng dùng liều tối đa 300g/lần, trúng độc nhẹ dùng liều tối thiểu 150g/lần.

Trẻ em giảm dùng 1/2 liều người lớn.

4. NỘC SỎI THANG

Cỏ Nọc sỏi (cỏ Ban) tươi 150 - 300g

Chủ trị:

Rẻn độc cản, đĩa cản.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, giã nhỏ hoà vào 250ml nước, gạn ép lấy nước uống, sau khi đã nới ga rô (đối với rẻn độc cản) và rửa sạch vết cản, lấy bã thuốc đắp lên vết thương.

5 - 6 giờ sau lại làm 1 liều nữa như trên.

Bệnh nặng ngày đêm uống và đắp 3 lần nếu là rẻn độc cản.

5. THẤT DIỆP NHẤT CHI HOA THANG

Củ Thất diệp nhất chi hoa (Bảy lá một hoa) khô lượng đủ dùng

Chủ trị:

Rắn độc cần.

Cách dùng, liều lượng:

Củ Bảy lá một hoa sấy khô, tán bột mịn.

Mỗi lần uống 4 - 6g, hoà vào nước chín uống.

Ngày uống 2 - 3 lần.

Bên ngoài, sau khi đã buộc ga rô, rửa sạch vết cần, lấy Giấm thanh cho thêm bột thuốc hoà đủ bôi tất cả vùng sưng tấy quảng đỏ, trừ vết rắn độc cần để cho dịch độc tiết ra.

Ngày bôi 3 - 4 lần.

Chú ý:

Cây có chất độc không dùng liều quá cao.

6. BỚP BỚP THANG

Cây Bóp bóp 150 - 200g
(cỏ Cọng sản hay cỏ Lào) tươi

Chủ trị:

Rắn độc cần

Cách dùng, liều lượng:

Hái ngọn non và lá, rửa sạch, giã nhỏ hoà vào 250ml nước chín gạn ép lấy nước uống.

Sau khi đã nói ga rô và rửa sạch vết thương, lấy bã thuốc đắp lên vết thương. 5 - 6 giờ sau lại làm 1 liều nữa như trên.

Bệnh nặng ngày đêm uống và đắp 3 lần.

7. THẦN ĐEN THANG

Thần đen
(cây Phèn đen) tươi 200 - 300g

Chủ trị:

Rắn độc cần.

Cách dùng, liều lượng:

Hai lá và ngọn non có màu hơi đỏ nhạt, rửa sạch, giã nhỏ hoà vào 250ml nước chín, gạn ép lấy nước uống.

Sau khi đã nói ga rô và rửa sạch vết thương, lấy bã thuốc đắp lên vết thương. 5 - 6 giờ sau lại làm 1 liều nữa như trên.

Bệnh nặng ngày đêm uống và đắp 3 lần.

8. THANH NHIỆT LƯƠNG HUYẾT LỢI TIỂU THÔNG KINH HOẠT LẠC GIẢI ĐỘC THANG

Kim ngân hoa	30g
Kim cúc hoa	20g
Xa tiền tử	30g
Bồ công anh	30g
Tử hoa địa đỉnh (Cải rừng tia)	30g
hoặc Cải trời (Nam hạ khô thảo)	

Chủ trị:

Rắn độc cần nọc độc đã nhiễm vào doanh huyết (Hoả độc) và vào tạng phủ (Phong độc).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc thuốc đã nguội.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia vị:

1. Nếu nọc độc nhiễm vào doanh huyết (Hoả độc):

- Bệnh nhân tiểu tiện ít và vàng, gia thêm:

Cỏ Bọ tươi 50 - 100g (khô 20 - 40g)

Chua me đất tươi 50-100g (khô 20-40g)

Cỏ Thái lài trắng tươi 50-100g (khô 20-40g)

- Bệnh nhân đại tiện táo bón gia thêm:

Ô cẩu bì

(Vỏ cây Sòi trắng) bỏ vỏ ngoài tươi 30g

hoặc

Củ cốt khí tươi 50g

- Bệnh nhân nóng vật vã nói linh tinh (như người nói mê) gia thêm:

Hoàng liên 10g

Xuyên tâm liên tươi 50 - 60g (khô 20g)

Cỏ Nọc sởi tươi 50 - 60g (khô 20g)

Cỏ Lưỡi rắn tươi 50 - 60g (khô 20g)

- Sưng to đau nhức, gia thêm:

Cây Trường sinh lá tròn tươi hoặc

Cây Thuốc bỏng tươi 50g

Cây Chỉ thiên tươi 50g

- Bệnh nhân vật vã, xuất huyết gia thêm:

Sinh địa 50g

Chỉ tử 50g

Xuyên tâm liên 50g

Cỏ Nhọ nồi 50g

- Bệnh nhân bụng trương đầy gia thêm:

Lá Bồ cu vẽ 50g

Củ cốt khí 50g

2. Nếu nọc độc nhiễm vào tạng phủ (Phong độc):

- Nếu bệnh nhân lưỡi rụt nói ngượng nghịu gia thêm:

Cỏ Lào (cỏ Cộng sản) 30 - 40g

Rung rúc (Rút đế) 30 - 40g

Bán hạ chế 10g

- Nếu co giật, mắt trợn gia thêm:

Bạch chỉ 20 - 30g

Tía tô 20 - 30g

Kính giới 20 - 30g

Ngô công 5g

- Nếu đờm rãi hoặc ứa nước bọt nhiều gia thêm:

Bán hạ chế 20g

- Nước bọt dính gia thêm:

Nga bất thực thảo

(Cóc mẩn) 30 - 40g

Thử khúc thảo (rau Khúc) 30 - 40g

9. BỔ CU VẼ THANG

Lá Bồ cu (Bồ câu) vẽ tươi 20g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch nhai nuốt nước, còn bã đắp vào vết thương bằng lại để 12 giờ. Bỏ bằng đắp miếng khác.

Nếu bệnh nhân không nhai được thì giã ép lấy nước cho bệnh nhân uống, bã đắp và vết thương.

10. MÍA DÒ THANG

Cây và lá Mía dò 10g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, giã nhỏ ép lấy nước uống, bã đắp lên vết cắn.

11. CHIA VÔI THANG

Lá Chia vôi (cả cây) 20g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, giã nát ép lấy nước uống, bã đắp vào nơi bị thương.

12. TY QUA THANG

Ty qua tử (hạt quả Mướp) 15 - 20 hạt

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Hạt mướp giã nhỏ, thêm ít nước chín quấy đều, ép lấy nước cho bệnh nhân uống, bã đắp vào vết cắn.

Chú ý:

Trước khi đắp thuốc, cần lấy một sợi tóc gạt răng rắn ở vết cắn ra, nếu không hôm sau thịt nơi vết cắn sẽ hoại tử.

13. SƠN TỪ CỎ THANG

Sơn từ cỏ (Củ gió) 10g

Ngư tinh thảo (Giáp cá) tươi 15g

Mộc hương 10g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc uống. Bã giã nhỏ đắp lên vết rắn cắn.

14. QUỖ CHÂM THẢO THANG

Quỷ châm thảo (Đơn kim) khô 15g
Dùng tươi 20 - 30g

Chủ trị:

Rắn, bọ cạp cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống.

Nếu đắp ngoài dùng lượng vừa đủ.

15. RƯỢU HỘI

Hà thủ ô đỏ	40g
Thanh phàn	24g
Xuyên bối mẫu	24g
Nam tinh	24g
Bạch chỉ	24g
Quế chi	24g
Xuyên sơn giáp (sao phồng)	24g
Hùng hoàng	40g
Ngũ linh chi	20g
Bạch thược	12g
Bạch đậu khấu	24g

Chủ trị:

Rắn, rết, côn trùng độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán nhỏ ngâm vào 1,5 lít rượu 35° - 40° trong 10 ngày. Gạn lọc trong.

Ngày uống 80-150ml chia uống làm nhiều lần.

16. ÁP CHÍCH THẢO THANG

Áp chích thảo
(Thài lài, rau Trai) khô 40g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống.

Kết hợp đắp ngoài: Dùng 50g Thài lài tươi rửa sạch giã nát đắp lên vết cắn, sau khi đã xử lý vết thương (buộc ga rô, lấy hết răng rắn).

17. QUỖT GAI THANG

Cành, lá Quýt gai
(Tầm xoọng) 20 - 30g

Chủ trị:

Rắn cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Cho vào 300ml nước sắc lấy 100ml nước thuốc, uống.

Ngày sắc uống 2 - 3 lần.

18. ĐỊA ĐÀO HOA THANG

Lá Địa đào hoa tươi
(Ké hoa đào) 60g

Chủ trị:

Rắn cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch giã nát, đắp lên nơi rắn cắn, sau khi đã xử lý vết thương.

19. KIM VÀNG THANG

Đọt, lá và cành non
Cây Kim vàng 50g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, giã nhuyễn vắt lấy nước cho nạn nhân uống, bã xát đắp vào nơi rắn cắn. Cứ 30 phút cho uống và đắp 1 lần.

Ngày uống và đắp 5 - 6 lần.

20. HÚNG CHANH THANG

Lá Húng chanh (rau Tần dày lá) lượng đủ dùng

Chủ trị:

Các vết thương do côn trùng cắn, muỗi đốt...

Cách dùng, liều lượng:

Tùy theo vết thương dùng một lượng lá Húng chanh vừa đủ, rửa sạch, giã nát, đắp lên vết thương.

Ngày giã đắp 1 - 2 lần.

B. ONG ĐỐT

Có thể chữa trị như sau:

- Dùng Vôi đã tôi bôi vào vết đốt.
- Hạt và lá Quất hồng bì giã nhuyễn đắp lên vết đốt.
- Thuốc Lào tắm nước điều giã nát chấm vào vết đốt.
- Củ Ráy đại cắt 1 lát xát vào vết đốt.
- Lá, dây Chia vôi giã nhuyễn đắp vào vết đốt.

C. VE CẦN

Khi bị ve cần không được rút ra mà phải xử trí bằng một trong các cách sau:

- Lấy nước điều thuốc Lào đặc chấm vào miệng con Ve nó tự nhả và rơi ra, sau đó lấy Vôi tôi xát vào vết cần.
- Lấy kim băng hoặc 1 đoạn dây đồng hoặc thép nhỏ đốt nóng đỏ chọc vào đít con Ve, bị nóng Ve tự rơi ra, sau đó lấy Vôi tôi xát vào vết Ve đốt.

Nếu tự rút con Ve ra, răng Ve còn lại trong da thịt sẽ gây đau, nhức, có khi phát sốt.

Trường hợp này lấy thuốc Lào tắm vào nước điều thuốc Lào đắp lên vết cần bằng lại đồng thời cho uống thang thuốc sau:

THANG TIÊU ĐỘC SÁT KHUẨN

Ké đầu ngựa	20g
Cây Vôi voi	20g
Cỏ Chỉ thiên	20g
Bồ công anh	40g

Các vị rửa sạch thêm 600ml nước, sắc đặc chia uống 2 lần, uống đến khi khỏi.

D. GIÒI LEO

Khi bị Giời leo, da phỏng đau nhức khó chịu dùng một trong các thuốc sau:

- Gạo sống (gạo nếp càng tốt) 1 nắm giã nhỏ, trộn với nước Vo gạo vữa nhão đắp vào vết Giời leo.

Nếu bột gạo khô thì nhỏ tiếp nước Vo gạo lên để giữa ẩm thường xuyên.

- Đậu xanh 1 nắm (Đậu xanh nguyên hạt còn vỏ xanh) giã nhỏ trộn với nước cơm vừa nhão

đắp lên vết Giời leo. Nếu bột đậu xanh đắp bị khô thì nhỏ thêm nước cơm để giữ ẩm thường xuyên.

- Đậu xanh, gạo nếp mỗi thứ 1 nắm, giã nhỏ thêm nước Vo gạo đặc trộn thành khối bột dẻo đắp lên vết Giời leo. Nếu bột đắp bị khô thì nhỏ thêm nước Vo gạo đặc để giữ cho miếng bột luôn luôn ẩm.

- Lá xoan leo (Tầm phồng) 1 nắm rửa sạch, giã nhỏ đắp lên vết Giời leo. Nếu bột lá bị khô thì nhỏ thêm nước cốt lá Xoan leo để giữ miếng thuốc thường xuyên ướt.

- Lá Bọ mẫm (thuốc Giời) tươi 1 nắm rửa sạch giã nát đắp vào nơi Giời leo.

- Đậu xanh, lá Mướp hương tươi mỗi thứ 1 nắm rửa sạch giã nhuyễn đắp vào nơi Giời leo.

E. DẤM HOẶC CHẠM PHẢI BỌ NET, SÂU RÓM

- Lấy tóc rối sát kỹ vào chỗ bị sâu, bọ chạm phải, hoặc lấy 1 nắm cơm hoặc nắm Xôi lăn đi lăn lại cho dính hết lông sâu, bọ.

- Rau Má, rau Khoai lang, lá Khoai sọ mỗi thứ 1 nắm, rửa sạch giã nhỏ xát vào chỗ ngứa.

G. RẾT CẦN

1. DÃ VU THANG

Dọc khoai ngứa

Chủ trị:

Rắn cần, ong đốt.

Cách dùng, liều lượng:

Lấy lọc khoai ngứa lượng đủ dùng, rửa sạch, giã nát đắp vào nơi Rết cần, Ong đốt khỏi đau nhức ngay.

2. RƯỢU HỘI (xem trang 609 bài số 15)

H. ĐĨA CẦN, ĐĨA CHUI VÀO NGƯỜI

1. NỘC SỎI THANG (xem trang 606 bài 4)

2. SẴN THUYỀN THANG

Lá Sắn thuyền

20g

Chủ trị:

Khi lao động, tắm gội dưới nước bị dãi chui vào tai, mũi, âm môn, hậu môn...

Cách dùng, liều lượng:

Lá Sắn thuyền rửa sạch, giã vắt lấy nước cốt uống, sau 5 phút dãi sẽ chui ra.

I. CÔN TRÙNG, MUỖI CẮN ĐỐT

Lá Húng chanh

(Rau Tần dày lá)

Tuỳ theo vết thương dùng lá Húng chanh lượng vừa đủ, rửa sạch, giã nát, đắp lên vết thương.

Ngày giã đắp 1 - 2 lần.

K. BỘ CẠP CẮN

Dùng bài Quỷ châm thảo thang

(xem trang 609 Bài số 14)

PHẦN SÁU

PHỤ LỤC

MỘT SỐ BÀI THUỐC CHỮA NGỘ ĐỘC, GIẢI ĐỘC

A. NGỘ ĐỘC SẮN

Trong sắn có acid cyanhydric (HCN), thường gặp ở củ sắn đã biến màu xanh xám. Dấu hiệu ngộ độc chỉ vài giờ sau khi ăn với triệu chứng rối loạn tiêu hoá và thần kinh là chủ yếu: đau bụng, đầy bụng, sôi bụng, nôn nao khó chịu, nôn mửa, có khi nôn ra máu, choáng váng, mệt mỏi, vật vã khó thở, ngửa ngáy. Nặng thì hôn mê, co giật sắc mặt tím tái ngừng thở, có thể tử vong nếu phát hiện chậm, cứu chữa không kịp thời.

Khi bị ngộ độc sắn có thể dùng ngay một trong những bài thuốc đơn giản sau:

1. Cua đồng thang

Cua đồng sống 10 - 20 con

Rửa sạch cua bằng nước nóng, để ráo nước, giã nhỏ cho vào 1 bát nước sôi (250ml) trộn đều, để lắng nguội chắt lấy nước uống.

2. Mật mía cam thảo đất thang

Mật mía 200 - 300 ml

Cam thảo đất (toàn cây) 100 - 200g

Cam thảo đất cho vào 1 lít nước, đun sôi kỹ, gạn lấy nước, cho mật mía vào, quấy tan đều, uống liên tục thay nước.

3. Rau má sắn dây thang

Nước cốt rau má tươi

Nước cốt lá sắn dây tươi

Mật mía hoặc nước đường

Lượng dùng tùy ý.

Các vị trộn đều uống liên tục thay nước.

4. Rau muống cám gạo thang

Rau Muống tươi 100 - 300g

Cám gạo tẻ mịn 50 - 100g

Rau Muống rửa sạch thái ngắn giã nhỏ, cho cám Gạo vào trộn đều, ép vắt lấy nước uống.

Chú ý:

Khi ngộ độc sắn không được dùng các thuốc trị đau bụng như Viên rửa, Rượu Quế, Rượu Hối, Dầu gió...

B. NGỘ ĐỘC DỨA

Sau khi ăn Dứa người bệnh thấy xuất hiện các triệu chứng: người nôn nao, mệt mỏi, buồn nôn và nôn, đau bụng đi ngoài phân lỏng, toàn thân nổi mẩn ngoài da (dạng mề đay) khó thở kiểu hen suyễn, tức ngực nhức đầu.

Dùng ngay một trong những bài thuốc đơn giản sau:

1. Vỏ dứa cam thảo mộc nhĩ thang

Vỏ quả Dứa đã gây ngộ độc 100g
Cam thảo 15 - 20g
Mộc nhĩ 25 - 50g

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc.

Ngày sắc uống 2 - 3 thang trong ngày.

2. Vỏ dứa rau má cam thảo thang

Vỏ quả Dứa đã gây ngộ độc 40g
Rau Má 40g
Cam thảo đất 40g

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, pha thêm chút muối quấy tan uống.

Ngày uống 1 - 2 thang.

3. Giải độc thang

Bổ công anh 12g
Thương nhĩ tử 15g
Tang diệp 16g
Kính giới 16g
Thổ phục linh 16g
Lục đậu (Đậu xanh) 16g
Cam thảo đất 16g

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày sắc uống 1 - 2 thang.

Chú ý:

- Khi ngộ độc dứa tránh rửa nước, quạt lạnh, mùi khét. Kiêng cua, tôm, ốc.
- Khi đã ổn định cho bệnh nhân uống thêm nước đường.

C. NGỘ ĐỘC NẤM

Trong tự nhiên có nhiều loại Nấm ăn ngon và bổ như Nấm hương, Nấm dứa, Nấm sò, Mộc nhĩ v.v... Song có nhiều loài Nấm độc, ăn phải bị ngộ độc nguy hiểm đến tính mạng.

Có loại Nấm độc khi ăn phải sau 1 - 2 giờ hoặc 6 giờ đã phát bệnh. Có loại khi ăn 12 - 24 giờ sau mới phát bệnh.

Khi bị ngộ độc triệu chứng chung là: đau bụng đi ngoài, người choáng váng, nặng thì mê man, rối loạn tâm thần, khó thở bứt rứt, khó chịu, mệt mỏi...

Khi ngộ độc nấm trước hết dùng lòng gà (rửa sạch) ngoáy họng người bệnh cho nôn để loại trừ chất độc ra khỏi cơ thể càng sớm càng tốt. Rồi cho bệnh nhân uống một trong các bài thuốc sau:

1. Mộc nhĩ nấm hương thang

Mộc nhĩ 25 - 40g
Nấm hương 25 - 40g

Cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống.

Ngày sắc uống 3 lần.

2. Cháo đỗ xanh

Đỗ xanh
(đậu xanh) xay cả vỏ 200g
Gạo tẻ hoặc nếp 50g

Mộc nhĩ hoặc Nấm hương 40g

Các vị cho nấu cháo ăn.

3. Cát hoa thang

Cát hoa

(Hoa sắn dây) tươi 30 - 50g

Rửa sạch, giã nát, thêm 100ml nước chín khuấy đều, ép vắt lấy nước uống.

Ngày uống 2 - 3 lần.

4. Thang rau khoai lang

Rau Khoai lang tươi 80 - 100g

Rửa sạch, giã nhỏ vắt lấy nước cốt uống.

Ngày uống 2 - 3 lần.

5. Cháo đỗ xanh nước mía

Đậu xanh xay cả vỏ 100 - 200g

Mía tươi ép lấy nước lượng đủ dùng

Đậu xanh nấu cháo ăn, kết hợp uống nước Mía ép.

20 - 30 phút ăn cháo và uống nước Mía 1 lần.

D. NGỘ ĐỘC THỨC ĂN (THƯƠNG THỰC)

Ngộ độc thức ăn là chứng cấp cứu nội khoa hay gặp nhất. Đông y gọi là Thương thực hay trúng thực.

Nguyên nhân do ăn uống không điều độ, ăn phải thức ăn ôi thiu bị nhiễm khuẩn, thức ăn có chất độc, sau khi ăn bị nhiễm lạnh đột ngột.

Ngộ độc thức ăn thường xảy ra sau khi ăn ít giờ, có các triệu chứng như:

Đầy bụng, ậm ạch khó chịu, ợ hơi chua, tức ngực, mệt mỏi, choáng váng ngáy ngất, đau bụng, buồn nôn hoặc nôn, chóng mặt toát mồ hôi, ỉa lỏng phân vàng đi toé loe, mùi hôi thối khắm, rêu lưỡi vàng dày, mạch trầm huyền.

Khi bị ngộ độc thức ăn dùng một trong các bài thuốc sau:

1. Bột tiêu thực

Hương phụ (tứ chế) 400g

Trần bì (sao vàng) 250g

Hậu phác (tẩm gừng sao) 250g

Củ Sả (sao vàng) 250g

Lá Hoắc hương 16g

Can khương 4g

Tất cả các vị sao, sấy khô tán bột mịn.

Trẻ em 1 - 5 tuổi mỗi lần uống 4g

6 - 10 tuổi mỗi lần uống 6g

11 - 15 tuổi mỗi lần uống 8g

Người lớn mỗi lần uống 12g

Hãm vào nước sôi, gạn lấy nước trong uống.

Ngày uống 2 - 3 lần.

Kiêng kỵ:

Không ăn các chất khó tiêu, nên nhịn ăn hoặc ăn cháo loãng.

2. Hương phác thang

Hoắc hương 8g

Hậu phác (sao gừng) 8g

Vỏ Rệt (ngâm nước gạo) 8g

Bình lang 8g

Trần bì 6g

Thảo quả (bỏ vỏ) 4g

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất tanh, mỡ, các chất khó tiêu. Nên ăn cháo loãng.

3. Viên hoắc hương

Hoắc hương (khô)	20g
Trần bì	8g
Vỏ vối (khô)	20g
Cam thảo	10g
Đại hồi	20g
Vỏ rựu (khô)	16g
Sa nhân	20g
Riềng già (khô)	16g

Các vị sao khô tán bột mịn, trộn đều, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đen.

Trẻ em 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 10 viên.

10 - 15 tuổi mỗi lần uống 20 viên

Người lớn mỗi lần uống 30 viên.

Ngày uống 2 lần, uống với nước chè nóng.

Kiêng kỵ:

Các chất sống, lạnh.

Khi đương bệnh ăn cháo loãng.

4. Kim nương mã đề thang

Nụ Đào kim nương (nụ Sim)	
hoặc nụ Ổi, rộp Ổi tươi	12g
Mã đề (lá, hoa) tươi	20g
Đầu ruối quả Chuối tiêu tươi	12g

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Thương thực do ăn thịt không tiêu gia thêm:

Sơn tra	12g
---------	-----

- Thương thực do ăn chất bột không tiêu gia thêm:

Mạch nha	12g
----------	-----

Thần khúc	12g
-----------	-----

- Thương thực do ăn rau sống, hoa quả không tiêu gia thêm:

Can khương	12g
------------	-----

Thần khúc	12g
-----------	-----

- Thương thực do ăn tôm, cá, cua không tiêu gia thêm:

Tía tô (cành, lá)	12g
-------------------	-----

Trần bì	10g
---------	-----

5. Thạch xương bồ tán

Thạch xương bồ (Củ Bồ bồ) 200g

Sấy khô tán bột mịn.

Mỗi lần uống 5 - 10g (1 - 2 thìa cà phê) hoà vào nước sắc gừng tươi uống.

Ngày uống 2 lần.

E. NGỘ ĐỘC TÔM, CUA, CÁ, SÒ

Ăn tôm, cua, cá, sò... đôi khi cũng bị ngộ độc. Nhẹ thì có triệu chứng: mệt, bải hoải, đau bụng, mẩn ngứa, đi ỉa, khó thở.

Nặng thì: đau bụng dữ dội, nôn mửa, ỉa chảy, mẩn ngứa khó thở, co rút cân cơ (do mất nước).

Sau khi đã làm cho nạn nhân nôn ới được thức ăn ra, cho nạn nhân uống ngay nước sắc lá Tía tô hoặc nước sắc Tỏi.

1. Nước sắc tía tô

Lá tía tô tươi	50 - 80g
----------------	----------

Sắc đặc uống 1-2 bát. Ngày sắc uống 1-2 lần.

2. Nước sắc đại táo

Tỏi (đập dập)	20 - 30g
---------------	----------

Sắc lấy nước cốt uống, Ngày sắc uống 1-2 lần.

G. NGỘ ĐỘC CÁ NÓC

Cá Nóc là tên gọi của nhiều loài cá khác nhau có thân hình đặc biệt: thân ngắn, vảy

kém phát triển có răng gắn với nhau thành tấm, kém hoạt động, đặc biệt có bụng phình

bầu ra. Khi tự vệ cá Nóc ngậm hơi lại làm phồng mình như chiếc bong bóng, rồi ngửa bụng lên trời lơ lơ trôi theo dòng nước, thỉnh thoảng chỉ hơi vẩy cái đuôi ngắn.

Hiện nay trên thế giới đã thống kê được khoảng 60 loài mang tên cá Nóc trong đó có khoảng 30 loài là có độc.

Ở nước ta cũng đã thống kê được tất cả có 20 loài. Chất độc của cá Nóc tập trung chủ yếu ở trong gan, ruột và cơ bụng, đặc biệt độ độc của các Nóc rất cao trong mùa đẻ trứng (từ tháng 2 đến tháng 7). Chất độc của cá Nóc không bị nhiệt phá hủy nên sau khi nấu chín vẫn gây ngộ độc, có khi lại làm tăng thêm độc tính.

Người bị ngộ độc do ăn cá Nóc thường thấy những triệu chứng xuất hiện sau khi ăn từ 2 - 24 giờ (nặng có thể xuất hiện sau khi ăn 30 phút); nạn nhân thường bị tê môi, tê lưỡi, cảm giác kiến bò ở đầu ngón chân, ngón tay; tiếp theo nôn mửa, đau choáng váng, đau đốn khó chịu ở vùng trán và trong lòng con mắt, đồng tử giãn nở, tay chân bị tê liệt, da tím ngắt, nhiệt độ và huyết áp thấp.

Trong vòng 2 giờ nếu không cứu chữa nạn nhân hoàn toàn tê bại, cứng hàm dưới tuy người vẫn tỉnh táo, chỉ ngay trước khi chết nạn nhân mới bất tỉnh và mê man, chết do liệt hô hấp.

60% nạn nhân chết trong vòng 1 - 24 giờ. Nếu nạn nhân sống quá 24 giờ thì hy vọng có thể cứu sống nhiều hơn.

Khi bị ngộ độc Cá nóc trước hết:

Phải làm cho nạn nhân nôn mửa ngay để loại chất độc ra khỏi cơ thể, càng nhanh càng tốt. Sau đó cho bệnh nhân uống một trong các phương thuốc sau:

H. NGỘ ĐỘC MẬT CÁ TRẮM

Mật cá Trầm là một vị thuốc được dùng từ lâu đời trong nhân dân ta và nhân dân Trung Quốc. Nhưng mật cá Trầm chỉ được dùng ngoài không dùng để uống.

Gần đây trong nhân dân ta cứ truyền miệng nhau về tác dụng của mật cá Trầm chữa một số bệnh cơ, xương, khớp như thần dược nên nhiều người sử dụng mật cá Trầm hoà vào rượu uống hay nuốt sống đã xảy ra nhiều vụ ngộ độc rất thương tâm.

Người bị ngộ độc mật cá Trầm thường thấy những triệu chứng xuất hiện như: đau bụng dữ

1. Khoai lang thực diêm thang

Ngọn Khoai lang tươi 50 - 60g
Muối ăn 2g

Ngọn Khoai lang rửa sạch, giã nhỏ thêm Muối vắt lấy 1 bát nước uống (nếu ít nước thì cho thêm 1 cốc nước chín nguội quấy đều lọc lấy nước uống).

Ngày uống 2 - 3 - 4 lần.

Hoặc dùng thang sau:

2. Tía tô đại toàn thang

Lá Tía tô 50g
Tỏi (đập dập) 20g

Sắc đặc cho uống.

Ngày sắc uống 2 - 3 lần.

Hoặc dùng thang sau:

3. Biển đậu thang

Bạch biển đậu 20g

Giã nhỏ cho vào 200ml nước chín nguội thêm 10-15g đường cát quấy đều, để lắng gạn nước trong uống.

đội và ỉa lỏng hoặc nôn rất nhiều. Nếu không chữa kịp thời đến ngày thứ 2, thứ 3 sẽ thấy xuất hiện các chứng đái ít, phù nề, khó thở, khạc ra máu hỗn mê mà chết.

Khi ngộ độc mật cá Trầm có thể dùng thang giải độc sau:

Thang giải độc

Rau Má 30g
Râu Ngó 20g

Mã đề	10g
Rễ Cỏ tranh	30g
Chi tử	10g
Đậu đen	40g
Riềng	20g
Thạch xương bồ	8g
Cam thảo	12g

Các vị cho vào 2000ml nước, nấu kỹ, lấy nước cho nạn nhân uống. 20 - 30 phút uống 1 lần, mỗi lần uống 100ml.

Nếu nạn nhân nôn ói nhiều gia thêm:

Sinh khương bì	
(vỏ củ gừng tươi)	20g

I. NGỘ ĐỘC RƯỢU

Khi ngộ độc Rượu (thường gọi là say Rượu) lúc đầu hệ thần kinh trung ương bị kích thích làm tăng các chức năng thực thể và tinh thần (hoa tay nói nhiều) nhịp thở, nhịp tim tăng. Sau đó suy giảm hệ thần kinh trung ương mất tự chủ giảm khả năng nhận xét, suy nghĩ và quan sát, mất sự phối hợp vận động (đi đứng siêu vẹo chân nam đá chân chiêu) suy giảm các trung tâm vận mạch và hô hấp, nôn ó, rồi buồn ngủ, ngủ và có thể dẫn tới hôn mê.

Trước hết dùng các biện pháp gây nôn, sau đó cho uống 1 trong các thuốc sau:

1. Lá dong tươi thang

Búp lá cây Dong (dùng cây Dong lá gói Bánh chưng) 100 - 200g

Rửa sạch, giã nát thêm 50-100ml nước chín khuấy đều ép lấy nước, lọc uống 1 - 2 bát.

2. Cát hoa thang

Cát hoa (Hoa sắn dây) tươi 30 - 50g.

Rửa sạch, giã nát, thêm 50ml nước chín khuấy đều, ép vắt lấy nước uống 1-2 cốc (100 - 150ml).

3. Rau má tươi thang

Rau má tươi	100g
Chanh quả	2 quả
Muối ăn	1g

Rau má tươi rửa sạch, giã nhỏ, ép lấy nước cốt, vắt thêm nước chanh quả trộn đều thêm muối, uống 1 - 2 cốc (150 - 300ml).

4. Giá đỗ xanh tươi thang

Giá đỗ xanh tươi	200 - 300g
------------------	------------

Rửa sạch, giã nhỏ ép lấy nước cốt, hoà thêm nước chín nguội. Uống 2-3 cốc (200 - 300ml).

5. Địa liên tươi thang

Củ Địa liên tươi, rửa sạch, giã nhỏ ép lấy 100ml uống 1 lần.

6. Lá bạch hạc tươi thang

Lá Bạch hạc (cây Kiến cò) 50g

Rửa sạch, giã nhỏ, hoà vào 200ml nước chín nguội khuấy đều, gạn lấy nước trong uống.

7. Bạch mao căn thang

Rễ Cỏ tranh tươi 100 - 150g

Rửa sạch giã nhỏ, thêm 100ml nước chín khuấy đều ép lấy nước pha thêm 10 - 15g đường cát uống.

8. Bạch biển đậu thang

Đậu ván trắng
(Bạch biển đậu) 20g

Rửa sạch, giã nhỏ, cho vào 200ml nước chín nguội, thêm 10 - 15g đường cát, khuấy đều, để lắng gạn nước uống.

9. Thang nước ép dưa hấu

Dưa hấu gọt bỏ cùi và vỏ lượng dùng tùy ý.
Giã nhuyễn, ép lấy 200ml nước cốt uống.
Uống 1 - 2 cốc.

K. NGỘ ĐỘC THUỐC SÂU

Bị nhiễm độc thuốc sâu trực tiếp hoặc qua các loại rau quả có phun thuốc sâu khi ăn vào bị ngộ độc.

Trước hết phải gây nôn hết chất độc còn ở trong dạ dày, sau cho uống một trong các thang thuốc sau:

1. Thang Phòng phong cam thảo

Phòng phong	30g
Cam thảo	30g

Các vị cho vào 400ml nước, sắc kỹ gạn lấy nước thuốc uống.

Kết hợp cho ăn thêm cháo Đỗ xanh (Đỗ xanh để cả vỏ xanh).

L. NGỘ ĐỘC THUỐC NÓI CHUNG

Khi bị ngộ độc thuốc nói chung cho uống ngay các thuốc sau:

1. Nước cốt rau muống

Rau Muống tươi lượng vừa đủ.

Rửa sạch, giã nhỏ, ép vắt lấy nước uống mỗi lần uống 200ml, ngày uống 2 - 3 lần.

2. Thổ phục linh thang

Thổ phục linh	100 - 150g
---------------	------------

M. NGỘ ĐỘC THUỐC PHIÊN CẤP

Khi bị ngộ độc thuốc phiện cấp nạn nhân trong tình trạng bị kích động, mạch nhanh, hồi hộp, buồn nôn rồi nôn, nhức đầu, ù tai, đồng tử thu hẹp. Sau vài giờ nếu không xử trí kịp thời nạn nhân có thể tím tái, co giật, suy hô hấp, giãn đồng tử, ngừng tim và chết. Cho nạn nhân uống ngay:

2. Liên tiền thảo thang

Liên tiền thảo

(rau Má) tươi 100 - 200g

Rửa sạch, giã nát, vắt ép lấy nước cốt thêm chút đường cát đủ ngọt, uống.

2 - 3 giờ cho uống 1 lần.

Chú ý:

Nước ép Rau Má có tác dụng tốt với thuốc trừ sâu có phosphor.

3. Chanh quả thang

Chanh quả 1 - 2 quả

Chanh quả vắt lấy nước, thêm đường cát và 250ml nước chín nguội, khuấy tan uống.

1 - 2 giờ cho uống 1 lần.

Kết hợp cho ăn cháo Đậu xanh nấu cả vỏ.

Cho vào 400ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc uống.

Ngày sắc uống 1 - 2 thang.

3. Thổ phục cam thảo thang

Thổ phục linh 50g

Cam thảo 30g

Cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống.

Ngày sắc uống 1 - 2 thang.

Bông gòn thang

- Vỏ cây Bông gòn lượng đủ dùng.

Vỏ cây Bông gòn sao hoặc đốt tồn tính, tán bột mịn, mỗi lần uống 20 - 30g hoà với nước chín uống.

Ngày uống 2 - 3 lần.

- Hoặc dùng:

Vỏ cây Bông gòn 15 - 20g

Cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml uống.

Ngày uống 2 - 3 thang. Kết hợp cho nạn nhân uống thêm:

- Nước chè xanh (tươi) đặc 1 - 2 giờ cho uống 1 lần. Mỗi lần uống 50 - 60ml.

- 0,3 - 0,4g Bột lá Cà Độc được chia uống 2 lần.

N. NGỘ ĐỘC MÃ TIỀN - HOÀNG NÀN

Mã tiền và Hoàng nàn rất độc; Khi bị ngộ độc nạn nhân ngáp, nước dãi chảy nhiều, nôn mửa, sợ ánh sáng, mạch nhanh và yếu, tứ chi cứng đờ, co giật nhẹ rồi đột nhiên có triệu chứng như uốn ván nặng với hiện tượng co rút gân hàm, lồi mắt, đồng tử mở rộng bấp bệch tứ chi và thân bị co, gây khó thở và ngạt (do co bấp bệch ngực), sau 5 phút đến 5 giờ chết vì ngạt.

Cho nạn nhân uống ngay:

1. Nước cốt rau muống

Rau Muống tươi lượng đủ dùng.

Rau Muống rửa sạch, giã nhỏ vắt ép lấy nước uống mỗi lần uống 100 - 200ml, uống liên tục đến khi hết độc.

2. Ngũ liễm căn thang

Ngũ liễm căn tươi

(Rễ cây Khế) 1 nắm (30 - 50g)

Rửa sạch, cho vào sắc lấy nước uống, mỗi lần uống 50 - 100ml. Sắc uống liên tục đến khi hết độc.

Hoặc:

3. Ngũ liễm căn gia vị thang

Vỏ cây Móng bò 30g

Vỏ cây Bằng lăng 30g

Lá Gạo sẫm 1 nắm

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, thêm đường mía hoà thật ngọt uống.

(Tại Campuchia nhân dân dùng thuốc này trị ngộ độc nói chung và đặc biệt ngộ độc Mã tiền hay ngộ độc Hoàng nàn).

4. Bột rỉ sắt

Rỉ sắt 100g

Tán bột thật mịn, hoà vào nước chín nguội, quấy đều để lắng gạn lấy dung dịch nước bột dạng treo lơ lửng (dạng phân tử sắt) uống. Uống nhiều lần.

5. Thang bạch biến đậu

Bạch biến đậu 50g

Rửa sạch, giã nhỏ, cho vào 300ml nước chín nguội cho thêm 20 - 30g đường cát, quấy đều, để lắng gạn nước uống.

O. NGỘ ĐỘC THẠCH TÍN (NHÂN NGÔN), THUỐC DIỆT CHUỘT - MỐI

Khi bị ngộ độc thạch tín, thuốc diệt chuột - mối cấp nạn nhân có các biểu hiện: Dạ dày, ruột đau đốn, nôn mửa, ỉa chảy, người nôn nao, khát nước nhiều, đái ít hoặc vô niệu.

Dùng các thuốc giải độc sau:

1. Bạch biến đậu thang

Bạch biến đậu 50g

2. Trinh nữ thang

Cây Trinh nữ (cây Xấu hổ) 30g

Cam thảo 30g

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống.

3. Xuyên tiêu hoàn

Hạt xuyên tiêu
(hoặc rễ xuyên tiêu) 100g

Xuyên tiêu phơi sấy khô tán bột mịn, luyện với mật ong làm hoàn 2g.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g

P. NGỘ ĐỘC LÁ NGÓN

Cây lá Ngón được coi là loại cây độc nhất trong nước ta. Cây lá Ngón khá phổ biến ở miền rừng núi Việt Nam. Cây lá Ngón không dùng làm thuốc mà ở một số vùng đồng bào dân tộc ít người dùng để tự tử hay để đầu độc.

Người ta cho rằng chỉ cần ăn 3 lá là đủ chết người.

Khi ngộ độc lá Ngón thấy xuất hiện hiện tượng ức chế hô hấp (thường thấy một thời kỳ hưng phấn ngắn) và dẫn đồng tử, có cảm giác mệt mỏi, chóng mặt, đau dữ dội ở họng và dạ dày, nhỏ nước dãi, dẫn cơ, tim đập yếu.

Có thể dùng thuốc giải độc sau:

1. Dương huyết thang

Dương huyết (máu Dê-huyết Dê) 200 - 300ml
Máu Dê vừa cất tiết hứng vào bát cho nạn nhân uống ngay.

2. Nước cốt rau muống

Rau Muống tươi lượng đủ dùng.

Rửa sạch, giã nhỏ, vắt ép lấy nước uống.

Mỗi lần uống 1 - 200ml. Uống liên tục đến khi tỉnh lại.

Q. NGỘ ĐỘC Ô ĐẪU - PHỤ TỬ

Ô đẫu và Phụ tử đều do rễ củ của một cây cung cấp nhưng do cách chế biến khác nhau nên được 2 vị thuốc khác hẳn nhau.

Ô đẫu là rễ củ mẹ của cây Ô đẫu (*Aconitum sinense* Paxt), họ Mao lương (*Ranunculaceae*), đào về rửa sạch sấy khô.

Phụ tử là rễ củ con của cây Ô đẫu (*Aconitum sinense* Paxt) họ Mao lương (*Ranunculaceae*), đào về chế biến rồi mới dùng.

Ô đẫu - Phụ tử hiện được xếp vào loại thuốc rất độc, chỉ cần một liều rất nhỏ 0,00002 -

3. Nước cốt rau má

Rau Má tươi lượng đủ dùng.

Rửa sạch, giã nhỏ, vắt ép lấy nước uống.

Mỗi lần uống 100 - 200ml. Uống liên tục đến khi tỉnh lại.

4. Nước sắc cam thảo

Cam thảo thái mỏng 50g

Cho vào 500ml nước, đun sôi kỹ gạn lấy nước chia uống 2 - 3 lần.

5. Nước sắc lá Sim hoặc lá ổi

Lá Sim hay lá Ổi, rộp Ổi 50 - 100g

Rửa sạch cho vào 500ml nước sắc kỹ gạn lấy nước uống.

6. Nước sắc kim ngân

Lá, hoa Kim ngân 50g

Cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml uống.

0,00005g đối với mỗi kg cơ thể là đã có thể gây nên ngộ độc chết người.

Ngộ độc Ô đẫu - Phụ tử triệu chứng ngộ độc rất nhanh chỉ trong vài phút đã xuất hiện cảm giác tê tê, buồn buồn khắp người, lo âu, chóng mặt, thân nhiệt hạ, mạch chậm nhỏ và không đều chân xủ xuống khó bước đi, cuống họng co thắt chặt, bắt đầu thở nông rồi ngừng thở chết do ngạt. Tinh thần, trí óc nạn nhân vẫn minh mẫn cho tới khi chết.

Khi phát hiện ngộ độc Ô đẫu - Phụ tử phải khẩn trương đưa đi cấp cứu ở nơi gần nhất

(vì triệu chứng xảy ra rất nhanh chỉ sau 30 - 45 phút).

Nếu không có cách gì hơn thì phải làm hô hấp nhân tạo liên tục và cho uống các thuốc giải độc sau để sơ cứu ban đầu.

1. Nước mật ong

Mật ong 100g

Nước chín 1000ml

Cho mật ong vào nước chín, khuấy đều cho nạn nhân uống liên tục.

2. Nước sắc lá sim hoặc lá ổi

Lá Sim hoặc lá Ổi 100g

Cho vào 1000ml nước, đun sôi kỹ cho nạn nhân uống liên tục.

R. NGỘ ĐỘC THUỶ NGÂN - KHINH PHẤN

Khi ngộ độc Thuỷ ngân - Khinh phấn có thể dùng thuốc sau để giải độc.

1. Nước sắc thổ phục linh

Thổ phục linh 50 - 80g

Sắc lấy nước cho nạn nhân uống liên tục trong ngày.

S. NGỘ ĐỘC CÀ ĐỘC DƯỢC

Khi có hiện tượng ngộ độc Cà độc dược thường thấy xuất hiện các dấu hiệu như say có khi phát điên cuồng, miệng khô, nhãn áp tăng, đồng tử giãn, khó thở, hô hấp tăng, sốt, cuối cùng thần kinh trung ương bị ức chế và tê liệt.

Nạn nhân bị ngộ độc xuất hiện các triệu chứng trên cần cho nạn nhân uống ngay nước sắc:

3. Ngân hoa lục đậu cam thảo thang

Kim ngân hoa 80g

Đậu xanh cả vỏ 80g

Cam thảo 20g

Sinh khương 20g

Liều lượng, cách dùng:

Các vị cho vào 1200ml nước, sắc kỹ gạn lấy nước thuốc thêm 50g đường Mía đỏ khuấy tan cho nạn nhân uống làm nhiều lần.

4. Nước sắc cam thảo

Cam thảo 100 - 150g

Sắc kỹ cho nạn nhân uống liên tục.

2. Dương huyết thang

Dương huyết

(tiết Dê, máu Dê) 200 - 300ml

Máu Dê vừa cắt tiết hứng vào bát cho nạn nhân uống ngay.

Cam thảo đường vàng thang

Cam thảo 50g

Đường vàng (đường mía) 50g

Cả 2 vị cho vào 1000 ml nước sắc kỹ, chắt lấy nước chia uống làm nhiều lần. Mỗi lần uống 50 - 60ml; 30 - 40 phút uống 1 lần.

MỘT SỐ BỆNH ÁN NỘI KHOA HAY

1. BỆNH ÁN BIỂU HƯ

Biểu hư là người bệnh cảm nhiễm phong hàn gồm các chứng sốt hâm hấp, ớn lạnh. Do vệ khí hư nên mình rịn mồ hôi, khí nghịch sinh ho, nghẹt mũi, sổ mũi, chứng này có liên quan đến thủ thái âm phế vì phế chủ khí, khi mà phong hàn cảm nhiễm vệ khí, khí nhiệt không phát tiết được làm cho phế khí hư có liên quan đến vệ khí, phế chủ khí chủ da lông nên thấy mạch đi phù hoãn như bệnh án đã điều trị dưới đây:

Bệnh nhân: Nguyễn Thị M. L 32 tuổi, ở C.G.

Vọng: Người uể oải, dáng mệt nhọc.

Văn: Tiếng nói nhỏ, hơi thở mệt nhọc.

Vấn: Bệnh nhân khai cách đây 3 ngày, mình hâm hấp nóng, sợ lạnh, rịn mồ hôi, ho ran lồng ngực, đàm nhớt vướng vít trong cổ họng và khí quản, hơi thở khô khè.

Thiết mạch: Phù hoãn.

Quy nạp bát cương: Biểu hư

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Bị cảm nhiễm phong hàn, da lông bị hàn khí bó chặt khó phát tiết ra ngoài mà sinh uất nhiệt, khí nghịch, ho tức lồng ngực, đàm nhớt vướng vít trong cổ họng và khí quản, hơi thở khô khè, cổ họng đau, sổ mũi, nghẹt mũi, mình rịn mồ hôi.

Xử phương: Dùng thang Sâm tô ẩm:

Đảng sâm	8g	Trần bì	4g
Tô diệp	8g	Tiên hồ	8g
Bán hạ cương chế	8g	Cát căn	8g
Phục linh	8g	Chỉ xác sao	4g
Cát cánh	4g	Mộc hương	2g
Cam thảo	2g	Đại táo	2 trái
Gừng sống	3 lát		

Thang này chủ trị nội thương ngoại cảm, nhức đầu, ầu nghịch, ho hen đàm nhớt vướng vít trong cổ họng.

Nếu người bệnh có ho tức lồng ngực đàm không thông gia thêm:

Qua lâu nhân	8g	Tang bạch bì	8g
Hạnh nhân	8g		

Nếu có viêm mũi dị ứng, viêm họng, viêm khí quản gia thêm:

Ké đầu ngựa 10g Cúc tần 8g

Công năng của các vị thuốc:

Tô diệp, Cát căn, Tiền hồ giải biểu trừ phong hàn; Nhân sâm, Cam thảo, Phục linh, bổ trung trị nội thương; Trần bì, Bán hạ trừ đàm chỉ ẩu nghịch; Chỉ xác, Cát cánh lý khí lợi hung cách; Mộc hương hành khí phá trệ; Sinh khương, Đại táo điều hoà dinh vệ.

Gia: Qua lâu nhân có tác dụng thanh nhiệt hoá đàm.

Hạnh nhân giáng khí bình suyễn nhuận phế hết khô khè.

Tang bạch bì có tác dụng tả phế, hành thuỷ, giải trừ phế nhiệt sinh ho.

2. BỆNH ÁN BIỂU NHIỆT

Biểu nhiệt là sốt cao, nhức đầu, không sợ lạnh, mình nóng hầm, không mồ hôi, chân tay nóng, khát nước, mạch phù sắc. Như bệnh án dưới đây:

Bệnh nhân: Trần Thành T 32 tuổi ở phường 8 thành phố MT.

Vọng: Sắc thái hai mắt linh động, da mặt phùng đỏ.

Văn: Tiếng nói và hơi thở to.

Vấn: Bệnh khởi phát cách đây 4 ngày, sốt cao không sợ lạnh, sổ mũi nước vàng, rêu lưỡi vàng, khát nước, chân tay nóng, không mồ hôi, nhức đầu trước trán và sau gáy bứt rứt.

Thiết mạch: Phù sắc.

Qui nạp bát cương: Biểu nhiệt.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Bệnh nhân cảm nhiễm phong nhiệt sốt cao, nhức đầu, hoả uất thiêu đốt tâm hung, sinh chứng bứt rứt nặng ngực, thở gấp, đầu nhức phía trước từ thái dương, đỉnh đầu xuống trán lan ra hai bên mang tai, mình nóng hầm, phía sau từ đỉnh đầu xuống gáy, không mồ hôi, đau mình là do tam dương thụ nhiệt tà.

Xử phương: Dùng thang *Ngân kiều tán*:

Kim ngân hoa	12g	Liên kiều	12g
Trúc diệp	12g	Kinh giới	6g
Ngưu bàng tử	8g	Cát cánh	8g
Cam thảo	4g	Bạc hà	4g
Lô căn (rễ cây lau sậy)	8g	Đậu sị	6g

Hoặc *Toa căn bản* gia Kinh giới, Tô diệp, Đọt tre mỗi vị 8g, Cỏ mực 16g.

Nếu người bệnh khát nước gia Cát căn.

Nếu nóng nhiều, mũi họng, mắt nóng dùng bài *Thăng ma cát căn* phối hợp với thang *Tiểu độc* để phòng ngừa ban sởi.

Triệu chứng này dùng các phương pháp trên là áp dụng tân lương giải biểu.

Công năng của các vị thuốc: Ngân kiều, Kim ngân hoa, Liên kiều thanh nhiệt giải độc; Bạc hà, Kinh giới, Đậu sị, phát hãn giải cơ thanh tiết ngoại tà; Cát cánh, Ngưu bàng tử lợi phế khí, khu phong trừ đàm; Cam thảo, Trúc diệp, Lô căn thanh thượng tiêu phong nhiệt liễm dưỡng vị âm.

3. BỆNH ÁN BIỂU HÀN

Biểu hàn là ngoại cảm hàn tà vào thái dương kinh phát sốt, sợ lạnh, sổ mũi nước trong, rêu lưỡi trắng mỏng, chân tay lạnh, chứng tỏ hàn tà còn ở vệ biểu chưa vào trong lý, như bệnh án dưới đây:

Bệnh nhân: Nguyễn Thanh D. 26 tuổi ở phường 2, Thành phố M.T.

Vọng: Thần sắc ủ rũ.

Vấn: Hơi thở nhọc mệt.

Vấn: Bệnh khởi phát cách nay 2 ngày, phát sốt sợ lạnh, sổ mũi nước trong, rêu lưỡi trắng mỏng, miệng nhạt, nhức đầu mình mẩy râm đau, chân tay mát lạnh.

Thiết mạch: Phù khẩn

Qui nạp bát cương: Biểu hàn

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Tà khí cảm nhiễm vào thái dương kinh, phát sốt sợ lạnh, sổ mũi nước trong, rêu lưỡi trắng mỏng, chân tay lạnh chứng tỏ hàn tà còn ở vệ biểu chưa vào trong lý.

Xử phương: Dùng *Nhân sâm bại độc thang*.

Nhân sâm bại độc thang:

Nhân sâm	8g	Bạc hà	4g
hoặc Đảng sâm	12g	Chỉ xác	6g
Phục linh	8g	Sài hồ	8g
Cát cánh	6g	Khương hoạt	8g
Tiên hồ	6g	Độc hoạt	8g
Thiên niên kiện	8g	Cam thảo	2g
Xuyên khung	6g	Gừng sống	3 lát

Ghi chú: Nếu bệnh nhân: Còn cường tráng bỏ Nhân sâm gia Kinh giới, Phòng phong; viêm mũi hoặc viêm họng gia Ké đầu ngựa, Cúc tần; nhức đầu nhiều gia Bạch chỉ, Mạn kinh tử; nếu có cổ cứng đồ gia Cáo bản. Người bệnh thể hư vẫn để Nhân sâm; không mồ hôi gia Phòng phong, Kinh giới.

Mỗi vị đều 6g.

Hoặc dùng thang 10 vị toa căn bản là Củ sả 8g, Rễ tranh 8g, Rau má 8g, Cỏ mực 8g, Mần châu 8g, Vỏ quýt 6g, Muồng trâu 8g, Cam thảo đất 6g, Ké đầu ngựa 8g, Gừng sống 5 lát.

Nóng sốt nhiều bỏ Vỏ quýt, Sả, Gừng gia Rau sam 16g, Sài đất 20g, Bồ công anh 15g, Cải trời 8g.

Mê sảng lẫn lộn khó ngủ bỏ Vỏ quýt, Sả, Gừng, gia: Đọt tre 16g, lá Vông nem 16g, dây Nhân lồng 16g, dây Mắc cỡ 16g, lá Dâu tằm 16g.

Ban của lưỡi trắng bỏ Sả, Quýt gia dây Mắc cỡ 16g, rễ Bù ngót 16g, lá Dâu tằm 16g, Đọt tre mủ 16g, Măng sậy 16g, tăng lượng cỏ Mực và cỏ Mần châu gấp 2 lần.

Công năng của các vị thuốc:

Khương hoạt, Độc hoạt, Sài hồ, Xuyên khung, phát hãn giải cơ biểu, trừ phong hàn, khử thấp tà; Tiền hồ, Chỉ xác, giáng khí hành đàm; Cát cánh, Phục linh tiết phế tả, trung tả nhiệt, thẩm thấp trừ đàm; Cam thảo hoà trung giải biểu; Đảng sâm phù chính khu tà; Gừng sống, Bạc hà trợ lực giải biểu phát hãn.

4. BỆNH ÁN BIỂU THỰC

Biểu thực có triệu chứng phát sốt, sợ lạnh, không mồ hôi, không chảy nước mũi mà mũi khô nóng, mặt nóng, khác biểu hàn ở chỗ đó mà mạch cũng phù khẩn, như bệnh án dưới đây:

Bệnh nhân: Trần Văn G. 42 tuổi ở xã Thanh Bình

Vọng: Thân sắc ủ rũ.

Vấn: Hơi thở và tiếng nói nhọc mệt

Vấn: Bệnh cách đây 2 ngày phát sốt, sợ lạnh, không mồ hôi, không chảy nước mũi và mũi khô nóng, mặt nóng.

Thiết mạch: Phù khẩn

Qui nạp bát cương: Biểu thực.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Chứng bệnh thực phát sốt, sợ lạnh, không mồ hôi, không chảy nước mũi và mũi khô nóng, mặt nóng.

Xử phương: Dùng Kinh phòng bại độc tán tức là thang Nhân sâm bại độc bỏ Nhân sâm gia Kinh giới, Phòng phong hoặc dùng Thập thần thang:

Cát căn	10g	Trần bì	4g
Thăng ma	6g	Xuyên khung	6g
Cam thảo	4g	Bạch chỉ	6g
Tô diệp	8g	Ma hoàng	6g
Hương phụ	8g	Xích thực	4g

Thêm Hành sống sắc uống.

Nếu sợ lạnh, nóng nhiều, không mồ hôi, đầu nhức, cơ thể đau mỏi, mũi khô, mắt nóng, chảy nước mắt, hai bàn tay bàn chân lạnh, không ngủ được,, ho dùng *Thăng ma cát căn thang* hợp với thang *Tiêu độc* gọi là thang *Thăng ma tiêu độc ẩm* trị ban sởi. Hoặc dùng 10 vị Toa căn bản bỏ Sả, Quýt, Gừng, gia Lức cây 16g, dây Mắc cỡ 16g, lá Dâu tằm 16g, Đọt tre mủ 16g, tăng lượng cỏ Mực và cỏ Mần châu mỗi vị 16g.

Công năng của các vị thuốc:

Ma hoàng, Xuyên khung, Tô điệp tân ôn phát biểu.

Cát căn, Thăng ma, thăng tán giải cơ.

Hương phụ, Trần bì lý khí giải biểu; Gừng Hành thông dương giải biểu; chính Cam thảo hoà trung ích khí; Xích thực liễm âm hoà vinh.

Thăng ma tiêu độc ẩm:

Thăng ma	8g	Cát căn	8g
Bạch thực	6g	Cam thảo	4g

Hiệp với thang Tiêu độc:

Phòng phong	8g	Kinh giới	8g
Ngưu bàng tử	8g		

Nếu nóng nhiều gia Tê giác 8g hoặc Thuỷ ngưu giác 16g.

Chú ý khi ban sởi đã mọc rồi không nên cho uống thang này nữa.

5. BỆNH ÁN LÝ HÀN

Lý hàn là do tỳ dương hư, hàn thấp làm cho dương khí bị ức chế, ăn đồ sống lạnh dễ đau bụng, tiêu lỏng, tay chân thường cảm giác lạnh như bệnh án dưới đây:

Bệnh nhân: Nguyễn Thị T 40 tuổi ở huyện CT, tỉnh TG.

Vọng: Thần sắc trắng bệch, mệt mỏi, sợ lạnh, tay chân lạnh.

Vấn: Hơi thở nhỏ, tiếng nói nhỏ run.

Vấn: Bệnh cách nay 10 ngày, người mệt mỏi uể oải, chân tay lạnh, biếng ăn, không thích uống nước, thích đắp mền, nước tiểu trong, ăn khó tiêu, dễ đau bụng, đi tiêu lỏng.

Thiết mạch: Trầm trì

Qui nạp bát cương: Lý hàn

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Đây là chứng tỳ dương hư, hàn thấp làm cho dương khí bị ức chế, ăn đồ sống lạnh dễ đau bụng, tiêu lỏng, tiểu trong, tay chân thường cảm giác lạnh.

Xử phương: Dùng bài *Phụ tử lý trung thang* để ôn bổ tỳ dương:

Bạch truật	20g	Nhân sâm	20g
Đảng sâm	20g	Hắc can khương	12g
Chích cam thảo	8g		

Nếu lạnh nhiều, quyết lạnh, mạch trì vô lực gia: Phụ tử 6g để bảo phò dương khí.

Công năng của các vị thuốc:

Nhân sâm, Đảng sâm bổ khí thêm sức cho tỳ, Bạch truật kiện tỳ táo thấp, Cam thảo hoà trung bổ tỳ, Can khương ôn vị tán hàn. Bài này chủ trị tỳ vị bị hàn tà sở thương, phát sinh ẩu thổ hạ lợi, đau bụng, không khát, trung tiêu dương hư hàn gia thêm Phụ tử để hồi dương khí của tỳ.

6. BỆNH ÁN LÝ HƯ

Lý hư có các triệu chứng ăn vào thấy nặng bụng, lĩnh sinh, khó tiêu, bí mẫn, khí nghịch, tức ran lồng ngực là do tỳ khí hư không vận hành được khí tam tiêu do can mộc khắc tỳ thổ, tỳ thổ bị can mộc ức chế không vận được khí tam tiêu không thông xuống bị đình trệ, như bệnh án dưới đây:

Bệnh nhân: Lê Thị Loan A. 45 tuổi ở phường 5, TP. M. T.

Vọng: Sắc mặt xanh mét, người mệt uể oải.

Vấn: Hơi thở nhẹ.

Vấn: Bệnh cách nay đã nửa tháng, thường ăn vào thấy nặng bụng, lĩnh sinh khó tiêu đầy hơi, khí nghịch tức ran lồng ngực, biếng ăn khó ngủ, thường đau vùng thượng vị.

Thiết mạch: Hữu quan trầm tế vô lực.

Tả quan trầm huyền

Qui nạp bát cương: Lý hư

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ theo mạch và lời khai của bệnh nhân thì chứng này thuộc can mộc khắc tỳ thổ cho nên mạch hữu quan trầm tế vô lực, tả quan trầm huyền, ăn vào khó tiêu, tỳ khí bị can khắc không vận hoá được, tỳ không kiện vận đúng chức năng.

Xử phương: Dùng phương pháp hoà giải can tỳ nghĩa là bình can lý tỳ, xử phương dùng thang *Hoắc hương chính khí* để điều hoà chính khí, bình can mộc, kiện tỳ, trừ thấp gồm:

Hoắc hương	8g	Đại phúc bì	8g
Tô diệp	8g	Cam thảo Bắc	2g
Cát cánh	6g	Trần bì	6g
Phục linh	8g	Bạch truật	8g
Bán hạ chế	6g	Hậu phác	6g

Bạch chỉ	6g	Đại táo	2 trái
Gừng sống	3 lát		

Gia: Thanh bì, Lương khương, Hoắc hương, Xương bồ, Sa nhân.

Công năng của các vị thuốc:

Hương phụ, Hoắc hương lý khí hoà trung; Tô diệp, Bạch chỉ, Cát cánh tán hàn tả lợi thông hung cách; Đại phúc bì, Hậu phác tiêu trừ đầy bụng; Trần bì, Bán hạ lợi khí hoá đàm; Phục linh, Bạch truật, Cam thảo hoà trung kiện tỳ, trừ thấp.

7. BỆNH ÁN LÝ NHIỆT

Bệnh nhân: Nguyễn Thị Thu L. 26 tuổi ở C. L.

Vọng: Mặt đỏ.

Vấn: Hơi thở to.

Vấn: Đã tuần nay bị sốt cao khát nước, táo bón, tiểu vàng, lòng bàn chân, bàn tay nóng, môi lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, bụng bí mãn, phân táo.

Thiết mạch: Sáu bộ trầm sắc hữu lực.

Qui nạp bát cương: Lý nhiệt.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Nhiệt tà truyền vào dương minh vị phủ, trung tiêu ngưng trệ, phát sinh bí mãn táo bón, phân khô, khát nước, tiểu vàng, môi lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, nói mê.

Xử phương: Dùng *Tiểu thừa khí thang* để công hạ.

Đại hoàng	12g
Hậu phác	10g
Chỉ thực	10g

Sắc với 2 chén rượu nước còn 200ml uống 1 lần.

Chủ trị: Mạch trầm hoạt sắc hữu lực, mình nóng, đổ mồ hôi, không sợ lạnh, nói mê, nói sảng, bụng đầy trướng, cứng, đại tiện bón.

Công năng của các vị thuốc:

Đại hoàng tả thực mãn bí kết; Hậu phác, Chỉ thực hạ khí phá kết trừ bí mãn.

8. BỆNH ÁN LÝ ÂM HƯ

Bệnh nhân: Huỳnh Văn B. 30 tuổi ở Lương Hoà Lạc.

Vọng: Thần sắc xanh mét, người ủ rũ, uể oải.

Vấn: Hơi thở ngắn.

Vấn: Bệnh nhân khai thường hay sốt vào buổi chiều, ra mồ hôi, hay táo bón, thân lưỡi thon, chất lưỡi đỏ, khát nước, miệng đắng, tai ù, ăn ngủ không được.

Thiết mạch: Trâm tế sắc hữu lực.

Qui nạp bát cương: Lý âm hư

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Thường sốt cao vào buổi chiều là âm hư sinh nội nhiệt, thân lưỡi thon, chất lưỡi đỏ là do âm dịch tiêu hao. Mạch tế là chủ khí hư, mạch sắc là âm huyết kém, do can khí nghịch làm chức năng tàng huyết của can bị yếu kém.

Xử phương: Dùng *Tiểu sài hồ thang* phối hợp với thang *Tứ vật* để hoà can, bình can, bổ âm huyết, khi mà hoà can bình can được rồi, âm huyết đầy đủ đã phục hồi chức năng tàng huyết của can thì nóng sẽ hết.

Tiểu sài hồ thang:

Sài hồ	10g	Đẳng sâm	6g
Bán hạ chế gừng	6g	Cam thảo	4g
Hoàng cầm	6g	Gừng sống	3 lát
Đại táo	2 trái		

Hiệp với thang tứ vật là:

Sinh địa	12g	Bạch thược	8g
Xuyên khung	6g	Đương qui	12g

Hai thang *Tiểu sài hồ* và *Tứ vật* hiệp lại gọi là *Sài hồ tứ vật thang*, sắc với 3 chén nước còn 200ml uống 1 lần.

Công năng của các vị thuốc:

Dùng *Sài hồ* để tán tà thấu biểu; *Hoàng cầm* trừ nhiệt thanh lý; *Bán hạ* giáng nghịch hoà vị; *Đẳng sâm*, *Cam thảo* bổ chính hoà trung; *Sinh địa*, *Đại táo* điều hoà dinh vệ, hành tân dịch; *Thục địa* tư âm bổ huyết; *Đương qui* hoà huyết sinh huyết; *Thược dược* liễm âm thêm huyết; *Xuyên khung* điều hoà khí huyết.

9. BỆNH ÁN LÝ DƯƠNG HƯ

Bệnh nhân: Nguyễn Văn G, ở Phường 8 Thành phố M. T.

Vọng: Người uể oải, thường rịn mồ hôi, tay chân lạnh.

Vấn: Hơi thở ngắn mệt.

Vấn: Cách đây 2 tuần, tối ngày thường cảm giác lạnh, tay chân lạnh, sợ lạnh, thường xuyên rịn mồ hôi, tiêu lỏng.

Thiết mạch: Trâm trì vô lực.

Qui nạp bát cương: Lý dương hư.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Tối ngày thường cảm giác lạnh, tay chân lạnh, thường xuyên rịn mồ hôi, đó là dương khí hư, vệ khí không chặt chẽ nên thường

rịn mồ hôi, trung khí hư, hơi nóng không đủ liên quan đến tỳ vị. Tỳ chủ cơ nhục chủ vận hành tứ chi, cho nên thường sợ lạnh, tay chân lạnh, tỳ dương hư nên tiêu lỏng.

Xử phương: Dùng *Lý trung thang gia phụ tử* để bổ dương khí.

Lý trung thang:

Bạch truật	20g	Nhân sâm	20g
Đảng sâm	20g	Hắc can khương	12g
Cam thảo炙	8g		

Gia: Phụ tử từ 6g đến 8g

ÔN BỆNH

Vì thời tiết và nhân tố phát bệnh khác nhau nên chứng hậu biểu hiện ra cũng đều khác nhau, cho nên trong học thuyết ôn bệnh đã phân biệt nhiều loại bệnh không giống nhau và chứng chủ yếu có tính chất đại diện cho ôn bệnh như xuân ôn, thử ôn, thấp ôn, thu táo, đông ôn cùng phác đồ điều trị những bệnh ấy.

Xuân ôn, phong ôn, đều là bệnh phát sốt lưu hành về mùa xuân, nhưng về nguyên nhân chứng hậu và cách chữa đều có chỗ giống nhau và khác nhau, đồng thời quá trình của bệnh phong ôn thì ngắn, quá trình của bệnh xuân ôn thì dài. Triệu chứng và cách chữa xuân ôn, phong ôn như sau:

10. BỆNH XUÂN ÔN

Phần nhiều vì mùa đông cảm phải hàn tà mà không phát ngay, ẩn phục vào phần trong cơ thể, uất lại lâu ngày hoá thành nhiệt. Đến mùa xuân dương khí phát tiết hoặc vì phong hàn xúc động, nhiệt ẩn phục ở trong phát ra ngoài mà sinh ra chứng xuân ôn. Những người cơ thể suy yếu không có sức chống đỡ cũng có thể phát sinh bệnh xuân ôn.

Dựa vào sự khác nhau của chứng bệnh thể hiện, có thể chia thành 2 loại là khí phân và huyết phân để tiện cho việc biện chứng.

Khí phân:

Lúc mới phát thì mặt đỏ, mắt đỏ, đau đầu, trán hơi lạnh, tay chân mình mẩy đau đớn khó chịu sợ lạnh không có mồ hôi thì dùng bài *Kinh phòng bại độc tán*. Nếu nóng dữ sợ gió hoặc có mồ hôi mà nóng không giải được, tâm phiền, miệng khát, có thể dùng tân lương giải biểu như bài *Ngân kiều tán*.

- Nếu có cả chứng đại tiện bí kết, nước tiểu đỏ, hung cách nóng nhiều dùng bài *Lương cách tán*:

Mang tiêu	10g	Đại hoàng	10g
Hoàng cầm	6g	Bạc hà	6g

Chi tử nhân	6g	Liên kiều	10g
Trúc điệp	4g	Mật ong	1 muống

Tác dụng của các vị thuốc: Đại hoàng, Phác tiêu điều trung, tiêu thực nhiệt; Hoàng cầm, Bạc hà, Liên kiều thanh tán thượng tiêu thực nhiệt; gia Trúc điệp thanh nhiệt dẫn dược đi lên, Mật ong ngọt, hoãn khiến cho dược lực tại cách mô hoãn.

Huyết phân:

Lúc mới phát thì cảm thấy gai rét, phát sốt không có mồ hôi, cổ họng khô đau, miệng ráo, răng khô, cách chữa là tư âm giải biểu dùng bài *Tê giác tiêu độc* là:

Tê giác	8g	Sinh địa	10g
hoặc Thuỷ ngư giác	16g	Kinh giới	8g
Phòng phong	8g	Cát cánh	6g
Ngưu bàng tử	8g	Bạch thược	4g
Đơn bì	6g		

Nếu không thấy lạnh mà nóng nhiều, nên dùng theo phép thanh lương thấu tà là bài *Tê địa thanh lạc ẩm*:

Tê giác	8g	Đơn bì	8g
hoặc Thuỷ ngư giác	16g		
Liên kiều	6g	Trúc điệp	8g
Sinh địa	30g	Xích thược	6g
Đào nhân	10g	Gừng sống	3 lát

Nếu bệnh phát sốt, sợ lạnh không mồ hôi, mình mẩy tay chân đau đớn khó chịu, đầu đau, trán nặng, mũi khô, mắt nóng chảy nước mắt, nằm ngủ không yên, mạch phù khẩn dùng *Thăng ma tiêu độc ẩm* là:

Thăng ma	8g	Cát căn	8g
Bạch thược	6g	Cam thảo chích	4g
Phòng phong	6g	Kinh giới	8g
Ngưu bàng tử	8g		

Chủ trị: Dương chứng phát ban, đầu mặt, họng, lưng ngực, tứ chi mọc ban đỏ do dương minh vị kinh cảm nhiễm phong hàn phát nhiệt, ố hàn, nhức đầu, mình đau râm không mồ hôi, mắt đau, mũi khô thuộc dương chứng phát ban chẩn nhưng khi ban chẩn đã mọc ra rồi thì không nên dùng nữa mà chỉ nên dùng tư âm lương huyết như *Tê giác địa hoàng thang*, *Lục vị địa hoàng thang*, *Tứ vật thang*.

Nói tóm lại chứng phong ôn, xuân ôn, rất dễ hoá nhiệt hoá táo mà thương tổn âm cho nên về phép chữa chủ yếu là dùng những thuốc hơi ngọt, hơi mát, rất kiêng những vị cay ấm (tân ôn) phát tán hoặc thứ thuốc quá mạnh, quá tiêu để tân dịch khỏi bị hao tổn mà sinh biến chứng.

Nói chung đặc điểm của bệnh xuân ôn là: Về tinh thần thì phần nhiều phiền táo không yên, không được sáng suốt, có lúc không bày tỏ sự đau đớn một cách đúng mức, thời kỳ đầu chất lưỡi phần nhiều đỏ tươi mà có rêu trắng mỏng nổi lên, tiếp đó thì lưỡi đỏ sẫm mà khô táo ít tân dịch, nặng thì tía, khô táo, mạch đa phần trầm sắc. Tuy có thêm chứng tân cảm cũng không hiện rõ ra mạch phù. Chứng này là vì chính khí hư trước, không thể đuổi tà ra ngoài được mà gây nên. Chứng bệnh của xuân ôn, bệnh còn ở phần khí, phần nhiều là thực chứng, bệnh ở huyết phần đa phần là hư chứng, thực chứng thì dễ kết lại ở trường vị, hư chứng thì dễ hãm vào quyết âm.

11. BỆNH THỦ ÔN

Bệnh thủ ôn chủ yếu là bệnh nhiệt vì cảm phải khí hậu nóng bức của mùa nắng và phát ra nhưng nếu gặp khí phong vũ hàn, thấp hoặc ăn nhiều đồ sống lạnh cũng thường có thể dẫn đến bệnh này, cho nên bệnh thủ ôn lại có những chứng hậu kiêm thấp kiêm hàn. Bốn chứng của bệnh thủ ôn là đau đầu, nóng nhiều, khát nhiều, mồ hôi nhiều, mạch hồng đại mà sắc, phép chữa nên thanh thủ tiết nhiệt, dùng *Bạch hổ thang*:

Thạch cao	40g	Tri mẫu	12g
Cam thảo chích	8g	Gạo trắng	40g

Sắc uống ấm.

Thạch cao đại hàn, Tri mẫu khổ hàn phối hợp thanh phế vị thực nhiệt, Cam thảo, Gạo trắng ích khí dưỡng vị cùng Thạch cao, Tri mẫu tương hiệp sinh tân dịch, trị mình nóng dữ không ố hàn, ra mồ hôi nhiều, phiền khát hay khát nước, lưỡi đóng rêu vàng, mạch hồng đại hữu lực, do dương minh nhiệt chứng. Nếu người cơ thể vốn suy yếu thì gia Nhân sâm. Nếu mạch hồng đại vô lực, sau lưng ớn lạnh thì không nên dùng.

Nếu thử và nhiệt thương tổn đến khí làm hao tân dịch, thân thể nóng, tự ra mồ hôi, người mệt nhọc, mạch hư, hơi thở ngắn như suyễn dùng bài *Thanh thử ích khí thang*:

Bắc Sa sâm	10g	Mạch môn đông	8g
Tri mẫu	6g	Cam thảo Bắc	2g
Hoàng liên	4g	Lá tre tươi	8g
Thạch斛	8g	Vỏ đậu xanh	8g
Gạo trắng	8g		

Sắc uống.

Nếu ra mồ hôi nhiều, mạch tán đại vô lực, suyễn, khát thì dùng bài *Sinh mạch tán*:

Mạch môn đông	12g	Ngũ vị tử	8g
Nhân sâm	20g		

Sắc uống.

Chủ trị: Thử tâm thương tổn nguyên khí, khiến cho thần khí tiêu hao, mồ hôi nhiều, miệng khát, mạch vi tế muốn tuyệt, chứng trạng nguy hiểm.

Tác dụng của các vị thuốc: Nhân sâm đại bổ phế khí, Mạch môn thanh tâm hỏa, sinh tân dịch, Ngũ vị tử thu liễm phát tán phế khí, dưỡng phế thanh tâm, bổ khí sinh tân dịch khiến cho mạch hồi phục.

Nếu thử kiềm thấp mà lúc đầu có biến chứng thì dùng *Hoắc hương chính khí tán* để hoá thấp trừ thử, khi biểu tà đã giải rồi mà có các chứng miệng, dạ dày khó chịu, bụng đầy, tiết tả, tiểu tiện ít thì dùng bài *Hoắc hương chính khí tán* hợp với bài *Lục nhất tán* gia Kha tử, Nhục khấu, *Lục nhất tán* gồm:

Hoạt thạch	12g	Sinh cam thảo	2g.
------------	-----	---------------	-----

Hoạt thạch giải cơ thanh nhiệt, hoạt khiếu hành thủy lợi thấp, thông tri biểu lý, thượng, trung, hạ tiêu phát nhiệt, miệng khát, phiền táo, tiểu tiện không thông, đại tiện tả lợi.

12. BỆNH THỬ PHONG

Bệnh này là chứng nội phong do nhiệt và thử gây ra, thường thấy các chứng trạng phát sốt, đầu đầu dữ dội, nôn mửa, co giật, hôn mê, buồn bực, vật vã, nói sảng. Bệnh thử phong mà nặng thì thường thường đột nhiên sốt cao hoặc có rét run rồi co giật, hôn mê, hàm răng nghiến chặt, nặng thì tay chân lạnh.

Nói chung chủ yếu đều dùng thuốc tân lương để thấu tà, thuốc thanh nhiệt để giải độc. Thuốc tân lương thấu tà như bài *Bạch hổ thang* dùng chung với bài *Ngân kiều tán*.

Nếu nóng nhiều, hôn mê, co giật, thở khô khè, nên dùng loại bình can tức phong như bài *Linh dương câu đẳng thang* gia vị:

Linh dương giác			
(hoặc sừng Trâu)	10g		
Thiên ma	6g	Câu đẳng	10g
Long đởm thảo	6g	Tang ký sinh	8g
Ngưu tất	8g	Sinh địa	8g
Huyền sâm	8g	Cúc hoa	8g
Cương tâm	4g	Toàn yết	4g
Ngô công	4g		

Ba vị Cương tâm, Toàn yết, Ngô công sao vàng bỏ đầu, đuôi, chân, tán mịn, các vị thuốc trên sắc xong hoà bột Cương tâm, Toàn yết, Ngô công vào cho uống.

Trong quá trình chữa bệnh thử phong (viêm màng não) cần chú ý xem đại tiện khó đi hay dễ đi. Nếu đại tiện bí, rêu lưỡi vàng thì trong bài thuốc chữa bệnh có thể gia thêm Địa long, Huyền minh phấn, Qua lâu nhân để nhuận lợi

đại tiện. Nếu tiểu tiện không lợi, vàng đỏ thì có thể gia thêm Liên tâm và Hoạt thạch, Cam thảo.

Chứng này khi đã chữa khỏi rồi, nếu thời gian bị bệnh không lâu, thì sau khi lành là có thể hồi phục như cũ, nếu thời gian hôn mê lâu và liên tục cứng đờ và lạnh thì sau khi bệnh lành rồi thường có các di chứng không nói được, chân tay mình mẩy không mềm mại điều hoà, hoặc một bên tay chân không vận động được có thể gia thêm những vị thuốc thông lạc như: Xương bồ, Thuyền thoái, Trúc nhự, Tang ký sinh vào các bài thuốc nói trên.

Như lúc mới phát hiện ngay ra chứng tay chân lạnh do nhiệt cao độ thì quyết cũng cao độ (Nhiệt thâm quyết diệt thâm) thì ngoài phương thuốc tân lương, nên dùng thêm *Tô hợp hương hoàn* để phụ tá thêm thanh nhiệt, khai bế.

Tô hợp hương hoàn là: Tô hợp hương du, Xạ hương, Mai hoa phiến, An túc hương, Đinh hương, Mộc hương, Đàn hương, Trầm hương, Hương phụ, Kha tử, Chu sa, Tê giác (hoặc Thuỷ ngưu giác), Bạch truat.

13. BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT

Sốt xuất huyết thuộc loại ôn bệnh, thường phát sinh vào mùa hạ (âm tiêu dương trưởng) nhất là cuối hạ sang thu do lục dâm, khí hoá hàn nhiệt trái thường nên xảy ra dịch bệnh.

Khi nhiễm bệnh, người phát sốt, nhiệt tà bức huyết chạy bừa làm cho can không tàng huyết, tỷ không nhiếp huyết, vì thế nên gây ra xuất huyết. Nếu bệnh vào sâu hơn, thuỷ hoả hư tổn, kinh mạch suy thoái, làm vong dương thoát âm thì bệnh đến thời kỳ nguy kịch.

Khi bệnh nguy kịch thì thấy mạch trầm vi muốn tuyệt (truy tìm mạch là âm vong dương thoát) biểu hiện choáng váng, bứt rứt, lẫn lộn, hôn mê, tay chân lạnh thì phải dùng *Sâm phụ thang* để cứu nghịch.

Chứng sốt xuất huyết phát sinh do thời tiết trái thường và cũng do thất trị ở giai đoạn đầu là thông thường khi thấy sốt là người ta dùng thuốc giải biểu quá mạnh làm cho cơ thể người bệnh đã bị âm tiêu dương trưởng khiến cho nóng càng nhiều bức huyết chạy bừa. Nên khi có dịch sốt xuất huyết thì người thầy thuốc phải chẩn đoán kỹ, nếu thấy lưỡi thon chất lưỡi đỏ không có rêu, trong thân thể người bệnh có nổi mụn đỏ bằng mũi kim phải căng da chỗ nốt đỏ xét xem nếu nốt đỏ tan biến đi thì không phải là sốt xuất huyết, nếu nốt ban đỏ không tan thì là sốt xuất huyết, đừng vội lầm là ban đỏ mà dùng thuốc giải biểu, phải mau kịp dùng tư âm lương huyết như bài *Tê giác địa hoàng gia*: Hạn liên thảo tăng lượng gấp đôi.

Giai đoạn đầu có thể dùng bài thuốc sau:

Cỏ mực tươi	100g	Đọt bí đao tươi	100g
Lá cải rổ ⁽¹⁾ tươi	100g		

⁽¹⁾ Cải rổ: Một loại rau ăn rất mát chỉ có ở miền Nam chưa biết tên khoa học.

Lấy 3 thứ dâm nhuyển, hoà với 3 muống nước tiểu trẻ em vắt nước cho uống để chặn đứng nhiệt tà bức huyết vọng hành, dùng đủ 3 vị trên đây nếu thiếu thì dùng 1 hoặc 2 vị cũng được nhưng cần nhất là phải có nước tiểu trẻ em mới công hiệu.

Nếu bệnh không lui thì dùng bài *Tê giác địa hoàng thang* với lượng thuốc phải nhiều như: Tê giác hay Sừng trâu 10g, Bạch thược 20g, Sinh địa 20g, Mẫu đơn bì 10g, Hạng liên 20g, Rễ cỏ tranh sao đen 12g cho uống liên tục.

14. BỆNH ÁN SỐT XUẤT HUYẾT

Bệnh nhân: Trần Thị T. 24 tuổi, ở phường 8 thành phố M. T.

Vọng: Sắc mặt thoáng đỏ.

Vấn: Hơi thở gấp.

Vấn: Cách nay 3 ngày phát sốt không mồ hôi, cổ họng khô đau, miệng ráo, răng khô, khát nước, đêm ngủ không được.

Thiết mạch: Phù sắc.

Qui nạp bát cương: Biểu nhiệt.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Vệ khí cảm nhiễm nhiệt tà chưa giải hết, tà phạm vào huyết phần có triệu chứng phát sốt hãm hấp, không mồ hôi, cổ họng khô đau, miệng ráo, răng khô, khát nước.

Xử phương: Dùng *Ngân kiều tán*.

Nếu thấy mạch phù huyền hữu lực kiêm có chứng tay chân co gập dùng bài *Linh dương cầu đẳng thang*.

Linh dương giác (hoặc Sừng trâu) 8g

Tang diệp	8g	Câu đằng	8g
Phục linh	8g	Sinh địa	12g
Bối mẫu	8g		
Trúc nhự	8g	Sinh bạch thược	8g
Cam thảo	4g	Cúc hoa	8g

Biện luận: Các triệu chứng vệ khí chưa giải hết, nhiệt tà đồng thời lại nhập vào huyết phần nên có các triệu chứng phát sốt, không mồ hôi, cổ họng khô đau, miệng ráo, khát nước lưỡi thon đỏ, mạch phù sắc, đúng là nhiệt nhập huyết thất, có thể bức huyết chạy bừa phát sinh sốt xuất huyết nên chọn những bài thuốc tân lương, tư âm lương huyết là điều cốt yếu.

15. BỆNH ÁN BAN SỬ

Bệnh nhân: Trần Văn T. 45 tuổi ở phường 2 thành phố MT.

Vọng: Sắc mặt tái mét.

Vấn: Hơi thở mệt nhọc.

Vấn: Bệnh phát nóng, sợ lạnh, không mồ hôi, mình mẩy tay chân đau đớn khó chịu, đau đầu, trán nặng, mũi khô, mắt nóng, chảy nước mắt, nằm ngủ không yên.

Thiết mạch: Phù khản.

Qui nạp bát cương: Biểu thực.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Biểu tà truyền vào dương minh kinh, có chứng mũi nóng, mắt đau nóng, chảy nước mắt, nằm ngủ không yên, tay chân và dát tai lạnh.

Xử phương: Dùng *Thăng ma cát căn thang* hiệp với thang *Tiêu độc* để hoá giải phong tà truyền vào dương minh vị kinh. Nếu kiêm có chứng thái dương và thiếu dương thì dùng *Nhân sâm bại độc tán*.

1. Thăng ma cát căn thang :

Thăng ma	12g	Cát căn	10g
Bạch thược	8g	Cam thảo	4g

Hiệp với *thang Tiêu độc* là:

Phòng phong	8g	Kinh giới	8g
Ngưu bàng tử	8g		

Công năng của các vị thuốc trong bài:

Cát căn giải cơ, thoát nhiệt, sinh tân chỉ khát, chữa biểu chứng, miệng khát, đầu nhức, ban sởi sơ khởi vào 2 kinh tỷ và vị. Thăng ma vào 4 kinh tỷ vị, phế, đại trường công năng thăng thanh giáng trọc, thăng đề, trừ phong nhiệt, viêm họng. Phòng phong vào 5 kinh, bàng quang, can, phế, tỷ và vị có tác dụng phát biểu, tán phong, trừ thấp chữa biến chứng có ra mồ hôi, choáng váng mắt mờ, trừ phong, đau khớp xương. Kinh giới vào 2 kinh phế và can, có tác dụng phát biểu khu phong, lợi yết hầu, thanh nhiệt phá ứ tán kết, trị ngoại cảm phát sốt, đầu nhức mắt hoa, cổ họng sưng đau, lại trị chứng huyễn vựng sau sinh. Sao đen chữa thổ huyết chảy máu cam, đại tiểu tiện ra máu. Ngưu bàng tử vào 2 kinh phế và vị, có tác dụng tán phong nhiệt, thanh nhiệt, giải độc, thông phế thấu chẩn dùng chữa ngoại cảm biểu chứng ma chẩn, phong chẩn, yết hầu sưng đau. Bạch thược vị đắng chữa hàn vào 3 kinh can tỷ và phế có tác dụng nhuận can, làm hết đau, dưỡng huyết, liễm âm, lợi tiểu tiện. Cam thảo có tác dụng bổ tỷ vị, nhuận phế, thanh nhiệt giải độc, điều hoà các vị thuốc.

2. Bài nhân sâm bại độc

Nhân sâm, Khương hoạt, Độc hoạt, Sài hồ, Tiên hồ, Xuyên khung, Chỉ xác, Cát cánh, Phục linh mỗi vị 8g, Cam thảo Bắc 4g, Bạc hà 4g, Gừng sống 3 lát.

Chủ trị: Người thể chất hư nhược cảm thụ phong hàn thấp nhiệt, ớn lạnh, phát sốt, nhức đầu, cổ cứng, nghẹt mũi, tiếng nói nặng, mình mẩy râm đau, ho hen có đàm, không mồ hôi.

Công năng của các vị thuốc trong bài:

Khương hoạt, Độc hoạt, Sài hồ, Xuyên khung phát hãn giải cơ, trừ phong hàn, khử thấp tà, Tiến hồ, Chỉ xác giáng khí hành đàm, Cát cánh, Phục linh có thể tiết phế trung tà nhiệt, thẩm thấp trừ đàm, Cam thảo hoà trung giải biểu, Nhân sâm phù chính khu tà, Gừng sống, Bạc hà hỗ trợ giải biểu phát hãn.

16. BỆNH ÁN NỘI THƯƠNG (phát sốt)

Nội thương bệnh là do nguyên khí suy kém, huyết phận không đầy đủ phát sinh ra chứng hâm hấp sốt, người thấy gai gai lạnh, hai bàn tay và chân có lúc nóng, lúc lạnh, mỗi mệt, ăn ngủ không được, thường khát nước mà thích uống nước nóng. Đầu luôn luôn bị nhức âm ỉ, lúc nhức lúc bớt, người thường sợ lạnh hay rịn mồ hôi, miệng nhạt, nếu nhầm cho uống phát biểu giải cảm thì bệnh càng tăng không thuyên giảm.

Bệnh nhân: Nguyễn B.T. 55 tuổi ở CL.

Vọng: Sắc mặt xanh mét, mệt mỏi, uể oải.

Vấn: Hơi thở ngắn.

Vấn: Bệnh nhân khai 1 tháng nay thường bị chứng nóng trong người thấy gai gai lạnh sau lưng, hai bàn tay và chân lúc nóng lúc lạnh, mỗi mệt, ăn ngủ không được, thường khát nước mà thích uống nước nóng. Đầu luôn bị nhức âm ỉ, lúc nhức lúc bớt, người thường sợ lạnh, hay rịn mồ hôi, đã uống nhiều thuốc trị ngoại cảm mà bệnh không thuyên giảm.

Thiết mạch: Trâm đại vô lực.

Qui nạp bát cương: Lý dương hư.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Xét các triệu chứng bệnh nhân khai, đây là thuộc nội thương tý vị. Mạch đại là mạch của tâm hỏa nay thấy vô lực là tâm hỏa hư, tâm hỏa hư biến thành hoả vọng hành lấn lên vị trí của tý thổ, tý thổ chủ cơ nhục cho nên thấy chứng mình nóng, lại thấy gai gai lạnh là dương khí suy yếu. Mồ hôi là dịch của tâm, nay thấy lạnh lại rịn mồ hôi là tâm khí suy không liễm được huyết dịch. Phép chữa nên dùng bài *Bổ trung ích khí* để giúp cho dương khí thăng lên, bảo vệ vệ khí, vệ khí mạnh thì bảo vệ dương khí của tý vị liễm được âm huyết, dương khí và âm huyết thăng bằng thì bệnh sẽ khỏi. *Bổ trung ích khí* cần gia thêm Phòng phong, Khương hoạt, Xuyên khung, Bạch chỉ để giúp cho *Bổ trung ích khí* thêm tác dụng giải cơ, chỉ thống tán phong hàn tiềm phục dinh vệ. Trong bài *Bổ trung* có Sâm, Kỳ, Quy, Truật để bổ nguyên khí, và bổ huyết.

17. BỆNH ÁN NỘI THƯƠNG DO TỖ VỊ (viêm đại tràng mạn tính)

Viêm đại tràng mạn tính do suy nhược cơ thể nội thương tý vị. Bệnh này rất phức tạp là có hư, có thực do tý vị khí hư không vận hoá được thanh khí thượng thăng, trọc khí hạ giáng, thấp tà tắc lấp trường vị phát sinh ra, như bệnh án dưới đây:

Bệnh nhân: Trần Thị K, CNV Công ty ăn uống và khách sạn TG.

Vọng: Sắc mặt đỏ lợt, uế oải, rêu lưỡi trắng mỏng.

Văn: Tiếng nói bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai từ 6 - 7 tháng nay có những lúc đi tiêu có nhiều chất nhầy nhớt và đi nhiều lần trong ngày, tiếp đến cách nay chừng 3 tháng, bệnh nhân tiêu phân sệt kéo dài và đau vùng hạ vị: Mỗi ngày đi tiêu nhiều lần (từ 5 - 7 lần) bệnh nhân đã được điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Tây y 2 tháng và nay được chuyển qua BV - YHDT với các triệu chứng đau bụng, mệt mỏi, người lạnh, tê rần da đầu, mất ngủ, tiêu ra nhầy nhớt 2 - 3 lần trong mỗi ngày.

Thiết mạch: Tả trầm huyền, hữu trầm huyền vô lực.

Qui nạp bát cương: Lý thượng thực, lý hạ hư

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ lời khai của bệnh nhân và thiết chẩn thì bệnh nhân này mắc phải chứng bệnh rất phức tạp là có hư, có thực, hư là mạch tay hữu trầm huyền vô lực, thực là tay tả trầm huyền chứng tỏ can mộc khắc tỳ thổ, thổ hư không vận hoá được thanh khí thượng thăng, trọc khí hạ giáng, thấp tà tắc lấp trường vị làm cho sự vận hoá của tỳ kém đi không vận hoá được khí thấp cho nên đi tiêu ra phân sệt kéo dài nhiều tháng, trọc khí đình động ở trường vị cho nên đi tiêu ra chất nhầy nhớt, đau vùng hạ vị, tê rần da đầu nghe lạnh là vì tỳ khí có công năng vận khí khắp cơ thể mà tỳ hư không vận hoá được cho nên nhúc đầu và mất ngủ là thực chứng của mạch huyền vì can dương thịnh khắc tỳ thổ.

Xử phương: Xét qua các triệu chứng trên, dùng phương pháp hoà giải can mộc, bình can, kiện tỳ, táo thấp. Xử phương dùng thang *Hoắc hương chính khí gia: Câu đằng, Địa long, Hương phụ, Thương truật.*

Hoắc hương chính khí thang:

Đại phúc bì	4g	Trần bì	8g
Bạch chỉ	4g	Hậu phác	8g
Tử tô	4g	Cát cánh	8g
Phục linh	4g	Hoắc hương	12g
Bán hạ chế	8g	Cam thảo	10g
Bạch truật	8g		

Gia vị:

Thương truật	8g	Câu đằng	10g
Địa long	8g	Hương phụ	8g
Gừng sống	3 lát	Đại táo	2 quả

Cho uống 3 thang bớt đau bụng nhưng còn đầu đầu, tê da đầu, có cảm giác nghẹn thở, không ngủ được.

Tái khám thấy 6 bộ mạch trầm huyền sắc, xử phương dùng thang *Đơn chi tiêu dao tán gia:* Huyền sâm, Câu đằng, Lạc tiên, Trinh nữ cho uống liên tiếp 6 thang.

Tái khám, bệnh nhân cho biết, bớt nhức đầu, tiếp tục dùng thang *Đơn chi tiêu dao gia*: Xương bồ, Câu đằng, Huyền sâm, Hột bình linh sống cho uống tiếp 6 thang nữa, bệnh nhân ngủ được từ 2 - 4 tiếng, thỉnh thoảng còn mệt, hết ù tai, hết nhức đầu, hết hồi hộp, hết nghẹn thở, lạnh tê da đầu cũng hết.

Tái khám thấy mạch trầm hoãn đi lớn. Dùng thang *Lục vị địa hoàng gia*: Sài hồ, Bạch thược, Câu đằng, Huyền sâm, Hột bình linh sống cho uống 1 tuần, người hết mệt ngủ được, ăn được, tiêu tiểu bình thường cho xuất viện.

Biện luận

Bệnh này rất phức tạp là có hư có thực nhưng nguyên do chính cũng là tại tỳ vị, nên trước tiên là điều hoà chính khí bằng *Hoắc hương chính khí thang* gia vị, lại phải hoà giải can mộc bằng *Bát vị tiêu dao tán*, rồi vì bệnh lâu ngày dùng thuốc táo thấp nhiều mất mát tân dịch lại dùng *Lục vị địa hoàng thang* gia vị để sinh tân dịch.

1. Bát vị tiêu dao tán gia vị hay Đơn chi tiêu giao gia vị:

Đương qui	8g	Bạch thược	6g
Sài hồ	8g	Phục linh	8g
Bạch truật	8g	Cam thảo bắc	8g
Bạc hà	6g Gia:	Huyền sâm	8g
Câu đằng	8g	Lạc tiên	8g
Trình nữ	8g	Chi tử	8g

2. Lục vị địa hoàng gia vị:

Thục địa	10g	Hoài sơn	8g
Mẫu đơn bì	4g	Trạch tả	6g
Táo nhục	8g	Phục linh	8g
Sài hồ	6g	Bạch thược	6g
Câu đằng	8g	Huyền sâm	8g
Hột bình linh sống	8g		

Công năng của các vị thuốc trong đơn trị bệnh này:

Hoắc hương, khí vị thơm lý khí hoà trung; Tử tô, Bạch chỉ, Cát cánh tán hàn tà lợi hung cách; Đại phúc bì, Hậu phác tiêu trừ trướng mãn đầy bụng; Trần bì, Bán hạ lợi khí hoá đờm. Phục linh, Bạch truật, Cam thảo hoà trung kiện tỳ trừ thấp, hỗ trợ trung tiêu chính khí. Thương truật táo thấp, Câu đằng thanh nhiệt thượng tiêu; Địa long thanh nhiệt giải độc tiêu ra nhầy nhớt, Hương phụ lý khí, bình can, giải khí uất, thông tam tiêu.

Đương quy, Bạch thược dưỡng huyết. Sài hồ sơ can tán uất. Cam thảo, Phục linh kiện tỳ, thẩm thấp. Sinh khương hoãn vị. Bạc hà tiêu phong nhiệt. Mẫu đơn bì vào 4 kinh: tâm, can, thận, tâm bào lạc, thanh huyết nhiệt, tán ứ huyết. Chi tử

thanh nhiệt, tả hoả, lợi tiểu. Lạc tiên an thần. Trình nữ dụ thần kinh. Hột bình linh sống an thần dụ thần kinh. Huyền sâm tư âm, giáng hoả, trừ phiền, chỉ khát, giải độc, nhuận táo, hoạt trường. Thục địa, Hoài sơn, Táo nhục bổ ích thận âm sinh tinh khí. Hoài sơn, Phục linh kiện tỳ thẩm thấu. Trạch tả tiết thận trung thủy tà. Đơn bì thanh can đởm tướng hoả.

18. BỆNH AN TÂM TỶ LƯỠNG HƯ

Bệnh nhân: Trịnh Văn N. 56 tuổi, Cán bộ hưu Sở thương binh xã hội TG.

Vọng: Sắc mặt đỏ hồng.

Văn: Âm thanh bình thường

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát cách nay 2 tháng thường đi tiêu lỏng ra bọt, mệt khó thở, sôi bụng, thường đau bụng vùng rốn, khám Tây y chẩn đoán là viêm đại tràng mạn tính, thiếu máu cơ tim, xơ vữa động mạch.

Thiết mạch: Trầm hoạt tiểu.

Qui nạp bát cương: Lý hư.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào chứng và mạch hoạt là tích, tiểu là hư.

Nguyên nhân phát sinh ra chứng này là do tỳ hư không vận hoá được thủy thấp, đình động ở trường vị làm cho trường vị thường bị sôi và đau bụng vùng rốn, thường đi tiêu lỏng có bọt. Mạch hoạt là tích, tiểu là hư, tỳ thổ hư không vận hoá được khí thấp cho nên thủy thấp đình động trung tiêu, hạ tiêu biến sinh đại tiện thường phân sệt có lúc tiêu chảy ra bọt.

Qua các triệu chứng trên xác định đây là chứng chính khí hư, tỳ thổ không kiện vận được, khí uất ở trung và hạ tiêu.

Xử phương: Dùng thang *Hoắc hương chính khí gia* Xương bồ, Hương phụ, Chi tử sao, Cát căn, Lương khương đổi Bạch truật dùng Thương truật để táo thấp, hành khí kiện tỳ hoà vị cho uống liên tục 25 thang, dần dần ổn định các chứng mệt uể oải, khó thở, đau bụng vùng rốn, tiêu lỏng sôi bụng đã hết hẳn. Khám lại: mạch thấy đi trầm hoãn, sắc mặt còn đỏ hồng thỉnh thoảng vùng ngực bên trái còn hồi hộp đau nhói, chẩn đoán là vì trước kia tỳ hư liên quan đến tâm, tỳ vừa ổn định chưa nuôi dưỡng được tâm, xử phương dùng thang *Quy tỳ gia* Xương bồ để giúp cho tỳ kinh thông nhiếp được huyết để dưỡng tâm cho uống tiếp 25 thang. Bệnh nhân hoàn toàn khỏi hẳn.

Thang Hoắc hương chính khí gia: Xương bồ, Hương phụ, Thương truật, Chi tử sao, Cát căn, Lương khương. *Chủ trị:* Phong hàn, hành thấp, hung cách trướng mãn, bụng sôi tiết tả, miệng nhạt đóng rêu trắng.

Hoắc hương lý khí hoà trung. Tô diệp, Bạch chỉ, Cát cánh tán hàn lợi hung cách. Đại phúc bì, Hậu phác tiêu trừ nặng bụng, Trần bì, Bán hạ lợi khí hoá đàm. Phục linh, Bạch truật, Cam thảo hoà trung kiện tỳ, thủ thấp, hỗ trợ trung tiêu chính khí.

Quy tỳ thang chủ trị thương tỳ, tâm tỳ huyết hư phát sinh kiện vong (hay quên) choáng váng, đạo hãn, mất ngủ, ăn uống giảm sút, thân thể bại hoại mỗi

mệt do tâm tỳ thụ thương dinh huyết kém dùng Long nhãn nhục, Hắc táo nhân, Viễn chí, Phục thần, Đương quy bổ huyết dưỡng tâm. Sâm, Kỳ, Cam thảo, Bạch truật, bổ tỳ sinh huyết. Mộc hương lý tỳ khí, tăng cường bổ tỳ khí sinh huyết, bổ ích tâm tỳ, dưỡng huyết an thần.

Biện luận: Bệnh nhân này đã có khám và điều trị bằng Tây y. Tây y xác định là viêm đại tràng mạn tính và thiếu máu cơ tim. Chẩn đoán của YHCT căn cứ mạch và chứng, xác định là do chính khí hư mà chính khí hư là tỳ hư không vận động được khí thấp cho nên phát sinh các chứng sôi bụng thường xuyên, thường thấy tức lồng ngực, khó thở là vì khí thấp đình đọng trung tiêu, thanh khí không thăng trọc khí không giáng làm úng tắc tam tiêu cho nên đau bụng vùng rốn, khó thở là do tam tiêu không vận hành ở mức bình thường được. Dùng Hoắc hương chính khí gia Thương truật, Hương phụ, Chi tử, Cát căn, Lương khương, để hỗ trợ cho thang Hoắc hương chính khí hoà can, kiện tỳ, táo thấp, thông tam tiêu, hành khí.

Còn chứng vùng tâm hồi hộp thỉnh thoảng đau nhói, mặt thường đỏ hồng là vì trước kia tỳ hư không thống nhiếp huyết để nuôi tâm cho nên tiếp dùng thang Quy tỳ để bổ tâm tỳ dưỡng huyết an thần.

19. BỆNH AN VIÊM ĐẠI TRƯỜNG MẠN TÍNH

Bệnh nhân: Hồ Hữu A. 65 tuổi ở CG - TG.

Vọng: Má hóp, da mặt tái mét, mắt có quầng.

Vấn: Hơi thở mệt nhọc hay rên rĩ.

Vấn: Bệnh nhân khai cách nay 2 tuần, đột nhiên thấy đau tức từ dưới hạ sườn trái lan ra đến rốn, vòng xuống bụng dưới bên trái. Đau từng cơn bắt đầu thấy nổi cục lan từ vùng rốn, có lúc đau như cắt nhất là từ bụng dưới phía trái đau lan lên vùng rốn và lan ra sườn trái, tóm lại vùng trung tiêu, hạ tiêu phía trái ấn mạnh thấy đau hơn. Đồng thời hông bên trái xuyên ra sau lưng nghe từng tức khó chịu thường xuyên bị táo bón, uống thuốc xổ thấy đau nhiều hơn. Rồi có lúc lại bị tiêu chảy. Bệnh nhân đau lâm râm suốt ngày, về đêm đau nhiều hơn. Trong cơn đau như vậy hay mệt. Đã khám và điều trị bằng Tây y không thuyên giảm.

Thiết mạch: Tả trầm huyền hữu lực, hữu trầm huyền vô lực.

Qui nạp bát cương: Lý thượng thịnh, lý hạ hư.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào triệu chứng và mạch, xác định mạch huyền là mạch của can nay thấy tả huyền hữu lực, hữu huyền vô lực là can khí có thừa lấn ép tỳ thổ, thổ hư không vận hành khí được, khí uất cho nên từ vùng rốn đến hạ tiêu thấy nổi gò có cục theo vị trí của đại trường mà đại trường là phủ của phế kim. Bệnh này vừa có hư, vừa có thực, là can khí thực khắc tỳ thổ, thổ hư không vận hành khí được nên sinh khí uất. Tây y khám cho biết là viêm đại trường cho uống Sorbitol, tiêm Chophytol và cho uống thuốc xổ nhưng bệnh không giảm mà uống thuốc xổ vào bụng lại thấy đau hơn. Tây y chẩn đoán có phần đúng với lý luận Đông y, can thuộc phong mộc mà chủ khí là phế kim vì kim khắc mộc cho nên phong mộc thiếu gió để hoá thành hơi theo học thuyết chế hoá tương thừa

tương vũ, để cân bằng tạng phủ, tuy đôi lập mà hỗ căn làm cho đại trường bị con của phong mộc là tâm hỏa, nhiệt uất kết làm cho đại trường viêm.

Xử phương: Sau khi xác nhận bệnh trạng, dùng phương pháp vận hành khí hoá để sơ khí khai uất, lưu thông khí huyết bằng thang *Hoắc hương chính khí* gia Hương phụ, Xương bồ, Mộc hương, Hắc sủu để vừa vận hành, vừa hoá giải khí uất và cho uống thêm *Hoàn hoá tích*, bệnh ổn định và lành hẳn. Sau bồi dưỡng bằng thang *Quy tỳ gia Xương bồ*.

20. BỆNH ÁN VIÊM ĐẠI TRƯỜNG MẠN TÍNH

Bệnh nhân: Văn S. Hội văn nghệ tỉnh TG.

Vong: Thần sắc mệt mỏi, da mặt hơi xanh.

Văn: Tiếng nói bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai 6 tháng nay bị chứng viêm đại trường mạn tính thường thấy đau bụng dưới bên trái, ngủ kém, ăn không tiêu, hay mệt, thỉnh thoảng tiêu lỏng rồi có lúc lại bón uất. Tinh thần mỗi mệt, choáng váng hay câu gắt hay quên.

Thiết mạch: Trầm huyền vô lực.

Qui nạp bát cương: Lý hư.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào mạch và chứng thì bệnh nhân này mắc 2 chứng bệnh mạn tính cùng một lúc. Một là tâm tỳ lưỡng hư, hai là can mộc khắc tỳ thổ, thổ hư không vận hoá được, khí thấp nhiệt uất kết ở trung hạ tiêu cho nên từ vùng rốn đến hạ tiêu thấy đau nhất là vùng đại trường. Vì khí thấp nhiệt do hoá ở tâm tỳ đưa xuống hạ tiêu không vận hành được, uất kết lại ở đại trường cho nên đại trường bị viêm, mất đi chức năng bài tiết, thường có lúc bị bón uất, có lúc tiêu lỏng mà thần minh, thần chí có lúc như bị mờ ám, hay quên, hay câu gắt.

Xử phương: Trước nhất là dùng phương pháp vận hành khí hoá để sơ khí khai uất, lưu thông khí huyết, vừa hoà giải thông lợi khí thấp uất kết đại trường là dùng thang *Hoắc hương chính khí* gia thêm Nhục khấu, Kha tử, Lương cương, Hương phụ cho uống 20 thang để ổn định chứng đại tiện khi thì bón uất, khi thì tiêu chảy. Xem mạch lại thấy 6 bộ đều đi trầm hoãn, dùng thang *Quy tỳ gia Xương bồ* để bổ tâm tỳ điều hoà tâm khí, đồng thời bổ tỳ thổ để sinh huyết nuôi tâm. Cho uống luôn 30 thang, bệnh nhân phục hồi sức khoẻ hết viêm đại trường, chứng suy tim vì thiếu máu cơ tim cũng ổn định.

Biện luận: Phương pháp này trước nhất chữa trị chứng đại trường viêm bằng cách hoà giải can mộc, trợ tỳ lý khí phục hồi chính khí, chứng đại trường viêm ổn định, tiêu tiểu bình thường, tiếp theo là bổ tỳ thổ để giúp cho tỳ thổ thực hiện được chức năng sinh huyết, thống nhiếp được huyết để nuôi tâm, tâm có đầy đủ huyết dịch để nuôi óc, cho nên các chứng thiếu máu cơ tim được ổn định, bệnh nhân trở lại trạng thái bình thường.

21. BỆNH ÁN TRUNG KHÍ HƯ

Bệnh nhân: Trần N. V. 40 tuổi ở phường 8 thành phố MT.

Vọng: Về người mệt mỏi uể oải.

Vấn: Hơi thở ngắn yếu.

Vấn: Bệnh nhân khai hơn 1 tháng nay thường thấy bồn thần rũ rượi, mệt mỏi, uể oải, choáng váng, đầu nặng thỉnh thoảng nhức lâm râm trước trán, ăn ngủ kém, sút cân, thỉnh thoảng thấy ớn lạnh xương sống, biếng nói, biếng làm.

Thiết mạch: Trầm đại vô lực.

Qui nạp bát cương: Dương khí hư.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Mạch đại là chủ mạch của tâm, nay thấy vô lực là tâm khí hư, tâm hỏa hư không sinh được tỳ thổ, thổ hư không kiện vận được, trầm đại vô lực nay thấy ở bộ hữu quan tức là trung khí hư. Đây là chứng trung khí hư, tỳ vị suy kém thanh dương không thượng thăng lên được để trợ âm giáng xuống quân bình âm dương.

Xử phương: Dùng bài *Bổ trung ích khí thang* để bổ trung khí, thì các triệu chứng trên sẽ lui đi vì đã quân bình được âm dương nơi trung tiêu tỳ vị.

Bổ trung ích khí thang:

Hoàng kỳ chích mật ong	12g	Đảng sâm	8g
Cam thảo chích	4g	Bạch truật thổ sao	8g
Trần bì	4g	Đương quy	6g
Thăng ma	3g	Sài hồ	3g
Đại táo	2 quả	Gừng sống	3 lát.

Nếu tỳ vị thụ thấp bỏ Đương quy, Bạch truật gia: Mộc hương, Thương truật gọi là *Điều trung ích khí thang*.

Công năng của bài Bổ trung ích khí thang:

Bổ trung khí thăng dương, tỳ vị hư ăn uống không hấp thụ được, khí hư, ngũ tâm phiền nhiệt (ngũ tâm tức là hai lòng bàn tay, hai lòng bàn chân và lồng ngực). Tỳ khí hư thì phế khí hư theo cho nên dùng Nhân sâm, Cam thảo bổ tỳ khí hoà trung tiêu thanh hư nhiệt: Bạch truật kiện tỳ; Đương quy thân bổ huyết; Trần bì lý khí; Thăng ma, Sài hồ thăng thịnh dương khí.

22. BỆNH ÁN PHÙ THŨNG (Lý thực thủy tích)

Bệnh nhân: Nguyễn B 42 tuổi ở huyện Châu Thành TG.

Vọng: Mí mắt sưng, thần sắc xanh mét.

Vấn: Hơi thở ngắn.

Vấn: Bệnh nhân khai đã hai tháng nay trong người thường cảm giác nặng nề, mí mắt sưng, khắp người phù thũng, chân tay mặt mày đều sưng, tiểu ít, đã

có khám điều trị Tây y với chẩn đoán thận hư nhiễm mỡ nhưng không thuyên giảm, đến xin điều trị Đông y.

Thiết mạch: Trâm hoạt tiểu.

Qui nạp bát cương: Thực thủy tích.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Chứng này có liên quan đến ba tạng là phế, tỳ và thận chứ không riêng gì thận, bệnh này do thổ hư không khắc chế thủy tà, nếu bệnh mới phát thì mí mắt sưng trước, sau vì thất trị truyền xuống trung tiêu và hạ tiêu làm cho khắp người phù thũng, chân tay mặt mày đều sưng có liên quan đến phế và thận. Phế chủ điều tiết, tỳ chủ vận hoá, thận chủ thủy dịch, cho nên khi mà phế khí không làm cho lưu thông đường nước, tỳ không vận hoá được thủy dịch, thận hư không tiếp được sự điều tiết của phế để lưu lợi thủy dịch ra ngoài, thủy dịch từ thận tràn lên phát sinh chứng phù thũng. Vì thủy dịch đình trệ tại kinh lạc và tôn lạc sinh phù thũng.

Xử phương: Bệnh đã lâu từ thượng tiêu truyền xuống trung tiêu và hạ tiêu, nay phải dùng phép kiện tỳ thổ, hành khí lợi thủy hoá thấp như bài *Hoắc hương chính khí* gia Mướp gai, Xa tiền tử, Rễ cỏ tranh, bội dụng Đại phúc bì, Ngũ gia bì, đổi Bạch truật dùng Thương truật và Hắc sủ.

Trong lúc trị bệnh dặn bệnh nhân kiêng ăn muối, nước mắm cho uống 15 thang các chứng phù thũng từ trên mặt đều xẹp hết.

Tái khám thấy mạch đi trâm hoãn đổi dùng bài *Sâm linh bạch truật tán* là:

Đảng sâm	10g	Phục linh	10g
Bạch truật thổ sao	10g	Cam thảo chếch	10g
Hoài sơn	10g	Biển đậu sao	8g
Liên tử	6g	Sa nhân	6g
Ý dĩ sao	6g	Cát cánh	6g
Đại táo	2 quả		

Sắc uống

Biện luận: Chứng lý thực thủy tích này là do tỳ thổ hư không vận hành được thủy dịch, thổ hư không ức chế được thủy tà, thủy tà tràn vào kinh lạc phát sinh phù thũng cho nên về trị liệu, trọng tâm là kiện tỳ thổ lợi tiểu, trừ thấp, điều bổ chính khí, công năng vận hành của tỳ mạnh thì chứng phù thũng sẽ được tiêu trừ.

Sau đó dùng *Sâm linh bạch truật tán* để bổ tỳ, ích phế. Tỳ thổ mạnh thì ức chế được thận thủy, phế khí mạnh thì điều tiết được thủy dịch.

23. BỆNH ÁN PHÙ THŨNG

Bệnh nhân: Nguyễn Thị T. N 32 tuổi, giáo viên trường phổ thông Mỹ Hoà, thị xã BT.

Vọng: Người uể oải, da mặt vàng, sưng phù ở mặt và hai chân.

Vấn: Tiếng nói mệt nhọc, hơi thở ngắn.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát từ 2 tháng rưỡi nay. Đầu tiên thấy lúc nóng lúc lạnh trong 1 ngày, sưng mí mắt, sau đó diễn biến thành sưng mắt, thân mình và hai chân. Khám Tây y chẩn đoán thận hư nhiễm mỡ, điều trị nhưng bệnh không giảm nên được chuyển đến điều trị tiếp tại Bệnh viện YHDT - TG trong tình trạng người nặng nề, ăn ít, nước tiểu vàng sậm, phù mắt và hai chân.

Thiết mạch: Trầm huyền sắc vô lực.

Qui nạp bát cương: Biểu lý thực hàn, lý hư.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Đây là bệnh phù thũng có liên quan đến 3 tạng là phế, tỳ và thận chứ không riêng gì thận. Bởi vì phế chủ việc trị tiết, tỳ chủ vận hoá, thận chủ thuỷ dịch cho nên khi mà phế khí không làm cho lưu thông đường nước, tỳ không vận hoá được, thuỷ dịch từ thận tràn lên phát sinh chứng phù thũng thuộc dương thuỷ. Bệnh phát trước từ nóng lạnh, tới sưng mí mắt mới đến sưng cả mắt sau đó đến sưng thân mình và hai chân, biểu hiện cho thấy ngoại tà cảm nhiễm vào thượng tiêu trước không hoá giải bằng giải biểu phát hãn kịp thời, thấp tà truyền sâu xuống trung tiêu và hạ tiêu làm cho khắp thân mình từ mặt, mình và hai chân đều phù thũng, tiểu ít vì trị bằng Tây y gần 3 tháng không thuyên giảm cho nên thể bệnh lúc đầu là thực, giờ đây đã biến thành hư, nên hiện thời thiết mạch thấy trầm huyền sắc vô lực.

Xử phương: Trước dùng phép kiện tỳ táo thấp, hành khí, lợi thuỷ dùng bài Hoắc hương chính khí thang gia Mớp gai, Xương bồ, Lương khương, Hà thủ ô cho uống 10 thang thì các chứng có giảm nhiều nhưng đi tiểu còn ít.

Tái khám mạch vẫn còn trầm huyền vô lực, đổi dùng thang Vị linh là Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Trư linh, Trạch tả, Bạch truật, Phục linh mỗi vị 8g.

Gia:

Nhân trần	10g	Mớp gai	20g
Ngũ gia bì	10g	Hà thủ ô	10g
Ma hoàng	4g		

Cho uống liên tiếp 15 thang kèm theo theo mỗi ngày cho uống thêm 1 gói Hoá tích tiêu thũng hoàn bệnh nhân hết phù mắt, phù tay chân, thân mình, nhưng trong người còn mệt uể oải. Cho uống thêm 6 thang Ngũ linh gia, Sa nhân, Hoài sơn, Thảo khấu. Bệnh nhân thấy khoẻ nhiều, tiểu tiện bình thường bệnh đã ổn định.

Biện luận: Như trên đã nói chứng phù thũng có liên quan đến 3 tạng: phế, tỳ, thận. Phế thuộc thượng tiêu, tỳ thuộc trung tiêu, thận thuộc hạ tiêu.

Bệnh này lúc mới phát có nóng lạnh rồi sưng mí mắt, mắt trước, chứng tỏ thấp tà đã phạm vào phế kinh thượng tiêu trước rồi sau mới truyền kinh dần từ trên xuống dưới.

Căn cứ theo phép chữa của Y tông kim giám thì khi tà mới truyền vào thượng tiêu tức là mí mắt, mắt sưng trước thì nên giải thấp tà bằng giải biểu để

hoá giải dùng bài *Nhân sâm bại độc gia* Ma hoàng để phát hãn cho ra mồ hôi thì bệnh sẽ ổn định ngay nhưng vì thất trị tà đã truyền sâu xuống trung tiêu và hạ tiêu thì phải dùng phép hành khí lợi thủy để hoá giải thấp tà bằng con đường của nhị tiện là lợi tiểu, thông đại tiện để công hạ.

24. BỆNH ÁN PHÙ THŨNG

Bệnh nhân: Dương Thị Ngọc A 33 tuổi giáo viên trường Trung học sư phạm TG.

Vọng: Thần sắc bình thường, da mặt tái mét, phù toàn thân:

Văn: Tiếng nói bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát cách nay 3 tháng đầu tiên sáng ngủ dậy thấy nặng mặt, mí mắt hẹp, các ngày kế tiếp sưng húp cả mặt và lan xuống toàn thân từ mặt đến chân, tiểu ít không gắt, tiêu bón, thường đau lưng, ăn uống ít đã chữa Tây y nhưng không giảm đến xin điều trị Đông y.

Thiết mạch: Trầm tế tiểu.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào lời khai bệnh của bệnh nhân thì bệnh này lúc đầu cảm nhiễm phong thấp tà vào thượng tiêu trước cho nên sưng mí mắt, nặng mặt rồi sưng mặt, thất trị phong thấp tà truyền dần xuống trung tiêu và hạ tiêu cho nên toàn thân đều phù.

Xử phương: Bệnh đã truyền biến xuống trung tiêu và hạ tiêu, mạch trầm tế tiểu, phải vận dụng phép kiện tỳ táo thấp hành khí lợi thủy, xử phương dùng thang *Hoắc hương chính khí gia* Nhân trần, Chi tử để lợi thấp, tiểu tiện ít, Móp gai bình can lợi tiểu, Hắc sủu vào 3 kinh phế, thận và đại trường, tả thấp nhiệt ở khí phân, trục đàm tiêu ẩm, thông lợi nhị tiện. Trạch tả đi vào thận và bàng quang trị viêm thận thủy thũng. Ý dĩ có tác dụng thẩm thấp kiện tỳ bổ phế cho uống 8 thang thì phù toàn thân bớt nhiều, còn ăn ngủ khó, tiêu bón ớn lạnh, đổi dùng thang *Thanh tỳ gia* Móp gai, Nhân trần, Hắc sủu, Chi tử, Rễ (nhỏ) gừa (tua cây da) cho uống 9 thang thì ớn lạnh hết, miệng nhạt hết, tiểu được nhiều, đổi dùng lại thang *Hoắc hương chính khí gia* Móp gai, Nhân trần, Chi tử, Ngưu tất, Đỗ trọng, Xa tiền. Cho uống 5 thang thì hết phù, hết đau lưng.

Tái khám mạch trầm tế sác, còn nóng trong người, ăn ngủ kém, ngứa tay chân, xử phương dùng thang *Lục vị địa hoàng* để bổ thận âm gia Nhân trần, Móp gai, Nhỏ gừa, Sài hồ, Sa nhân, Ý dĩ, Chi tử sao để vừa bổ thận âm, vừa bình can, vừa kích thích tiêu thực, cho uống gián phục cứ uống 3 thang *Bổ thận* lại cho uống thang *Hoắc hương chính khí gia* vị để kiện tỳ lợi thủy, cho uống hai tuần thì các triệu chứng nói trên hết hẳn.

Tái khám thấy mạch đi huyền tế, bệnh nhân khai thỉnh thoảng bị nhức đầu, ngứa ở mặt và hai chân, tiểu tiện thông nhưng vàng và nóng. Xử phương dùng *Long đởm tả can* thang cho uống thêm 8 thang thì tất cả các triệu chứng trước và sau đều hết hẳn, cho xuất viện.

Biện luận: Chứng thận hư nhiễm mỡ theo lý luận chẩn đoán của Tây y cũng có phù mắt, tay chân và toàn thân, Đông y gọi là phù thũng, chứng này theo lý luận của Đông y thì không riêng thận bị bệnh mà liên quan đến 3 tạng: Phế, tỳ, thận. Phương pháp chữa bệnh thận hư nhiễm mỡ này tuy phân chính yếu là kiện tỳ táo thấp, lợi thủy hành khí, nhưng có những diễn biến phức tạp là vừa trị tỳ, trị thận và trị gan, bệnh nhân mới hoàn toàn hết hẳn. Cần suy nghiệm, nghiên cứu kỹ càng thì trị bệnh mới đạt kết quả tốt.

25. BỆNH ÁN THỔ HUYẾT

Bệnh nhân: Vũ Năng B. 49 tuổi, Xí nghiệp xe đạp Cửu Long.

Vọng: Sắc mặt xanh mét.

Văn: Tiếng nói hơi rè.

Vấn: Bệnh nhân khai cách nay 3 tháng, cứ cách nửa tháng lại thấy lợm giọng là thổ (nôn), mỗi lần thổ khoảng 200 - 250ml máu tươi. Đi khám và điều trị bằng Tây y ở các bệnh viện thành phố Hồ Chí Minh làm các xét nghiệm nhưng không tìm ra nguyên nhân bệnh. Đến xin khám và điều trị bằng Đông y.

Thiết mạch: Lục bộ trầm tế vô lực. Riêng hữu quan mạch vi.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Sáu mạch trầm tế vô lực mà bộ hữu quan mạch vi, xét chứng và mạch để chẩn đoán thì đây là trung tiêu tỳ vị khí hư. Công năng của tỳ là thống nhiếp huyết để nuôi tâm. Nay trung tiêu tỳ vị khí hư không thống nhiếp huyết được nên phát sinh ra chứng thổ huyết.

Xử phương: Dùng thang *Bổ trung ích khí* gia Hắc trắc bá diệp, Hạng liên sao đen, Kinh giới sao đen, Tang bạch bì sao mật mỗi vị 12g, A giao sao phồng 12g, Cát cánh 6g, Qua lâu nhân 8g, cho uống liên tục trong 2 tuần thì chứng tỳ hư thổ huyết này hết hẳn.

Nói chung là do tỳ khí hư nhược, mà tỳ khí hư thì phế khí cũng hư theo cho nên dùng Hoàng kỳ bổ phế khí để củng cố vệ biểu Sâm, Thảo bổ tỳ khí hoà trung tiêu, thanh hư nhiệt, Bạch truật kiện tỳ, Đương quy thân bổ huyết, Trần bì lý khí, Thăng ma, Sài hồ thăng thanh dương khí.

Biện luận:

Cũng thời trung khí hư hoặc trung tiêu tỳ vị khí hư có thể phát sinh ra các chứng hạ hãm, mà cũng phát sinh ra chứng thổ huyết, nục huyết, tiện huyết. Vì tỳ vị khí hư không thống nhiếp được huyết, khiến cho huyết vọng hành. Phương châm điều trị là phải ôn bổ tỳ vị, bổ trung ích khí là điều cốt yếu giúp cho trung tiêu tỳ vị, giữ vững công năng thống nhiếp huyết đồng thời làm tròn chức năng vận hoá để thăng bằng cơ thể khỏi bị hạ hãm.

26. BỆNH ÁN NHỨC ĐẦU KINH NIÊN (mạn tính)

Bệnh nhân: Dương Thị B 30 tuổi giáo viên trường Lê Ngọc Hân, Thành phố MT.

Vọng: Sắc mặt tiêu suy.

Văn: Hay thở ra

Vấn: Bệnh nhân khai bị chứng nhức đầu kinh niên đã 3 năm nay, uống đủ thứ thuốc nhưng chỉ hết tạm thời rồi lại tái phát, nhức triền miên. Khi giáng bài nhiều thì đầu nhức lằng lằng khó chịu. Sau khi ăn cơm thấy nhức đầu lâm râm nhiều hơn, khi nào nằm nghỉ thấy đỡ.

Thiết mạch: Hữu quan trầm huyền đại vô lực.

Tả quan huyền sắc hữu lực.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Bệnh này do trung khí tỳ vị hư cho nên mạch hữu quan trầm huyền đại vô lực, bị can mộc khắc tỳ thổ, cho nên thấy mạch tả quan huyền sắc hữu lực, ăn vào thấy đầu nhức nhiều hơn, khi nằm nghỉ thấy đỡ nhức.

Xác định chứng nhức đầu này không phải do phong hàn tà khí gây nên mà do tỳ vị suy nhược, khí uất tam tiêu cho nên khí thanh dương không thông đạt lên dương kinh, khí trọc không hạ giáng xuống được. Như vậy phải dùng phép hoà giải phân thanh, kiện tỳ táo thấp, điều hoà chính khí.

Xử phương: Dùng Hoắc hương chính khí thang gia vị để vừa điều hoà chính khí vừa khu phong, hoà can lý tỳ.

Bài thuốc:

Hoắc hương	8g	Đại phúc bì	8g
Tô tử	8g	Bạch chỉ	8g
Phục linh	8g	Bạch truật	8g
Trần bì	4g	Cát cánh	6g
Hậu phác	6g	Cam thảo	2g
Bán hạ	6g	Đại táo	2 trái
Gừng sống	3 lát		

Gia Mạn kinh tử 8g để phối hợp với Bạch chỉ trị nhức đầu, Phòng phong 6g, Xuyên khung 6g để khu trừ phong tà ứ tắc.

Tác dụng của bài thuốc này chủ trị ngoại cảm phong hàn, nội thương lạnh thấp tà khí, nóng lạnh nhức đầu, trong lòng đầy tức phiền muộn, bụng đau đầy hơi, lợm giọng và nôn, sôi bụng tiết tả, miệng nhạt, rêu lưỡi trắng hoặc sơn lam chướng khí không hợp thủy thổ.

Biện luận: Mạch hữu quan trầm huyền đại vô lực, tả quan huyền hữu cho ta thấy mạch huyền là chủ mạch của can, can dương thịnh khắc tỳ thổ, thổ hư nên sự vận hoá bị sút kém, ăn vào thường thấy đầu nhức lâm râm nhiều hơn, biểu hiện tỳ vị khí hư mất đi chức năng thu nạp và vận hành đồ ăn, tam tiêu bị uất, thanh khí không thăng, trọc khí không giáng phát sinh ứ trệ trọc khí thành nhức đầu cho nên dùng thang Hoắc hương chính khí gia thêm Phòng phong, Xuyên khung, Mạn kinh tử để phối hợp với Bạch chỉ trong đơn để khu tà khai ứ trệ kinh lạc.

27. BỆNH ÁN VIÊM MŨI

Bệnh nhân: Lương Văn B. 35 tuổi phường 4 thành phố MT.

Vọng: Sắc mặt bình thường.

Vấn: Hơi thở nghẹt, hay khịt mũi.

Vấn: Bệnh nhân khai mắc bệnh viêm mũi đã nhiều năm, đã chữa bằng thuốc Tây vừa uống, vừa nhỏ mũi mà không hết, nhất là khi thay đổi thời tiết bệnh lại nặng hơn, mũi nghẹt cứng, đầu nhức.

Thiết mạch: Hữu quan trầm hoạt.

Tả trầm huyền vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý vừa thực vừa hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Bệnh này là do tỳ vị nhiễm khí hàn thấp không giải được, thấp khí thượng nghịch xung lên phế làm cho khí quản bị tắc lấp kinh mạch, thuỷ khí ứ đọng phát sinh nghẹt mũi. Từ đó vì khí uất sinh viêm.

Nguyên do của bệnh này là do tỳ thổ hư, tỳ thổ là mẹ của phế kim, tỳ thổ bị bệnh không vận hành được khí thấp làm hại đến con là phế kim. Phế kim chủ khí nhưng do không được tỳ thổ nuôi dưỡng nên phế kim bị hư, bị can mộc phản khắc, không hoàn thành được chức năng hành khí, bị thấp khí từ thổ thượng nghịch làm tắc lấp khí vận hành nên mũi thường bị khí thấp làm nghẹt từ đó sinh viêm vì phế kim xuất khiếu ở mũi.

Xử phương: Dùng thang *Bổ trung ích khí* gia:

Ké đầu ngựa	12g	Cúc tần	8g
Bạch chỉ	8g	Cát cánh	8g
Xương bồ	8g		

Để tuyên thông phế khiếu, vì phế khai khiếu ở mũi.

Cho bệnh nhân uống liên tục 2 tuần bệnh ổn định.

Biện luận: Tỳ vị nhiễm hàn, thấp khí thượng nghịch xung phế làm tắc lấp kinh mạch, thuỷ khí ứ đọng phát sinh nghẹt mũi, đó là do bộ vị tuần hành của tạng phủ có liên quan đến chỗ xuất khiếu lên mũi làm úng tắc lâu ngày hoá thành viêm.

Lưu ý: Chứng viêm mũi, viêm họng cũng do các triệu chứng này mà phát sinh, cho nên phương pháp trị viêm họng mạn tính cũng dùng phương pháp này gia thêm Huyền sâm, Sinh địa.

28. BỆNH ÁN LAO NHIỆT NỘI THƯƠNG

Bệnh nhân: Nguyễn V. V. cán bộ LHCD tỉnh TG

Vọng: Da mặt xanh mét, thân sắc kém tươi.

Vấn: Tiếng nói khàn đục.

Vấn: Bệnh nhân khai bị bệnh cả năm nay đã chữa nhiều bằng thuốc Tây, Bệnh viện Thống nhất chẩn đoán là viêm màng phổi, trong người thường cảm giác nóng bứt rứt, tay chân mỗi rũ đi đứng hay mệt, thỉnh thoảng có húng hắng ho, có đàm vướng cổ phải khạc luôn, hai lòng bàn tay chân và ngực thường nóng.

Thiêt mạch: Trầm tế sác.

Quy nạp bát cương: Lý hư nhiệt.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ lời khai bệnh nhân và chẩn đoán của Tây y thì đây là chứng lao nhiệt do khí huyết đều hư, thường húng hắng ho không nhiều vì có đàm vướng cổ thường phải khạc mới thấy dễ chịu, đó là vì phế chủ khí, phế khí hư không vận hành được âm dịch hoá thành đàm vướng cổ, tâm huyết hư không tưới nhuận tứ chi và vùng ức tâm cho nên thường thấy nóng âm ỉ, ngũ tâm phiền nhiệt (lòng bàn tay, lòng bàn chân và giữa ngực) ăn uống ngày một kém đi.

Xử phương: Dùng *Hoàng kỳ miết giáp thang* để bổ âm huyết, ích khí bổ tỳ phế, thanh lao nhiệt.

Hoàng kỳ miết giáp thang:

Hoàng kỳ chích, Miết giáp sao giấm, Thiên môn mỗi vị 12g

Địa cốt bì, Tần giao, Phục linh, Sài hồ mỗi vị 8g

Tử uyển, Bán hạ, Tri mẫu, Sinh địa hoàng, Bạch thược, Tang bạch bì, Cam thảo chích mỗi vị 10g.

Đảng sâm, Cát cánh mỗi vị 6g, Nhục quế 4g

Công năng của các vị thuốc trong bài:

Miết giáp, Thiên môn, Bạch thược, Sinh địa, Tri mẫu tư âm bổ thận, tả can phế hoá uất, Hoàng kỳ, Đảng sâm, Nhục quế, Phục linh, Cam thảo chích ích khí cố nguyên, bổ tỳ phế hư. Tang bạch bì, Cát cánh tả phế hoá; Bán hạ, Tử uyển trừ đàm chỉ thấu; Tần giao, Địa cốt bì thanh hư nhiệt, trừ cốt chưng; Sài hồ giải cơ nhiệt, thăng thanh dương.

29. BỆNH ÁN NỘI THƯƠNG (lao nhiệt vì can dương thịnh)

Bệnh nhân: Dương Thái H. 61 - Viện kiểm sát nhân dân TG.

Vọng: Hình sắc tiêu suy, mặt hồng.

Vấn: Hơi thở và tiếng nói mệt nhọc.

Vấn: Bệnh nhân khai cách nay 3 tháng thường thấy suốt đêm mình hâm hấp sốt, ăn ngủ không được, tay chân mình mảy đau như, thỉnh thoảng ăn vào lợm giọng muốn nôn, đã nằm điều trị tại Bệnh viện Thống Nhất mà không thuyên giảm, chuyển về Bệnh viện Đa khoa TG điều trị một thời gian nữa bệnh cũng không thuyên giảm mà ngày càng suy nhược, miệng đắng, lợm giọng muốn nôn thường xuyên, chân tay tê rần, lại thêm chứng cũ là lở rò mạch lươn tái phát, thường rỉ nước vàng. Bệnh viện đa khoa chuyển qua BV - YHDT xin điều trị tiếp với tổng kết bệnh án là thương hàn.

Thiết mạch: Trung huyền sắc hữu lực.

Quy nạp bát cương: Bán biểu bán lý.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Người thường hâm hấp sốt, suốt ngày đêm ăn ngủ không được, cơ thể ngày càng suy nhược, tay chân tê rần, mạch trung huyền sắc hữu lực chứng tỏ thuộc thiếu dương kinh cho nên miệng đắng, thỉnh thoảng ỉn vào lợm giọng muốn nôn, vì can khí uất nhiệt mà can với đởm là biểu lý cho nên bệnh ở thiếu dương kinh có liên quan đến túc quyết âm can, khí nghịch ở can đưa lên thường lợm giọng, đồng thời lỗ rò mạch lược tái phát là vì can dương thịnh, nhiệt cực sinh phong, phong nhiệt làm cho vết thương cũ lỗ rò mạch lược tái phát.

Xử phương: Dùng thang *Thanh tỳ ẩm* để bình can, phá trệ chỉ ẩu, gia: Hà thủ ô bổ thận, Thần thông trừ dương ngược, vì bệnh nhân thấy hâm hấp sốt nhiều hơn là ỉn lạnh cho uống 5 thang thì hâm hấp sốt, miệng đắng, lợm giọng đều bớt, ăn được, ngủ được không còn lợm giọng muốn ới sau khi ăn. Nhưng hâm hấp sốt, nhức trong xương, tê rần ngón tay chân chưa dứt hẳn. Đổi dùng bài *Đơn chi tiêu dao tán* gia Bạch chỉ, Cát cánh để cùng trị lỗ rò mạch lược cho uống 25 thang. Kết quả nóng hâm hấp, đau nhức trong xương, tê rần ngón tay chân dứt hẳn, cho xuất viện.

Công năng của bài *Thanh tỳ ẩm* là hoà giải thiếu dương kinh phù chính khu tà.

Thanh bì	6g	Hậu phác	6g
Sài hồ	8g	Bán hạ chế	6g
Cam thảo	4g	Phục linh	8g
Bạch truật	8g	Thảo quả	3 trái, bỏ vỏ
Gừng sống	5 lát		

Gia:

Hà thủ ô	8g	Thần thông	8g
----------	----	------------	----

Công năng của bài *Tiêu dao tán* là tán uất điều kinh.

Sài hồ	8g	Bạc hà	4g
Đương qui	8g	Bạch thược	8g
Phục linh	8g	Bạch truật	8g
Cam thảo	4g	Chi tử	8g
Đơn bì	8g		

Tác dụng Dương qui, Bạch thược dưỡng huyết; Sài hồ, sơ can tán uất; Bạch truật, Cam thảo, Phục linh kiện tỳ thẩm thấp; Sinh khương hoãn vị; Bạc hà tiêu phong nhiệt; Chi tử, Đơn bì hoà huyết thanh nhiệt.

30. BỆNH ÁN VIÊM TẮC ĐỘNG MẠCH CHI (Thoát thư)

Bệnh nhân: Nguyễn Thị D. 52 tuổi ở phường 7, TP M. T.

Vọng: Hình thể suy nhược.

Vấn: Hơi thở mệt nhọc, hay thở ra.

Vấn: Bệnh nhân khai 3 tháng nay hai bàn tay đau nhức, 10 ngón tay đau âm ỉ ngày đêm, về đêm đau nhức nhiều hơn, ngón tay bị gân co rút lại đau đốn, đồ cứng, co duỗi khó khăn, chi dưới từ hông đến bàn chân cũng đau như dầm, mấy ngón chân cũng đau nhức như mấy ngón tay.

Thiết mạch: Hữu thốn quan trầm nhược.

Tả quan trầm huyền vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý:

Căn cứ theo mạch và lời khai của bệnh nhân thì chứng đau rút ngón tay và ngón chân là do dương khí hư, âm huyết kém, cơ nhục cũng như kinh mạch, lạc mạch bị phong tà xâm nhập làm ngăn trở sự vận hành của khí huyết. Khí không hành thì huyết cũng không lưu thông được, huyết ứ kinh mạch, lạc mạch sinh ra đau nhức và co duỗi khó khăn.

Xử phương: Trước nhất dùng phương pháp khu phong điều khí hoạt huyết, dùng thang *Nhân sâm bại độc* gia Quế chi, Ngũ gia bì, Phòng phong, Bạch chỉ, để khử thấp tà úng tắc kinh lạc, giáng khí hành đàm, phù chính khu tà.

Sau khi cho bệnh nhân uống 6 thang gia vị nhân sâm bại độc, để khử thấp, hành đàm, giáng khí, phù chính khu tà bệnh nhân thấy bớt đau nhức tay chân.

Tái khám mạch đi trầm tế, tay chân bớt co rút, đồ cứng, xử phương dùng thang *Độc hoạt ký sinh* gia Tục đoạn, Nhũ hương, Một dược cho uống 10 thang, bệnh nhân cảm thấy tay chân trở lại bình thường, hoàn toàn hết hẳn co rút đồ cứng nhưng còn mỏi. Tiếp theo đó cho uống bài *Nhân sâm dưỡng vinh* để ôn bổ khí huyết và cho xuất viện.

Bài nhân sâm dưỡng vinh: Chủ trị bổ khí dưỡng huyết

Đảng sâm	12g	Bạch truật	8g
Phục linh	8g	Cam thảo chích	4g
Đương quy	8g	Thục địa	12g
Bạch thược	4g	Hoàng kỳ chích	12g
Nhục quế	4g	Ngũ vị tử	4g
Viễn chí chế	6g	Trần bì	4g
Dại táo	2 trái	Gừng sống	3 lát

31. BỆNH ÁN VIÊM TẮC ĐỘNG MẠCH TAY VÀ CHÂN

Bệnh nhân: Nguyễn T.T. 23 tuổi. CNV Bệnh viện CL.

Vọng: Hai bàn tay và hai bàn chân lạnh ngắt trắng bệch.

Vấn: Tiếng nói và hơi thở bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai mắc bệnh cách nay 3 tháng với triệu chứng ban đầu là ngủ dậy thấy các khớp sưng, đau nhức nhiều và tê đi lại khó khăn, đêm thường hay nhức các khớp, ăn ngủ kém, da hai bàn tay và hai bàn chân trắng toát lạnh ngắt như ngâm vào nước đá đồng thời đau nhức; 10 ngón tay, 10 ngón chân ngứa, sưng, nhức, tím, nhức khớp vai và khớp ngón nhiều, tiêu tiểu bình thường.

Thiết mạch: Trầm tế vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ theo lời khai của bệnh nhân và hiện trạng lâm sàng thì vì cơ thể bệnh nhân suy yếu, cảm nhiễm phong thấp, tà truyền vào dinh phận làm úng tắc kinh mạch và lạc mạch, khí huyết không vận hành được làm cho dinh vệ bất hoà, khí huyết bất điều, huyết không nuôi gân được (huyết bất dinh cân), thiết mạch thấy trầm tế vô lực, chứng tỏ bệnh này do nội thương chính khí hư, tỳ là chủ cơ nhục, chủ tứ chi mà hai bàn tay và hai bàn chân ngón tay, chân đều trắng toát lạnh ngắt tê nhức chứng tỏ công năng vận hoá của tỳ đã bị phong hàn thấp tà úng tắc kinh mạch làm cản trở sự lưu thông huyết mạch, không đủ huyết nuôi chi nên mới phát sinh chứng viêm tắc động mạch chi.

Xử phương: Căn cứ thiết chẩn và vấn chẩn, bệnh này là do nội thương cơ thể suy yếu, cảm nhiễm phong hàn thấp tà làm úng tắc kinh lạc. Trước dùng thang *Nhân sâm bại độc gia* Phòng phong, Bạch chỉ để khu phong trừ thấp trong kinh lạc lại vừa bổ khí, kế đó cho uống xen thang *Hoắc hương chính khí* gia Hương phụ, Xương bồ để điều hoà chính khí. Xem mạch thấy mạch trầm tế vô lực là chủ yếu chính khí hư cho uống gián phục như thế trọng 2 tuần, bệnh nhân thấy các khớp bớt đau, tay chân bớt lạnh. Đổi dùng *Bổ trung ích khí thang* gia Thiên niên kiện, Mộc qua, Độc hoạt, Tần giao, Quế chi cho uống 1 thang thì hai bàn tay hai bàn chân có máu lưu thông được bớt lạnh, đỡ da thâm thối gần bình thường trở lại, hết nhức khớp ngón tay và khớp ngón chân chỉ còn mỏi.

Tái khám thấy mạch trầm tế, đổi dùng thang *Độc hoạt ký sinh* gia Tục đoạn cho uống 6 thang bệnh ổn định.

32. BỆNH ÁN SUY NHƯỢC CƠ THỂ (Do can dương thịnh khắc tỳ thổ)

Bệnh nhân: Nguyễn T.K.D 40 tuổi cán bộ Xí nghiệp Liên Hiệp Dừa TG.

Vọng: Thân sắc mặt vàng, người mệt mỏi.

Vấn: Thanh âm nhỏ, nói nhiều.

Vấn: Bệnh nhân khai, trước đau đầu bên trái, hai tháng sau lan xuống hai bên vai, xuống lưng, nhức mỏi toàn thân, miệng đắng, hay ớn lạnh, ăn vào ới ra, ngủ hay mơ, hay hoảng hốt, sợ tiếng động, tức ngực, hay mệt, hay ngắt xỉu. Đã

điều trị Tây y 1 tháng nhưng bệnh không giảm, sức khoẻ ngày một suy sụp dần, trí nhớ ngày một kém suy.

Thiết mạch: Trâm huyền vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ lời khai của bệnh nhân là bệnh khởi phát đau đầu bên trái, sau lan xuống vai lưng, nhức mỏi toàn thân, miệng đắng hay ớn lạnh, ăn vào thường ói ra, ngủ hay nằm mơ, hay hốt hoảng sợ tiếng động, hay mệt, ngất xỉu, mạch trâm huyền vô lực. Xét các triệu chứng trên thì bệnh này tuy đã lâu nhưng vì thất trị đã truyền vào túc thiếu dương và túc quyết âm can kinh, và tiềm phục ở đó cho nên có triệu chứng thường ớn lạnh, miệng đắng hay nôn ọe, ăn vào hay bị ói, vì can khí thượng nghịch, làm tức lồng ngực, ngủ hay nằm mơ, hay hoảng hốt sợ hãi, vì túc thiếu dương đởm là trung thanh chi phủ, nay ngoại tà tiềm phục nơi thiếu dương kinh thì túc quyết âm can cũng bị vạ lây (mẫu bệnh cấp tử, tử bệnh phạm mẫu) trí nhớ ngày một kém suy, hay quên.

Xử phương: Dùng thang *Thanh tỳ gia Hà thủ ô*, Thần thông mỗi vị 8g để hoá giải tà tiềm phục nơi thiếu dương và quyết âm, đồng thời bình được can mộc thì tà tự giải.

Thanh tỳ thang:

Thanh bì	6g	Hậu phác	6g
Sài hồ	8g	Hoàng cầm	6g
Bán hạ chế	6g	Cam thảo bắc	2g
Phục linh	8g	Bạch truật	8g
Thảo quả	3 trái	Thần thông	8g
Hà thủ ô	10g	Gừng lùi	5 lát

Cho uống 12 thang hết ớn lạnh, miệng hết đắng, hết nôn ọe, ăn chưa được nhiều nhưng ăn vào hết ói. Triệu chứng còn hay mệt, ngủ hay nằm mơ, sợ tiếng động, dùng thang *Quy tỳ gia Tơ hồng vàng*, Câu đằng, Xương bồ, Trinh nữ.

Tác dụng bài Thanh tỳ: chủ trị ăn uống không điều độ, nhiều đồ sống lạnh, ngoại cảm thử khí, hoặc sơn lam chương khí khiến cho tỳ hư hung cách bí muộn, đầu mắt mờ đau, thân thể mỏi mệt rã rời, ố hàn, phát nhiệt, miệng đắng, cổ khô, tiểu tiện vàng đỏ hoặc hàn nhiệt vãng lai, lưỡi đóng rêu trắng, mạch trung huyền sắc.

Biện luận: Bệnh này khi mới vào xin điều trị thì bệnh nhân khai rất phức tạp do cơn bệnh hành hạ nên tâm thần không ổn định, nhưng xét theo chủ chứng chủ mạch là bệnh ở túc thiếu dương và túc quyết âm can. Sở dĩ dùng bài Thanh tỳ gia vị là để thanh lọc tà khí của tỳ, ức chế can kinh, can bị tỳ ức chế thì có liên quan đến túc thiếu dương đởm là trung thanh chi phủ cho nên trước dùng thang Thanh tỳ để bình can, hoà can bệnh được ổn định. Can bị bệnh thì có liên quan đến Tâm cho nên biểu hiện triệu chứng hay mệt, hay ngất xỉu, hay nằm mơ, hay hoảng hốt, sợ tiếng động nên dùng thang Quy tỳ gia vị để bổ tâm tỳ hết nằm mơ hoảng hốt.

33. BỆNH ÁN VIÊM MŨI DỊ ỨNG

Bệnh nhân: Phan Thị Phùng T. 28 tuổi CNV Sở Công nghiệp TG.

Vọng: Thần sắc bình thường, mũi thường chảy nước trong.

Vấn: Tiếng nói đục.

Vấn: Bệnh nhân khai trước kia thường xuyên bị sổ mũi, chảy nước mũi mỗi buổi sáng sớm, sau chảy nước mũi thường xuyên, đi chữa Tây y cho thuốc uống và thuốc nhỏ mũi có bột nhưng không hết hẳn. Cách nay 2 tháng, bệnh tái phát nặng hơn sáng ngủ dậy chảy nước mũi liên tục. Nước mũi trong chảy xuống phải có khăn mùi xoa lau, trong một buổi ướt cả cái khăn, thêm chứng sôi bụng hàng ngày.

Thiết mạch: Trầm tế vô lực

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ lời khai của bệnh nhân và mạch thì bệnh này phát sinh là do phế khí hư. Phế chủ khí, mà phế khí hư thì công năng chủ khí của phế bị chướng ngại, biểu hiện chủ yếu là bệnh ở bộ phận hô hấp xuất hiện ho suyễn, sổ mũi, chảy mũi. Phế chủ sự lắng dịu, giờ đây phế mất đi sự lắng dịu làm ảnh hưởng đến sự chuyển hoá của thủy dịch, sự quan hệ giữa tỳ với phế trong công năng vận hoá theo quy luật tương sinh thì phế hư phải chữa ở tỳ vì tỳ thổ sinh phế kim con hư bổ mẹ thì mới đạt hiệu quả tốt.

Xử phương: Dùng thang *Bổ trung ích khí* gia Cát cánh, Tiên hồ, Bạch chỉ, Kế đầu ngựa, Cúc tần cho uống luôn 20 thang thì hết hắt hơi, sổ mũi nước trong kinh niên được ổn định.

Biện luận: Bệnh viêm mũi dị ứng này đã nhiều ngày đã từng trị bằng Tây y không khỏi. Xem mạch thấy trầm tế vô lực là trung khí hư. Trung khí thuộc trung tiêu tỳ vị hư.

Như vậy bệnh viêm mũi dị ứng thì mũi khai khiêu của phế. Vì phế khí hư không làm chủ được khí nên mới phát sinh chứng sổ mũi, hắt hơi chảy nước mũi vào buổi sáng nhiều hơn. Xét mạch và chứng thì có liên quan đến tỳ cho nên dùng thang *Bổ trung ích khí* gia vị trị bệnh được lành là xử phương đúng theo nguyên tắc tương sinh của học thuyết ngũ hành.

34. BỆNH ÁN PHONG THẤP (nhức mỏi tê rần vai và cánh tay)

Bệnh nhân: Nguyễn Thị M. 46 tuổi xã TP.

Vọng: Sắc mặt xanh mét người uể oải.

Vấn: Tiếng nói và hơi thở nhỏ yếu.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát cách nay nửa năm bệnh nhân thấy nhức mỏi vai trái, kèm theo có cảm giác tê rần mặt ngoài cánh tay, chủ yếu là mỗi khi cánh tay trái không cử động, lúc có cử động thì hết mỏi, đồng thời từ thắt lưng xuống đến chân cũng tê mỏi.

Thiết mạch: Trầm hoạt hữu lực.

Quy nạp bát cương: Lý tích.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ mạch trầm hoạt hữu lực và các chứng trạng bệnh nhân nhức mỗi tê rần mặt ngoài cánh tay, chủ yếu là mỗi khi cánh tay trái không cử động, lúc cử động thì hết mỗi, đồng thời từ thắt lưng xuống đến chân cũng tê rần và nhức mỗi là triệu chứng tích do khí huyết bị phong tà truyền vào lý tiềm phục ứ tắc sự vận hành khí huyết của kinh mạch và lạc mạch gây cảm giác tê rần nhức mỗi vai trái, bên trái thuộc thủ thiếu âm tâm, thủ thái dương tiểu trường cùng can đởm thận chủ huyết. Đường kinh mạch và lạc mạch của thủ thái dương tiểu trường và thủ thiếu âm tâm đi qua theo cánh tay trái bên bả vai để liên lạc với các kinh mạch khác. Do phong tà tiềm phục ứ tắc khí huyết không vận hành được cho nên phát sinh chứng tê rần nhức mỗi vai và cánh tay trái. Khi có cử động tay trái thì thấy bớt mỗi nhờ sự vận động giúp cho máu trong cân mạch vận hành được.

Xử phương: Trước tiên cho uống thang *Nhân sâm bại độc gia vị* gia Lá lốt, Phòng phong, Bạch chỉ, Mộc qua, Phòng kỷ để khai thông kinh mạch, khu tà ứ tắc, cho uống 20 thang. Bệnh nhân thấy dễ chịu, bớt tê rần và đau nhức vai. Bệnh nhân đau lâu ngày khí huyết kém suy, đổi dùng thang *Độc hoạt ký sinh* để vừa thông kinh hoạt huyết vừa bổ khí bổ huyết cho uống thêm 20 thang nữa, bệnh nhân lành hẳn.

35. BỆNH ÁN ĐAU SƯỜN VÚ (Hung hiệp thống)

Bệnh nhân: Nguyễn Thị T. 26 tuổi CNV phường 8

Vọng: Da xanh mét, người uể oải.

Văn: Tiếng nói và hơi thở yếu.

Vấn: Bệnh nhân khai thường đau khắp phần ức bên phải, sườn vú phải và vùng xung quanh. Đau ngày càng tăng lên mỗi khi hít vào và cử động mạnh cánh tay phải. Sau đó sưng ở chỗ đau bệnh nhân đến điều trị tại khoa ung bướu Bệnh viện Bình Dân. Sau khi điều trị hết sưng nhưng bệnh nhân vẫn còn đau nên vào Bệnh viện Trần Hưng Đạo khám và điều trị với chẩn đoán là phong thấp. Cho đến nay bệnh nhân vẫn còn đau sườn vú bên phải, đau nhiều khi hít vào, nhức đầu liên tục vùng đỉnh, thỉnh thoảng mệt, thở vào cảm giác thiếu hơi, cơn đau lấn sang sườn trái, có huyết trắng (khí hư) nhiều hơn.

Thiết mạch: Trầm hoãn

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào lời khai của bệnh nhân đây là bệnh chứng thuộc về kinh tức thiếu dương và tức quyết âm can, vì kinh mạch của tức thiếu dương và tức quyết âm can đi ngang qua ức sườn vú, cho nên bệnh nhân đau nhức nhiều khi hít vào do khí đầy làm căng cân mạch thiếu dương và quyết âm. Nhức đầu liên tục trên vùng đỉnh đầu, vì vùng đỉnh đầu thuộc tức quyết âm can kinh. Có huyết trắng (khí hư) nhiều mà hơi vì thấp khí đình trệ, thanh khí không thăng, trọc khí không giáng, nên sinh bạch đới. Xét thấy mạch hoãn thuộc thấp. Sáu bộ đều hoãn và xuất hiện các triệu chứng trên là do can tỳ mà ra. Mạch

hoãn thấy ở bộ tả quan là can hư không bình được thổ, thấp thổ ức chế can mộc, phong không thắng thấp được cho nên phát sinh ra chứng đau ức và sườn vú, đồng thời phát sinh bạch đới hạ đàm dễ mà thôi.

Xử phương: Trước hết hoà giải can tỳ dùng thang *Hoắc hương chính khí* gia Xương bồ, Thanh bì, Mẫu lệ nướng, Mộc nang nướng, Mạn kinh tử để trừ thấp phân thanh cho uống 9 thang, đau nhức bên ngực vú bớt lạnh, nhức hai chân hết, chóng mặt và huyết trắng hết, nhức đầu vùng đỉnh hết, còn lại hít vào đau. Xem lại mạch thấy tả quan đi huyền, hữu quan trì hoãn. Bệnh lâu ngày trung khí hư, tuy các chứng trạng trên bớt và hết còn chứng khi thở hít thỉnh thoảng như thiếu hơi, đổi dùng bài *Bổ trung ích khí* thang gia Xương bồ, Phòng phong, Khương hoạt, Xuyên khung, Bạch chỉ để phòng phong thấp tái phát. Bệnh nhân khỏi hẳn.

36. BỆNH ÁN ĐÁI RA MÁU (Huyết lâm)

Bệnh nhân: Trần Thị Y 26 tuổi CNV phòng quản lý nhà đất thành phố MT.

Vọng: Thân sắc ử rữ.

Văn: Tiếng rên rĩ thường xuyên.

Vấn: Theo tổng kết bệnh án của BV Đa khoa TP MT thì bệnh nhân bị đái ra máu, bụng dưới đau dữ dội, tiểu tiện nhiều lần nhưng đi tiểu không thông, lượng nước tiểu ít, có lẫn máu tươi, mỗi lần mót tiểu không nín được nhưng đi gắt, đau nhức, khó chịu. Bệnh nhân thường hay ớn lạnh, mệt mỏi có lúc vật vã rên rĩ. Suốt thời gian điều trị 6 ngày tại BV Đa khoa TP MT thấy ngày một nặng thêm, kèm sốt, tiểu gắt, đau bụng dưới, nước tiểu có máu và có lúc lẫn trắng đục như sữa.

Thiết mạch: Trầm huyền sắc hữu lực.

Quy nạp bát cương: Lý nhiệt.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào giấy chuyển viện và lời khai của bệnh nhân cùng chẩn mạch thì đây là chứng huyết lâm do thấp nhiệt úng tắc tức thái dương bàng quang và tức thiếu âm thận cho nên phát sinh hội chứng ung (viêm) thận và bàng quang làm cho sự vận hành thủy khí của thận mất đi, cho nên tiểu gắt đau, bàng quang với thận là biểu lý cùng chịu ảnh hưởng mất đi chức năng bài tiết, bàng quang bị thấp nhiệt dồn xuống làm cản trở sự bài tiết, thủy khí không trơn chảy, tiểu tiện không thuận lợi, do đó sinh ra chứng đau bụng dưới, đái buốt, đát gắt, vì thấp nhiệt uất kết nhiều quá bàng quang bị ung (viêm) nên đái ra máu. Mạch trầm hoạt sắc là biểu hiện dương thịnh âm hư.

Xử phương: Dùng thang *Lục vị địa hoàng* gia:

Ngưu tất	12g	Xa tiền	12g
Rễ tranh	10g	Kinh giới sao đen	10g
Hạ liên thảo sao đen	10g	A giao	10g

Để tư âm lương huyết, lợi thủy, trừ thấp nhiệt, đồng thời giúp cho thận phục hồi chức năng bài tiết thủy dịch.

Cho uống 3 thang bệnh nhân hết đau bụng, đi tiểu hết đỏ hết gắt, nước tiểu trong, thể trạng trở lại bình thường. Tiếp tục cho uống liên tục 10 thang như trên bệnh nhân hết hẳn.

Tái khám thấy mạch đi trầm hoãn cho uống thêm 3 thang *Lục vị địa hoàng* đổi Sinh địa dùng Thục địa gia Ngưu tất, Xa tiền bệnh hoàn toàn hết hẳn cho xuất viện.

37. BỆNH ÁN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG (Tiêu khát)

Bệnh nhân: Lê Minh Ch. 35 tuổi phường 8 quận 6 TP.HCM.

Vọng: Hình sắc bình thường.

Văn: Tiếng nói bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai bị bệnh đái tháo đường đã đi điều trị nhiều nơi nhưng bệnh ngày càng tăng không giảm, đường huyết 2,85g/lít.

Thiết mạch: Mạch trầm hoạt.

Quy nạp bát cương: Lý âm hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ lời khai của bệnh nhân là đái tháo đường đã đi điều trị nhiều nơi bằng Tây y nhưng không giảm càng ngày càng nặng thêm. Xét nghiệm đường huyết 2,85g/lít. Bệnh nhân xin điều trị Đông y là hy vọng cuối cùng.

Xử phương: Vận dụng kinh nghiệm của YHCT qua các vị thuốc: Cỏ sữa đồ nhỏ lá 40g, cây Râu mèo 30g. Sau có thêm vỏ Sầu riêng và Hoài sơn mỗi vị 20g phối hợp các vị trên sắc uống liên tục trong 3 tháng, mỗi ngày ăn một Lá lách heo với hình thức nấu lấy nước uống xong còn lách thì xào hoặc nấu canh.

Trị trong 3 tháng bệnh giảm dần với xét nghiệm đường niệu âm tính, đường huyết xuống còn từ 0,85 đến 1,2g/lít.

38. BỆNH ÁN HẠC TẤT PHONG

Bệnh nhân: Nguyễn Thành Nh 13 tuổi học sinh.

Vọng: Người ốm, sưng ở đầu gối, không đi đứng được.

Văn: Hơi thở và tiếng nói nhỏ yếu vì đau nhức.

Vấn: Người nhà bệnh nhân khai cách đây 1 tháng, triệu chứng ban đầu là nóng sốt, đau sưng các khớp cổ chân, đau cứng cả khớp bàn chân dần đến hai đầu gối, một bên sưng nhiều, một bên sưng ít, bệnh nhân bắt đầu không đi đứng được. Đầu gối bên trái sưng to và cơ bắp chân bắt đầu teo nhỏ dần, đã điều trị Tây y bệnh không thuyên giảm. Nên đến xin điều trị đông y.

Thiết mạch: Trầm huyền sắc.

Quy nạp bát cương: Lý thực nhiệt.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ triệu chứng và mạch thì bệnh này lúc đầu cảm nhiễm phong thấp, do thất trị nên truyền vào túc thiếu dương kinh và

túc quyết âm can kinh. Mạch huyền sắc là chủ mạch của can đởm. Đầu gối lại là chỗ kinh mạch của can đởm đi qua, vòng quanh khoeo chân đi xuống bắp chân. Lúc mới phát bệnh thì bệnh nhân có sốt rồi đau sưng các khớp cổ chân, khớp cổ tay. Vì thất trị để phong thấp tà truyền vào túc thiếu dương và túc quyết âm, phong thấp tà úng tắc hoá thành thấp nhiệt mà can kinh phải thụ bệnh nên phát sinh đầu gối sưng đau, bắp chân bắt đầu teo; chứng này nếu trị không hết thì hai chân sẽ teo cơ giống như chân hạc, tiểu tiện nóng gắt nên mới gọi là hạc tất phong.

Xử phương: Do can kinh bị thấp nhiệt làm sưng đầu gối, hai chân không co duỗi được, phải dùng phương pháp tả can hỏa, lợi tiểu, trừ thấp nhiệt, dùng bài *Long đởm tả can* để trừ can kinh thấp nhiệt:

Long đởm thảo	12g	Sài hồ	8g
Hoàng cầm rửa rượu	8g	Xa tiên tử	12g
Sinh địa	12g	Mộc thông	8g
Trạch tả	8g	Đương quy	8g
Chi tử sao	8g		

Sắc cho uống 3 thang, các khớp và đầu gối bớt sưng, bớt đáí gát nóng.

Ngoài dùng rau Giấp cá giã nhuyễn xào giấm bó hai đầu gối. Điều trị theo phương pháp như trên trong 5 ngày thì hiện tượng sưng gối, đáí gát bớt nhiều. Đổi dùng thang *Mộc qua phòng kỷ gia giảm*:

Mộc qua	8g	Phòng kỷ	8g
Ngưu tất	8g	Ngũ gia bì	6g
Thiên niên kiện	6g	Lá lốt	10g
Ý dĩ	20g	Phục linh	8g
Xuyên khung	6g		

Cho uống 9 thang thì các khớp chân, đầu gối hết sưng, nhưng còn mõi, đi đứng ăn uống bình thường, tiểu tiện bình thường.

Xem lại mạch thấy đi trầm hoãn dùng thang *Bổ trung ích khí* gia:

Mộc qua	8g	Ý dĩ	20g
Phòng kỷ	6g		

Cho uống 6 thang nữa bệnh nhân bình phục, cho xuất viện.

Biện luận: Chứng này sở dĩ phát sinh là vì cảm phải phong thấp thất trị truyền kinh vào túc thiếu dương và túc quyết âm, phong thấp tà úng tắc can đởm kinh mạch hoá nhiệt cho nên đầu gối sưng to đau nhức, không đi đứng được, căn cứ theo mạch và chứng do thấp tà uất kết lượng khí huyết không lưu thông lợi xuống hạ chi mà phát sinh ra đáí gát lượng nước tiểu ít, hạ chi bị teo cơ dần dần. Nên trước dùng thang *Long đởm tả can* để khu trừ can kinh thấp nhiệt, đồng thời dùng rau Giấp cá giã nhỏ xào giấm, bó hai đầu gối để trừ thấp nhiệt kết tụ sinh sưng. Kế tiếp dùng thang *Mộc qua Phòng kỷ gia giảm* có công năng trừ thấp, sau

cùng khi bệnh đã lui dùng thang Bổ trung ích khí gia Mộc qua, Phòng kỷ, Ý dĩ để bồi dưỡng cơ bắp hạ chi bị teo, bệnh nhân hết bệnh trở lại bình thường.

39. BỆNH ÁN CHỨNG TIẾT TẢ

Chứng tiết tả là nước ở tiểu trường không hấp thu được cùng với cơm nước đều dồn xuống cả đại trường mà sinh ra đi tả, cho nên đi tả thì tiểu tiện không lợi. Về phân loại chứng này chia ra phong hàn, thủ, thấp, táo, hoả, đàm nhiệt, nhưng phần nhiều do bị hàn tà, còn nhiệt tả bị ít. Về cách chữa chỉ cần thẩm thấp, táo tỳ làm chủ, như dùng các bài *Tứ linh, Ngũ linh, Hoắc hương chính khí* gia Kha tử, Nhục đậu khấu.

Ngoài các chứng trên còn có 3 chứng hư: Nội thương, ẩm thực là tỳ hư, do sắc đục là thận hư, hay cáu gắt giận dữ là can hư, nhưng chứng can tả có ít mà tỳ tả nhiều hơn, kể đó là thận tả hay ngũ canh tiết tả. Về phép chữa nên thẩm thấp, táo tỳ ôn thận. Phải đề dặt tùy theo trạng thái bệnh, không nên chấp nệ, chỉ dùng chất tân ôn, táo thấp giúp cho hoả làm tiêu hao âm khí. Cho nên chứng hư tả lâu ngày hư quá chỉ nên kiện tỳ, bổ mệnh môn tưỡng hoả làm chủ.

Thận là cửa ngõ của vị cũng là tiền đồn bảo vệ tỳ thổ, khai khiếu ra hai đường đại và tiểu tiện, chủ việc bế tàng, cho nên chứng đại trường viêm mạn tính thường hay phát sinh chứng tiết tả, hay chứng mệnh môn tưỡng hoả hư, phát sinh chứng canh năm tiết tả thì phải dùng Tứ thần hoàn mới cứu khốn phò nguy được là:

Phá cố chỉ tẩm nước muối sao 160g

Nhục đậu khấu nướng bỏ vỏ 120g

Ngô thù du tẩm nước muối sao 40g

Ngũ vị tử 120g hợp lại làm hoàn hoặc thuốc thang cho uống.

Sau khi tiết tả đã ổn định, xét chứng nếu nhẹ thì dùng bài *Sâm linh bạch truật tán* cho điều dưỡng. Nặng thì dùng bài *Bát vị địa hoàng* gia. Phá cố chỉ sao rượu.

Dưới đây là bệnh án vừa là viêm đại tràng mạn tính vừa là canh năm tiết tả đã trị lành.

Bệnh nhân: Vương Văn Kh 60 tuổi, ở phường 7 TP MT.

Vọng: Người gầy, thần sắc xanh mét, mệt mỏi.

Văn: Tiếng nói yếu, kém hơi.

Vấn: Bệnh nhân khai bị chứng tiêu phân sệt đã lâu, nhưng cách đây 2 tháng sáng sớm canh năm mỗi ngày đều bị đi tiêu lỏng, rồi ngày nào cũng đi tiêu chảy nhiều lần. Đau bụng dưới, ăn khó tiêu. Sức khỏe ngày càng giảm sút, biếng ăn, biếng nói, tay chân bủn rủn mất lực đã trị nhiều bằng thuốc Tây y không khỏi.

Thiết mạch: Lực mạch trầm tế vô lực, hai bộ xích dĩ vi.

Quy nạp bát cương: Lý dương hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ theo mạch lục bộ trầm tế vô lực, 2 bộ xích đi vi, thường tiêu lỏng mỗi ngày vào thời điểm canh năm, chứng tỏ lúc đầu tỳ hư tiêu phân sệt, mà tỳ hư thường đi tiêu phân sệt là do mệnh môn tướng hỏa đã bị hư, không làm tròn chức năng tảo thấp vị. Lâu ngày thận hỏa càng hư phát sinh thêm chứng canh năm đi tiêu lỏng và đưa đến lách to.

Xử phương: Trước nhất là kiện tỳ, tảo thấp, ôn bổ thận dương, dùng *Hoắc hương chính khí thang* gia Kha tử, Nhục khấu cho uống kèm với *Tứ thân hoàn* cho uống 10 thang bệnh nhân hết tiêu lỏng vào canh năm, ăn được còn ngủ kém, còn đau vùng bụng dưới. **Xử phương:** dùng *Hoắc hương chính khí thang* gia Xương bồ, Nghệ, Hương phụ cho uống 3 thang bệnh nhân hết đau vùng bụng dưới, tiêu tiểu trở lại bình thường. Nhưng lách to và xét nghiệm máu có ký sinh trùng sốt rét, đổi dùng thang *Thanh tỳ ẩm* gia Hà thủ ô, Thần thông, Nhân trần, bệnh ổn định cho xuất viện, tiếp tục bồi dưỡng ở ngoại trú.

Nếu dùng thuốc sắc Tứ thân hoàn hoặc phối hợp cùng với thang Hoắc hương chính khí thì lượng như sau:

Phá cố chỉ	8g	Nhục khấu	6g
Ngũ vị tử	8g	Ngô thù du	4g

40. BỆNH AN KIẾT LY TIẾT TẢ (Kiết ly biến chứng sinh tiết tả)

Bệnh nhân: Vũ Ph 44 tuổi, Nhà văn Hội văn nghệ TG.

Vọng: Thần sắc tiêu tụy, tay chân uể oải, mệt.

Văn: Tiếng nói nhỏ yếu, mất tiếng.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát cách đây 4 tháng với các triệu chứng đi cầu phân nhão, mót rặn, có khi đi cầu không ra phân mà ra bọt có lẫn máu nhầy mũi. Từ 1 giờ đến 2 giờ sáng bụng sôi bắt đi cầu. Sau đó tiếp tục sôi ít và đi cầu suốt ngày, ăn không được. Hai tai ù nghe không rõ tiếng, tay chân uể oải, mệt nói không ra tiếng đã điều trị 2 tháng bằng Emetin có thủ phân, thủ máu, chụp phim cho biết là bệnh nhân bị bệnh ly.

Tiền sử cách đây 2 năm bệnh nhân có bị chứng trầm hàn cố lãnh, từ nửa đêm tới sáng là lên cơn sốt lạnh. Sau chữa bằng YHDT mới thuyên giảm.

Thiết mạch: Trầm tế vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Xét các triệu chứng trên và thiết mạch thấy 6 bộ trầm tế vô lực là thuộc chính khí hư, mà chính khí hư là tỳ dương và tỳ âm đều hư. Bệnh lâu ngày chữa không khỏi thì chính khí càng suy sụp thêm, khiến cho bệnh nhân kiệt sức, tiếng nói hỏn hển mất tiếng, tay chân bất lực, bủn rủn, mà hàng ngày lại đi cầu nhiều lần, mót rặn ra nhầy mũi máu. Tây y đã dùng Emetin 20 ngày cả truyền dịch mà không khỏi, thì thấy rằng do tỳ khí quá hư không kiện vận được.

Tỳ không kiện vận được không thể dùng thuốc thông lợi công hạ được mà phải bồi dưỡng chính khí gia vào các vị cổ sáp như Túc xác, Nhục khấu, Kha tử, giải độc như Kim ngân hoa.

Xử phương: Dùng thang *Hoắc hương gia vị* Túc xác 4g, Kim ngân hoa 20g, Nhục khấu 6g, Kha tử 6g, sắc thuốc xong rót ra chén đổ thêm vào 2 muống đường cát khuấy đều cho uống. Cho uống 3 thang, tái khám bệnh nhân thấy bớt đi cầu, bớt mót rặn. Cho uống tiếp thêm 4 thang nữa thì hết mót rặn, phân hết nhầy mũi máu nhưng còn tiêu phân sệt.

Tái khám thấy mạch đi trầm hoãn, tiếng nói của bệnh nhân hết run và có âm thanh tốt bình thường thêm thần sắc tươi tỉnh trở lại nhưng còn sôi bụng.

Xử phương tiếp thang *Hoắc hương chính khí* bỏ Túc xác, Kim ngân hoa, gia Thương truật 6g, Phá cố chỉ 8g, Nhục khấu 6g, Ngũ vị tử 2g cho uống liên tục 6 thang, đường tiêu hoá tốt nhưng bệnh nhân khai là hai chân, hai tay tê rần, nặng nề, rốn đau quặn. Xử phương dùng thang *Hoắc hương chính khí* bỏ Bạch truật gia Thương truật, Bạch thực sao, Ý dĩ, Mộc qua, Lá lốt, Phòng kỷ, Phòng phong cho uống liên tục 10 thang thì các chứng tê rần nặng nề tay chân khỏi hẳn.

41. BỆNH AN ĐAU DẠ DÀY

Bệnh nhân: Bùi Văn Q 73 tuổi tỉnh TG.

Vọng: Thân sắc tái mét.

Văn: Tiếng nói nhỏ yếu.

Vấn: Bệnh nhân khai thường choáng váng đau vùng thượng vị hay ợ chua, ra nước chua, nấc cụt, đau từng cơn, nếu ăn hay uống nước vào thấy giảm đau. Sau đó lại tiếp tục đau trở lại. Trong những cơn đau như thế thường kèm thêm tiểu gắt, tiểu khó. Ngoài các chứng kể trên còn lại choáng váng, chóng mặt, khó chịu. Đã điều trị Tây y không khỏi nên đến điều trị Đông y. Tiền sử bệnh nhân mắc chứng đau dạ dày đã 10 năm và kèm tăng huyết áp hơn 5 năm nay, thường mờ mắt.

Thiết mạch: Trầm hoạt đại

Quy nạp bát cương: Lý thực tích.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Dựa vào quá trình bệnh lý thì bệnh nhân có tiền sử đau dạ dày đã 10 năm, lại thêm chứng tăng huyết áp cũng đã 5 năm nay, thường xuất hiện các triệu chứng đau vùng thượng vị, ợ chua, miệng thường chua, choáng váng, mắt mờ, ngủ ít, tiểu khó, tiêu bón, mạch trầm hoạt đại là chứng lý thực tích, mặc dầu bệnh kinh niên nhưng căn cứ vào mạch thì đây là chứng can dương thịnh lẫn át tỳ thổ khắc chế tỳ vị truyền biến vị chua vào tỳ vị thái quá làm thừa chất chua ở trong vị, mất thăng bằng công năng vận hoá của tỳ và chức năng tiếp thu đồ ăn của vị cho nên thường bị nấc cụt, đau từng cơn, nếu có ăn hoặc uống chút ít nước thì dịu cơn đau, sau đó lại tiếp tục đau trở lại. Trong những cơn đau như thế lại kèm thêm tiểu gắt, tiểu khó đã biểu hiện rõ ràng chứng tích tụ đàm hoả ở vị nên biểu hiện mạch hoạt là đàm, đại là hoả tích ở vị, kinh mạch ở trường vị dẫn xuống hạ tiêu bị bế tắc cho nên trong cơn đau thường

bị tiểu gắt, tiểu khó, đồng thời bị chứng tăng huyết áp vì mất thăng bằng của hệ thống tam tiêu, thanh dương không thượng thăng trợ âm không hạ giáng được nên phát sinh chứng tăng huyết áp.

Xử phương: Căn cứ vào các chứng trạng nêu trên, xử phương dùng thang *Hoắc hương chính khí* có công năng hoà giải thanh trợ, điều hoà chính khí tỳ vị, kiện tỳ trừ thấp gia Ô tặc cốt nướng 12g để ức chế chất chua từ can mộc tiết ra thái quá ở trường vị, Câu đằng 10g, Địa long 10g, Thảo quyết minh 10g, Cúc hoa 10g, Ngưu tất 10g để thanh can bình can, Xa tiền 8g, Rễ tranh 8g lợi tiểu thông lâm cho uống liên tục 30 thang, bệnh tình ổn định, các triệu chứng choáng váng, chóng mặt hết, hết ợ chua, hết đau vùng thượng vị.

Tái khám: thấy mạch đi trầm hoãn đổi dùng thang *Bổ trung ích khí* gia Câu đằng, Địa long, Ngưu tất, Ô tặc cốt nướng cho uống tiếp bệnh nhân thấy trong người trở lại bình thường xin xuất viện.

42. BỆNH ÁN HOÀNG ĐÀM

Bệnh nhân: Huỳnh Văn CH 63 tuổi ở ấp Mỹ An xã Nhị Mỹ.

Vọng: Thần sắc uể oải, da mặt đều vàng sáng tươi.

Vấn: Hơi thở bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai có cảm giác lúc nóng, lúc lạnh kéo dài cả năm đã điều trị bằng Tây y 6 tháng không thuyên giảm, bệnh kéo dài đến nay vẫn một triệu chứng ớn lạnh dọc xương sống, rồi kể đó lạnh toàn thân, bệnh nhân phải hơ lửa hoặc xông hơi nước nóng. Sau khi qua cơn lạnh rồi thì bệnh nhân nóng và đổ mồ hôi. Cứ 2, 3 ngày lên cơn nóng lạnh một lần khoảng 2, 3 giờ rồi hết, ăn được nhưng khó tiêu, đầy hơi, da bụng dày, hay buồn nôn, đau lâm râm râm vùng thượng vị, da mặt, niêm mạc mắt vàng tươi.

Thiết mạch: Trung huyền hữu lực.

Quy nạp bát cương: Bán biểu, bán lý.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Bệnh này do can mộc khắc tỳ thổ, vì mạch huyền là chủ mạch của can, thổ hư cho nên nhìn thấy da mặt vàng, thường hay buồn nôn vì can dương thịnh khắc chế tỳ thổ, tỳ khí thượng nghịch, ăn được nhưng khó tiêu, vì tỳ hư không kiện vận được thức ăn. Bệnh tuy đã lâu nhưng tà còn lưu lại ở túc thiếu dương đởm và túc quyết âm can, cho nên cách ngày lại lên cơn sốt rét, lạnh trước sốt sau, nhiệt tà kích động can dương lấn qua tỳ thổ cho nên lợm giọng, buồn nôn, đầy hơi, khó tiêu, niêm mạc mắt và da mặt vàng tươi (do thổ hư tượng ra bản sắc).

Xử phương: Trước hết dùng *Thanh tỳ ẩm* gia : Hà thủ ô 10g, Thần thông 8g, Nhân trần 10g, Thảo quả dùng 3 trái.

Sắc cho uống liên tục 10 ngày bệnh nhân hết lên cơn sốt rét, da mặt mắt bớt vàng ăn uống vào không bị buồn nôn lợm giọng nữa.

Tái khám thấy mạch đi trầm hoãn, các chứng sốt rét cách nhật dứt hẳn, chỉ còn niêm mạc mắt, da mặt hơi vàng, thỉnh thoảng còn đau vùng thượng vị đổi dùng thang *Hoắc hương chính khí* gia: